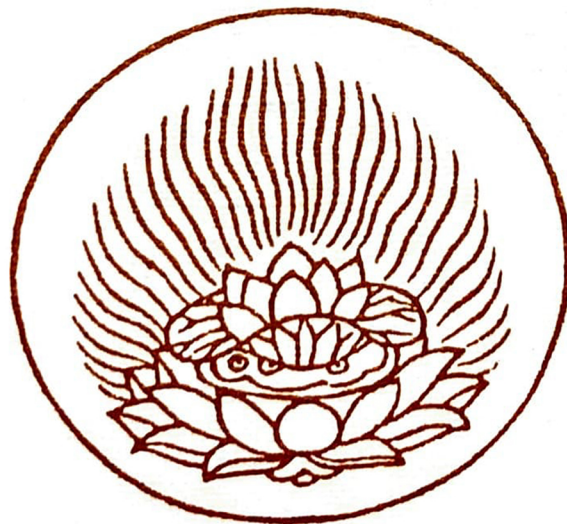


Qui Sơn Linh Hựu Thiên Sư

Thích Bảo Lạc
Dịch & Bình Luận

Qui Sơn Cảnh Sách



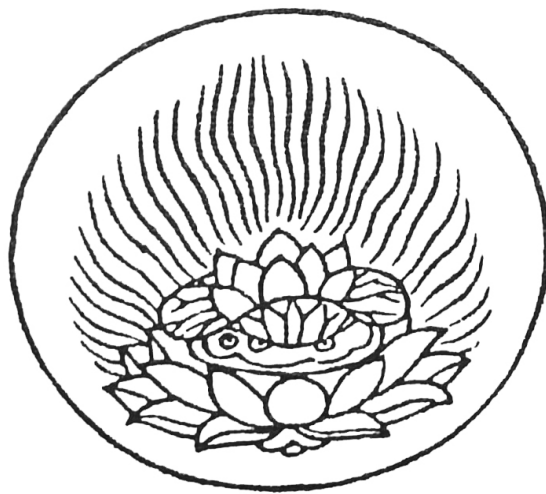
Chùa Pháp Bảo ấn hành 1994 - PL 2538

Qui Sơn Linh Hựu Thiền Sư

Thích Bảo Lạc

Dịch & Bình Luận

**QUI SƠN
CẢNH SÁCH**



Chùa Pháp Bảo Sydney ấn hành 1994

LỜI NÓI ĐẦU

Cho tới nay có ít nhất mười nhà dịch giả (thuật) bộ Qui Sơn Cảnh Sách sang Việt ngữ như trong sách Phật Tổ Tam Kinh (1950; của Vô Danh Thị), Hòa Thượng Thích Hành Trụ (1972), Tuệ Nhuận (1973); Chư Thượng Tọa, Đại Đức dạy chúng, tại các trường Phật học Báo Quốc, Linh Ứng (Non Nước), Nguyên Thiều (Bình Định), Ân Quang (Sàigon), Lương Xuyên (Trà Vinh), Phật Ân (Mỹ Tho), Huệ Nghiêm (Gia Định) v.v... đều giảng dạy tăng sinh bộ sách quý này.

Tại sao chúng tôi vẫn tiếp tục dịch luận bản văn trên sang tiếng Việt làm gì?

Vẫn biết có nhiều vị uyên thâm Phật học đã dịch văn Cảnh Sách, song văn phong mỗi thời một thay đổi; hoàn cảnh Giáo Hội - Tăng Đoàn – mỗi giai đoạn không giống nhau. Từ khi có số Phật Tử Việt tỵ nạn đông đảo tại hải ngoại đến nay gần hai mươi năm, tình trạng Phật giáo có phức tạp, đổi thay. Chưa có vị nào dịch luận văn “Cảnh Sách” cho thích hợp trào lưu hiện tại, có thể nói là thời kỳ vô cùng giao động trong giới nhà tu Phật và Phật Tử nói chung, nếu nhìn theo nhiều góc cạnh khác nhau trong công cuộc hoằng dương Phật pháp tại hải ngoại.

Vì lẽ đó, chúng tôi mạo muội dịch, dẫn giải và bình luận bản văn ngắn gọn, khúc chiết của tổ Qui Sơn, là bài “Cảnh Sách” này, theo một tinh thần mới với cái nhìn từ bên trong, nhằm mục đích:

- Tự răn nhắc cảnh tỉnh mình; có nhiều lúc vì công việc bận rộn, do chức vị hoặc ưu thế... khiến tâm tư mù quáng; lòng khinh thường ngạo mạn khởi lên mà không tự kiểm được. Nhờ những lời sách tấn tu hành cụ thể soi sáng mà trừ diệt được những tà niệm để dũng mãnh tiến bước

theo dấu chân của Phật và Tổ. Cùng nhau sách tấn tu hành, đem ánh sáng đạo vàng soi sáng nhân sinh để làm rạng danh tiền đồ Phật giáo. Đó cũng là sứ mạng và bổn hoài của người xuất gia muốn đền đáp bốn ân trong muôn một.

Trong công cuộc hoằng pháp, người xuất gia có công suy nghĩ trong việc sáng tác, dịch thuật; người Phật Tử tại gia góp của in ấn cho những tác phẩm (Kinh luận) lưu hành sâu rộng trong Cộng Đồng Phật Tử. Đó là lý do để tập sách dịch luận nhỏ này được hoàn thành trong mùa Phật Đản, Phật Lịch 2615 (1991) với tâm nguyện tặng biếu quý độc giả đọc hiểu thêm về những điều cần thiết.

Cầu cho hết thảy chúng sanh
Nguyện đem công đức ấn kinh lưu truyền
Nguồn từ rưới khắp nhân thiên
Xây tòa an lạc mãn viên đạo vàng
Vô dư thể nhập Niết Bàn
Chứng nên Phật quả thiện toàn Chân Như

Xin chân thành tri ân chư thiện hữu tri thức xa gần đã góp ý kiến cho chúng tôi trong việc dịch giải này, và xin đa tạ quý Phật Tử đã góp phần tịnh tài in ấn tập sách luận nhỏ này. Nhờ sự trợ duyên quý báu của quý vị mà công cuộc hoằng pháp trở nên dễ dàng và hữu hiệu. Ngưỡng nguyện Tam Bảo chứng minh cho tất cả quý vị.

Cầu nguyện Phật pháp mãi trường tồn,
Chúng sanh sống hòa bình an lạc.

Sydney, ngày 24/4 Tân Mùi (6/6/1991)
Tỳ Kheo Thích Bảo Lạc

Đôi lời trong lần tái bản

Tập luận Qui Sơn Cảnh Sách nhỏ này được ấn tống trong mùa Phật Đản, năm Tân Mùi, 1991; đã được khắp nơi đặc biệt chú ý đón nhận như một sinh phong mới của hai mặt: dịch giải và bình luận.

Có số độc giả ở xa như Pháp, Đức, Hoa Kỳ gửi thư xin thỉnh sách, rất tiếc chỉ còn một số ít giữ lại cho thư viện Pháp Bảo, không thể đáp ứng nhu cầu đòi hỏi được. Tập sách này không những cung ứng nhu cầu học hỏi của giới tăng ni sinh xuất gia làm chuẩn đích trong sự tu hành, mà còn thỏa mãn việc nghiên cứu của người Phật tử cư sĩ trong lãnh vực tri thức chuyên biệt. Cuốn sách đã được nhiều bậc tôn túc tán trợ trên một số vấn đề căn bản người xuất gia nơi phần bình luận và nhận xét. Một số độc giả tri thức xin tạm không nêu danh tánh, đọc xong sách nhiệt liệt ca ngợi viết thư bày tỏ với dịch giả trong hai điểm: dám nói thẳng và nói sự thật mà xưa nay giới thiền gia hầu như ít có ai đề cập tới. Đó là lý do mạnh mẽ để tác phẩm tái hội với độc giả xa gần, nhất là những ai chưa có cơ hội đọc qua.

Ở đây dịch giả chân thành cảm tạ quý Ngài và quý vị đã đề thì giờ và tâm ý soi sáng việc pháp lạc cao quý này.

Cầu nguyện Phật pháp vĩnh trường tồn, chúng sanh an lạc.

Sydney 30 tháng 9 năm 1994

Dịch giả Thích Bảo Lạc

NỘI DUNG

I. Sơ lược tiểu sử Ngài Qui Sơn Đại Viên

II. Nội dung Văn Cảnh Sách.

1. Động cơ xuất gia.
2. Mục đích của người xuất gia.
 - Báo hiếu đền đáp bốn ân sâu nặng.
 - Lập công bồi đức.
 - Hoằng pháp lợi sanh.
 - Thoát ly sanh tử.
3. Đọa lạc trầm luân do tham danh đấm sắc
 - Tự cao tự đại, không niệm khiêm nhường, khinh thường người và vật khác.
 - Tham danh đấm sắc.
4. Học và hành trì giới luật.
5. Cái “ngã” chưa xả, người tu vẫn đọa lạc trong luân hồi.
6. Cùng nhau răn nhắc tu hành.
7. Hành trang trên đường giác ngộ.
8. Khuyên răn những điều cần yếu.
9. Cầu đạo.
10. Nêu rõ lý nhân quả.

III. Bình luận và nhận xét.

1. Khái niệm.
2. Thành phần giáo đoàn.
3. Vị thế của tăng đoàn trong bối cảnh xã hội.
4. Những Tăng, Ni hoàn tục.

Người xuất gia phải đủ ba đức tánh:

- Thành thật.
- Tha thứ.
- Thương yêu.

IV. Kết luận:

- Giữ giới luật cẩn thận.
- Khắc phục nghịch cảnh.
- Hòa nhã với mọi người.

QUI SƠN CẢNH SÁCH

Bài Văn Cảnh Sách ngắn gọn này, văn từ hoa mỹ, ý tứ cao siêu mà Ngài Linh Hựu Thiền Sư đã làm ra để răn nhắc kẻ hậu học, nhất là giới xuất gia học đạo xuất thế phải noi theo con đường chư Phật, chư Tổ đã đi qua, để cho xứng đáng là bậc trưởng tử của Đức Như Lai.

Vì nhận thấy chỗ uyên thâm, lợi lạc vô cùng từ lời Văn Cảnh Sách, thức tỉnh, răn nhắc, nên dù đã trải qua thời gian trên 30 năm tu tập và hành đạo, người dịch vẫn còn nhớ một vài đoạn, nhất là phần mở đầu, khiến cho tâm cảm hoài nhớ đến ân đức chư Phật, chư Tổ đã vì tiền đồ của đạo pháp mà “tục diệt truyền đăng”, tức là kế tục khêu tỏ ngọn đèn chánh pháp không để cho mai một, lu mờ. Nhờ đó các thế hệ đến sau được gội nhuần ân đức, dũng dạc lên đường, lướt băng ra ngoài ngàn dặm giữa ba đào mà lòng vẫn giữ bền gan thép, như chất kim cương, không hề nao núng yếu hèn trước ngọn cuồng phong của đời sống kim tiền bao phủ, bủa vây chung quanh.

Vào phần chi tiết phạm vi nghiên cứu được chia ra như sau:

I. Sơ lược tiểu sử Ngài Qui Sơn Đại Viên Thiền Sư.

II. Nội dung Văn Cảnh Sách.

1. Động cơ xuất gia.
2. Mục đích của người xuất gia.
3. Đọa lạc trầm luân do tham danh đắm lợi.
4. Học và hành trì giới luật.
5. Cái “ngã” chưa xả, người tu vẫn đọa lạc trong luân hồi.
6. Những điều cần ghi nhớ để làm hành trang trên đường giác ngộ.

III. Bình luận và nhận xét.

1. Khái niệm.
2. Thành phần giáo đoàn.
3. Vị thế tăng đoàn trong bối cảnh xã hội.
4. Những vị tăng ni hoàn tục.

IV. Kết luận

I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ NGÀI QUI-SƠN ĐẠI VIÊN THIÊN SƯ:

Ngài họ Triệu, quê quán tỉnh Phúc Châu, quận Trường Khê, sinh năm 771 (Tây Lịch). Ngài xuất gia thuở còn nhỏ, lúc 15 tuổi, với Ngài Pháp Thường tại Chùa Kiến Thiện ở quê nhà. Sau Ngài đến đất Giang Tây tham học với Ngài Bách Trọng Hoài Hải Thiên Sư vào năm 794. Lúc đó, Ngài được 23 tuổi, và được cử lãnh chúng, tức điều hành đại chúng và có thể thay Thầy trong những lúc cần thiết.

Về cuộc đời phi thường của Ngài, ở đây xin lược ghi lại một vài mẫu chuyện vấn đáp về chỗ đạt ngộ tâm yếu thiên tức là trực ngộ chơn tâm hay kiến tánh giải thoát.

Lúc mới nhập chúng, một hôm Ngài đứng hầu Tổ Bá Trọng, Bá Trọng hỏi:

- Ai đó?

Ngài thưa:

- Con, Linh Hựu.

Bá Trọng bảo:

- Ngươi lại đằng lò xem có lửa chằng?

Ngài tìm mãi một hồi lâu không thấy, bèn đến thưa:

- Không lửa.

Bá Trọng đứng dậy, đến bươi sâu trong lò được chút lửa, đưa lên bảo:

- Người bảo không, chứ cái gì đây?

Do đây Ngài đạt ngộ, lẽ tạ Tổ trình bày chỗ kiến giải của mình.

Tổ bảo:

- Đây là con đường rẽ tạm thời. Trong Kinh nói: “Muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên; thời tiết đã đến như mê chột ngộ, như quên được nhớ, mới tỉnh ra vật của mình không từ bên ngoài được”. Cho nên, Tổ Sư bảo: “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp”. Cái “Không tâm” đây là không tâm hư vọng, phạm thánh v.v... Vì suốt xưa thâu nay tâm, pháp vốn tự đầy đủ. Nay người đã vậy, tự khéo gìn giữ.

Nhân một hôm Ngài thượng đường dạy chúng:

- Phạm tâm của người học đạo phải ngay thẳng, chơn thật không dối gạt, không tâm hạnh sau lưng, trước mặt lừa phỉnh, trong tất cả giờ thấy nghe bình thường, không chiều uốn, cũng chẳng phải nhắm mắt bít tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước Chư Thánh chỉ nói: bên như bợn là lỗi lầm. Nếu không như thế lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tướng tập. Ví như nước mùa thu lóng trong lặng lẽ không động không ngại, gọi người này là đạo nhơn, cũng gọi là người vô sự.

Khi ấy, trong chúng có người hỏi:

- Người được đốn ngộ có tu chăng?

Ngài bảo:

- Nếu người khi thật ngộ được gốc thì họ tự biết, tu cùng không tu là lời nói hai đầu. Như nay có người sơ tâm, tuy từ duyên được một niệm đốn ngộ chơn lý nơi mình, nhưng vẫn còn tạp khí (thói quen) nhiều kiếp từ vô thủy chưa có thể chóng sạch, nên dạy hấn trừ sạch dòng thức tạo nghiệp hiện tại, tức là tu vậy. Không nói có một pháp riêng dạy hấn tu hành thú hướng. Từ nghe nhập được lý; nghe và lý sâu mâu, tâm tự tròn sáng, không ở chỗ mê

lâm. Hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa thẳng trăm hắc vẫn được ngồi yên mặc áo, tự biết tạo sinh kế. Nói tóm lại, “chỗ lý chân thật không một mảy bụi, trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp”. (Thật tế lý địa, bất thọ nhứt trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhứt pháp). Nếu được như vậy, là một mình cầm đao thẳng vào, lòng phàm thánh sạch, hiện bày chơn thường, lý sự không hai, tức Phật như như (TH. Chư Thiên Đức từ trang 320-325 T. Thanh Từ).

Được biết non Qui Sơn là thắng địa u huyền, cây to bóng mát, rất thích hợp làm nơi đạo tràng, qui tụ đồ chúng các nơi về tham học, nhưng lại là đất thiêng, có nhiều hùm beo, cọp gấu dữ, nếu chẳng phải là bậc phi thường thì ít có ai dám lui tới chốn hiểm địa này cả. Đương thời có Tư Mã Đầu Đà Thiên Sư là một bậc chân tài thông cả về địa lý và tướng số, quê ở đất Hồ Nam; một hôm đến yết kiến Bá Trọng, cũng trong ý hướng muốn kiến lập ngôi già lam tại vùng đất thiêng ấy. Qua câu chuyện như sau:

Tư Mã Đầu Đà:

- Qui Sơn là thắng cảnh, nên lập đạo tràng, kết nạp pháp hữu.
- Lão Tăng muốn đến đó được chăng? Bá Trọng hỏi.
- Qui Sơn kỳ tuyệt có thể qui tụ trên cả ngàn chúng, nhưng chẳng phải chỗ thích hợp cho Hòa Thượng.
- Sao vậy?
- Vì Hòa Thượng là người xương, còn núi kia là núi thịt, dù Ngài có ở đó, đồ đệ cũng chẳng đông đảo gì.
- Trong chúng đây có người nào đến đó ở được chăng?
- Phải đợi xem qua mới biết được.

Hòa Thượng cho gọi một vài chúng đến. Đầu Đà đều lắc đầu trả lời là không được. Đến lượt Linh Hựu ra, Đầu Đà nói:

- Đây mới chính là chủ Qui Sơn.

Tôi đó, Ngài được Tô Bá Trọng gọi vào liêu dặn dò:

- Cơ duyên đã đến, người sẽ ở thảng địa Qui Sơn, để hoàng khai chánh pháp, tiếp dẫn hậu lai, hầu tiếp nối pháp mạch của Tông môn. Ngài vâng lời Thầy bái biệt ra đi, mang cả sứ mạng, kế thừa Tô đạo, rộng độ kẻ hậu học.

Non Qui Sơn cao chót vót không có bóng người lai vãng, là hang ổ của loài thú dữ. Lúc đầu, Ngài đến đây cất một am tranh nhỏ ẩn cư tu hành, hằng ngày thức ăn là trái cây rừng, nước uống là suối khe nuôi sống. Bè bạn với cọp, beo, khi, vượn cùng muông thú trong cảnh thanh vắng u nhàn. Ngày qua tháng lại đã bảy năm sống đơn độc trong am thanh cảnh vắng. Một hôm, Ngài tự nghĩ: Đạo phải tiếp vật lợi sanh; sống đơn độc một mình sao phải. Thế rồi, Ngài rời căn lều đi lần xuống núi. Đi tới đâu Ngài cũng thấy cọp, beo nhờn nhờn qua lại. Ngài chỉ vào chúng mà bảo rằng: “Nếu ta có duyên với núi này, các người nên đi tránh chỗ khác, nếu ta không có duyên ở đây thì các người cứ thịt ta đi”. Ngài nói xong, các thú dữ đều đi tứ tán hết, Ngài trở về am yên ổn tu hành.

Đạo đức Ngài ngày càng lan rộng, không bao lâu dân chúng đều hay biết, họ rủ nhau lên núi đẵn gỗ cất một ngôi Chùa cho Ngài. Chùa sau được Vua Đường ban sắc tứ là “Đồng Khánh” và trở thành một đạo tràng nổi tiếng qui tụ có hơn cả ngàn đồ chúng. Lúc bấy giờ, có tướng quốc Bùi Hưu nghe danh Ngài cũng thường tới lui thưa hỏi chỗ uyên áo của Đạo Thiên, và đều được giải tỏ chỗ nghi tình. Vì thế, viên tướng này đem lòng nể trọng Ngài và sùng kính đạo Phật hơn trước. Ta hãy nghe câu sau đây của Ngài muốn đời bất diệt: “Thật tế lý địa, bất thọ nhứt trần; vạn hạnh môn trung, bất xả nhứt pháp” (chỗ lý chân thật không mắc một mảy bụi; trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp). Đó cũng là lời di huấn của Ngài, là tâm tông, Phật tánh, phàm thánh sự lý như như.

Ngài truyền bá pháp mạch dòng Thiên trên hơn 40 năm, độ được cho vô số người tại gia không thể kể hết, và môn đồ đệ tử xuất gia vào hàng sứ giả của Phật được cả thảy 41 người.

Ngài tịch vào năm 853, đời Đường niên hiệu Đại Trung năm thứ bảy, tức nhằm ngày mùng 9 tháng giêng âm lịch năm Quý Dậu, thọ 83 tuổi đời và 64 tuổi hạ.

Vua sắc ban cho Ngài đạo hiệu Đại Viên Thiên Sư và ngôi bảo tháp hiệu là Thanh Tịnh.

Do công phu tu hành hóa độ được nhiều người quay về với Chánh Pháp, đã đạt tới chỗ thành tựu rốt ráo viên mãn nên hiệu Đại Viên mà Vua Đường ban cho Ngài thể hiện trọn vẹn được ý này. Vì chữ Đại là lớn, cao cả, đáng tôn sùng, hoàn toàn; Viên là tròn đầy, viên mãn vô ngại. Cái thể của nó lồng lộng trong sáng, như kim cương, không một vật gì có thể làm cho chất cứng rắn đó mềm nhũn được cả. Cái tâm người hành đạo cũng phải vững như thành đồng như thế, nên Ngài Linh Hựu lúc ở trên non Qui Sơn đã khắc phục được mọi nghịch cảnh, hóa độ chúng sanh, từ người cho đến loài động vật và muông thú đều hết lòng qui ngưỡng, nể trọng quy y. Đại Viên là kết quả của quá trình dày công hành đạo, nhiếp hóa đồ chúng mà có được. Chúng ta xem đó như là một đại ân đức mà Ngài được vua đặc biệt ban cho để nhắc cho hậu thế biết một gương tu hành suốt đời tận tụy hy sinh cho đạo pháp.

Ngài thông đạt Kinh, luật Đại Thừa, Tiểu Thừa rất uyên thâm, nên trong bài “Văn Cảnh Sách” của Ngài nghĩa thú vô cùng tinh vi, sáng sủa. Lời Văn Cảnh tinh uyên áo ấy của Ngài làm khuôn thước mẫu mực cho Tăng, Ni từ xưa đến nay tại các trường Phật học đào tạo Tăng tài, nhất là các Phật học viện tại Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam, v.v...

Bộ sách quý được xem như để gói đầu giường của Tăng, Ni gồm bốn cuốn: Tỳ Ni, Sa Di, Oai Nghi và Cảnh

Sách, nên bất cứ một Tăng sinh nào nhập chúng tu học đều phải thuộc nằm lòng, là điều kiện bắt buộc nơi các trường Phật học ngày trước.

Cái học bây giờ đã được sửa đổi, người ta cho rằng học thuộc lòng như thế là nhồi sọ đầu óc tuổi trẻ. Nhưng theo tôi nghĩ, cho đến bao giờ và thời đại văn minh đến đâu đi nữa, tôi vẫn quý trọng lối học cổ điển, vì nó giúp cho ta rất nhiều tư liệu, điển tích mỗi khi ra làm việc phải cần đến kho tài liệu vô hình ấy. Chính bản thân tôi đã đem ra áp dụng trong lúc diễn giảng, luận đạo trước số thính chúng đông đảo, vẫn vững tâm tự hào, tin tưởng cái vốn sẵn có của mình.

II. PHẦN NỘI DUNG BẢN VĂN

瀉 山 警 策
Qui Son Cảnh Sách

瀉 山 大 圓 禪 師 著
Qui Son Đại Viên Thiền Sư trước

Qui Son Đại Viên Thiền Sư làm lời văn cảnh sách như đã trình bày. Tuy nhiên, để cho rõ nghĩa hơn, ở đây tưởng cũng cần giải thích thêm từ “Cảnh sách” để độc giả dễ dàng hơn trong việc lãnh hội toàn bộ nội dung bản văn cho được tiện lợi, thông suốt. “Cảnh” là răn dạy những điều đúng, việc phải cho người chưa ngộ hiểu mà thực hành hay cũng có thể nhờ đó sửa đổi những chỗ lệch lạc, chừa bỏ những việc trái, điều dở; như ta thường nghe từ “cảnh cáo”, “cảnh thị” (xem chừng), “cảnh giác” (lưu ý để mọi người biết); “Sách” là nhắc nhở, khuyên bảo những kẻ hậu học, người đến sau tiếp tục kế nghiệp sứ mạng lợi sanh cao cả mà Phật, và chư Tổ đã truyền lưu lại, không nên lơ là, chểnh mảng.

Tại sao Ngài Đại Viên Thiên Sư có lời văn cảnh thế như vậy?

Xét qua lịch sử Phật giáo Trung Quốc lúc bấy giờ đang ở vào thời đại nhà Đường, có thể nói trong gần 1000 năm, Phật giáo Tàu chưa có thời nào thịnh đạt bằng thời Đường (618 - 907) Tuy nhiên, đến đời Đường Vũ Tôn 845 (niên hiệu Hội Xương thứ 5) lại ra lệnh phá chùa, cưỡng bức tăng ni phải hoàn tục. Sử chép rằng vua Vũ Tôn đã thi hành một chính sách tàn ngược chưa từng thấy đối với Phật giáo. “Chùa chiền bị phá hủy đến 4,600 cơ sở, tăng ni phải hoàn tục có đến 260,500 người! Đó là chưa kể đến những thảo am, tịnh thất, cơ sở nhỏ bị triệt hạ có đến hơn 40,000 sở. Số ruộng đất của chùa cũng bị tịch thu có đến 200,000 mẫu! Và ngoài ra, những người làm công quả cho chùa cũng bị đuổi về làm dân để nộp thuế có đến 50 vạn người”. (Cựu Đường Thư, Đào Duy Anh trích dẫn trong T.H. Sử Cương, các trang 115 và 116). Thời kỳ này sử Phật giáo gọi là pháp nạn Võ ách thứ ba vậy.

Xem thế đủ biết rằng ở thời nào cũng vậy, khi Phật giáo bị áp bức, suy đồi thì Tăng Ni xuống dốc, sa đọa. Trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam hiện đại dưới chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm (1954 - 1963) sau khi nhà Ngô sụp đổ, hàng ngũ Tăng Ni trở nên lũng đoạn, hầu như vô tổ chức. Họ không còn giữ đúng qui củ thiền môn mà hầu như trong số đó, thành phần Tăng Ni trẻ tuổi đã đi quá đà, vượt ngoài kỷ cương của nhà mô phạm. Luận thời nay để suy việc trước, hẳn cũng là diễn trình của lịch sử mà ta không sợ sai lệch, lầm lẫn.

Thiên Sư Đại Viên là người đã chứng kiến qua nhiều giai đoạn hưng thịnh, suy vong của Phật giáo, nhất là tình trạng Phật giáo lúc suy đồi. Ngài chấn chỉnh tông phong, lập đạo tràng nơi non cao hiểm địa, qui tụ những người có tâm với đạo, dốc chí tu hành để khỏi xa rời môi đạo mà Đức từ phụ Thích Ca hàng ngàn năm trước đã khai sáng.

Đọc kỹ lời văn Cảnh Sách của Ngài làm ra (trước hay trú tác) trong hơn 12 thế kỷ qua mà văn phong như còn dạt dào bất tận chan chứa tâm lượng từ bi đưa vào lòng người của bao thế hệ ngàn sau vẫn đượm nhuần hương giải thoát, như trăng sao vẫn vằng vặc giữa bầu trời cao rộng của “Không thời như như bất biến”. Đại Sư chứng kiến ảnh vật đổi sao dời, lòng người tệ ác của đời “mạt pháp” mà hàng môn đệ nơi cửa Phật ngày càng thậm tệ. Họ phóng tâm theo thói đời ham danh, đấm sắc, tham lam, trục lợi, biếng nhác, trễ lười. Những thời khóa không tu, không tham thiền, niệm Phật; người xuất gia mà mỗi ngày hai thời công phu không chịu hành trì. Kẻ học đạo xuất thế mà tâm vẫn lún sâu vào cõi thế, lêu láo cho qua ngày ở Chùa luận việc người, hết ăn, tới ngủ, họ cứ nằm dài ra như cái “thây ma” có xác không hồn. Mỗi đêm họ đánh giấc thẳng cẳng từ đầu hôm cho đến sáng, và cứ như thế tiếp tục... thì đâu còn chí hướng của kẻ “Xuất trần thượng sĩ”! Do tệ trạng bê tha như vậy nên Ngài làm văn “Cảnh Sách” này để may ra còn vớt vát được gì cho đạo pháp, cho giềng mối kỷ cương của Tăng đoàn phải được phục hồi, chấn chỉnh. Một khi Tăng đoàn đã vững thì thế đứng của Phật giáo mới đủ mạnh. Đó là luật hổ tương nhân quả tất định mà ở bất cứ giai đoạn lịch sử thời nào cũng vậy.

1. ĐỘNG CƠ XUẤT GIA:

Người xuất gia phải luôn luôn nghĩ tới cái khổ hình hài, vóc thể này:

夫	業	繫	受	身	未	免
Phù	nghiệp	hệ	thọ	thân	vị	miễn
		形	累			
		hình	lụy			

Luận nghiệp đời trước ràng buộc nên phải thọ thân đời này mà đã có thân thì không ai tránh khỏi cái khổ của thân.

Câu này 9 chữ, mỗi chữ hàm tàng một nghĩa thú sâu rộng, có liên hệ tới câu nói của Lão Tử: “Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân, nhược ngô vô thân, hà hoạn chi hữu? (Ta có cái khổ lớn, vì ta có thân; nếu ta không có thân, thì làm gì có khổ?)

Nghiệp ràng buộc là gì? Nghiệp là hành vi tạo tác, như vang theo tiếng, bóng theo hình, không thể nào sai khác được. Con người có ba cái nghiệp: thân, khẩu, ý tạo ra ba đám giặc tham, sân, si là cái “nhân” hay hạt mầm trong quá khứ, để đưa lại “quả khổ” hiện tại. Do nhân ràng buộc tức gây ra niệm bất thiện, hành vi xấu ác, nên kết quả là phải chịu khổ lụy. Cái khổ không phải chỉ có một mà là nhiều thứ nên nói “các khổ”. Có bốn cái khổ căn bản (gốc) và bốn cái khổ phụ thuộc. Bốn khổ gốc là sanh, già, bệnh, chết mà con người không ai tránh khỏi, nhất là hàng phàm phu tại gia và kẻ xuất gia học đạo xuất thế, đều phải trải qua mỗi buộc ràng này kết chặt thành thân nên thọ khổ. Khổ là những gì khó chịu, buồn bực, đau đớn mà từ tiếng Phạn gọi là Dukkha, tiếng Anh là Suffering để chỉ trạng thái tâm lý bị xáo trộn, bất an v.v... thường trực trong mỗi con người. Nếu như người nào thiếu phước, kém tu thì cái khổ cứ liên li triền miên không dứt như cái xe lăn theo sau con ngựa kéo khó rời nhau. Bốn cái khổ trước có thể nói thuộc về sinh lý, thân xác. Thực trạng của cuộc đời là khổ, vô thường vô ngã...

Vì thế, nhân sinh mới:

Thoạt sinh ra thì ã khóc chóc
Trần có vui sao chẳng cười khi?
Khi hỉ, nộ, ái ố, lúc sầu bi
Chứa chi lắm một bầu nhân dục...

(Nguyễn Công Trứ)

Và, đây là một sự thật hiển nhiên:

Thuở nào khi mới chôn nhau,
 Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra
 Khóc vì nỗi thiết tha sự thế
 Ai bày trò bãi bể nương dâu
 Trắng răng đến thuở bạc đầu
 Tử, Sinh, Kinh, Cự làm nao mấy lần...

hoặc

Gót danh lợi bùn pha sắc xám
 Mặt phong trần nắng nám mùi dâu
 Nghi thân phù thế mà đau
 Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê...
 (Cung Oán Ngâm Khúc - Ôn Như Hầu)

Trên đây là mấy câu thơ tiêu biểu của một vài thi nhân ảnh hưởng đến triết lý “khổ, vô thường, vô ngã” của Đạo Phật mà người tu Phật phải hiểu và thể nghiệm trong lúc tu tập để dứt cái khổ trầm thống của kiếp người, và thoát ly ra khỏi sanh tử luân hồi.

Động cơ chính thôi thúc xuất gia của người tu học đạo xuất thế là dứt nghiệp, tức không còn thọ báo, chịu khổ nữa. Vì thế, bốn khổ trước có khác với bốn khổ phụ thuộc theo sau giữa người xuất gia và người đời rất nhiều. Tại sao khác? Nếu người tu còn bị các khổ tinh thần này chi phối, thì có khác nào người đời. Phải chăng họ không chịu thực hành đúng giáo pháp nên cả hình dung lẫn tâm niệm đều do vọng trần chi phối, buộc ràng nên không còn giữ được thể thống của người tu Phật, kẻ đã “phát túc siêu phương, tâm hình dị tục”?

Bốn khổ phụ thuộc theo sau là yêu thương nhau mà phải xa lìa, cầu mong mà không được toại nguyện, như ý, ghét nhau mà phải sống chung đụng với nhau và năm ấm của

thân: sắc, thọ, tướng, hành, thức hãy hừng làm cho con người buồn đau, thống thiết. Có người quên ăn, bỏ ngủ vì tư tưởng tới người mà mình thương yêu đã rẽ lối sang ngang. Ngay cả trong tình thương của gia đình đối với cha mẹ, anh em... khi phải xa nhau ta đau đớn, khổ não biết chừng nào! Đối với hoàn cảnh ty nạn của người Việt thì hầu hết trong số chúng ta đều ở trong cảnh “sinh ly, tử biệt” này mà không ai làm sao tránh khỏi. Bạn nghĩ gì khi điều cầu mong của bạn không thành tựu? Hay không được thỏa mãn?

Tâm trạng chán nản, buồn bực, khổ đau suốt ngày này qua ngày nọ, quên ăn mất ngủ và có khi phải kết liễu một đời oan uổng cũng chỉ vì nguyện ước bạn không thành. Không có cảnh khổ nào bằng khi hai người giận ghét, hiềm khích nhau mà phải gần gũi, sống chung nhà, làm việc cùng hãng xưởng với nhau. Trong trường hợp này việc gì đã xảy ra thì như bạn đã kinh nghiệm trong đời sống, hẳn biết. Còn cái khổ của năm ám thân hay năm chổ tích tụ, tập hợp của sắc cực mạnh, thọ nhận quá nhiều, tâm tưởng tượng bất chánh, làm những chuyện sai lầm, phi pháp và ý thức không đúng, lệch lạc, thiên kiến v.v... tạo ra cho đời bạn biết bao nhiêu khổ đau, buồn thảm.

Câu trên còn chữ “Nghịệp” rất rộng và sâu, tôi tạm lướt qua mà không giải thích, vì nếu trình bày rõ ràng e người đọc sẽ khó chú tâm vào phần chính nên tiếp tục đoạn sau:

稟	父	母	之	遺	體
<i>bẩm</i>	<i>phụ</i>	<i>mẫu</i>	<i>chi</i>	<i>di</i>	<i>thể</i>
假	衆	緣	而	共	成
<i>giả</i>	<i>chúng</i>	<i>duyên</i>	<i>nhi</i>	<i>cộng</i>	<i>thành</i>

Thân này nhờ bẩm thụ di thể của cha mẹ mà có, nhờ (mượn) các duyên tạo thành.

Nhờ tinh huyết của cha mẹ tạo nên để cho ta có được thân thể. Đó là cái vóc dáng, hình hài hay khuôn mẫu của cha mẹ nặn thành thân xác ta lưu dấu lại về sau, nên gọi “di thể”. Thân xác đều do các duyên hòa hợp mới thành. Sự hòa hợp này do bốn yếu tố gồm: đất, nước, gió, lửa giúp thân trưởng thành, tồn tại. Phần da, thịt, răng, móng, tóc, lông... ở nơi thân thuộc về đất; nước tiểu, máu, nước miếng, nước mũi, đờm giải thuộc về nước; hô hấp ra vào trong bộ tuần hoàn thuộc về gió và nhiệt độ, năng lượng trong người là lửa hay sức nóng.

Bốn yếu tố kia hòa hợp thì thân xác tồn tại; không hòa hợp thì con người phải chết, phải kết liễu một đời.

			雖	乃			
			<i>Tuy</i>	<i>nãi</i>			
四	大	扶	持	常	相	違	背
<i>tứ</i>	<i>đại</i>	<i>phò</i>	<i>trì</i>	<i>thường</i>	<i>tương</i>	<i>vi</i>	<i>bội</i>
無	常	老	病	不	興	人	期
<i>Vô</i>	<i>thường</i>	<i>lão</i>	<i>bệnh</i>	<i>bất</i>	<i>dĩ</i>	<i>nhơn</i>	<i>kỳ</i>
朝	存	夕	亡	殺	那	異	世
<i>triêu</i>	<i>tồn</i>	<i>tịch</i>	<i>vong,</i>	<i>sát</i>	<i>na</i>	<i>dị</i>	<i>thế</i>

Tuy do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) mà tồn tại, nhưng thường hay chống trái nhau, nên việc vô thường già, yếu, bệnh hoạn, không hẹn cùng người. Vì thế, thân này sớm còn tối mất, phút chốc qua đời khác.

Vô thường là không tồn tại được lâu dài, biến đổi nhanh chóng (impermanent) trước đó không mà nay có, nhưng tạm có đó rồi không, tức là mọi sự, mọi vật trên thế gian này kể cả thân xác đều thay đổi trong từng giây phút, từng tâm niệm.

Thân do bốn đại hòa hợp mà thực chất của mỗi đại lại không có tự tánh hay thật tánh nên không có chủ thể, không bền chắc, nhưng các đại hòa hợp với nhau thì thành thân mạng vóc hình. Sự hòa hợp ấy phải nương vào ba yếu tố: tinh cha, huyết mẹ, và thức, các duyên hội đủ mới thành. Nếu thiếu nhân duyên thì thân xác này không hội tụ được. Nhân Duyên là từ khó hình dung bằng hình ảnh, song mỗi khi làm một việc gì dù thành hay bại, người ta hay nói: do “nhân duyên tới đó. Nhân duyên là kết quả ứng hợp đưa lại một sự việc cụ thể. Có 12 nhân duyên liên hệ dây chuyền với nhau như móc xích của vòng bánh xe quay: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.

1) Vô minh là tối tăm, mờ mịt do phiền não, vọng nghiệp đời trước làm che lấp “bản tánh” sáng suốt.

2) Hành là hành vi tạo tác nghiệp thiện và bất thiện trong quá khứ.

3) Thức là biết, một động lực vô cùng lợi hại do hoặc nghiệp hay vọng nghiệp quá khứ lôi sử làm cho “thức” này gá vào thai mẹ, trong tích tắc nhiệm “ái” làm nhân và nhân “tưởng” làm thai, nhờ tinh cha, huyết mẹ hợp thành một giọt lớn như hạt đậu. Đó là bào thai.

4) Danh sắc: Danh là tên gọi, sắc là thân xác đầy đủ tượng thành người.

5) Lục nhập: Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mở bày tiếp xúc với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài, nên gọi lục nhập.

6) Xúc là tiếp cận, va chạm vào thế giới bên ngoài.

7) Thọ là nhận lấy. Thọ có ba khía cạnh: khổ thọ, lạc thọ và xả thọ. Thọ đều khổ, việc vui và thọ đều không khổ cũng không vui.

8) Ái là yêu thương do tham ái mà thành. Đến tuổi dậy thì từ 13, 14 đến 17, 18 tuổi tham sắc đẹp, dâm dục; song

chưa tìm cầu, lập mưu kế chi nên gọi là “ái”.

9) Thủ là bảo bọc, chấp giữ cho mình và có ý tìm cầu do lòng tham ái thôi thúc.

10) Hữu là có, tức nghiệp, thiện ác chứa nhóm lôi kéo, làm nhân tìm lấy những cảnh duyên nên đời sau phải sanh trong ba cõi: dục, sắc, và cõi vô sắc là quả, và đồng thời cũng là nhân hiện tại.

11) Sanh là ra đời, thọ thai sanh ra loài hữu tình.

12) Lão tử: già chết đi liền nhau, một khi thân ngũ ấm lụn bại sắp hoại diệt, lão tử là quả của vị lai vậy.

Mười hai nhân duyên này đắp đổi xoay vần mãi trong ba đời không dứt. Vì đời quá khứ do “vô minh”, “duyên”, “hành” làm nhân nên chiêu cảm đến mà có ra đời hiện tại. Ví dụ:

譬	如	春	霜	曉	露	倏	忽
Thí	như	xuân	sương	hiểu	lộ,	thúc	hốt
即	無	岸	樹	井	藤	豈	能
tức	vô,	ngạn	thọ	tĩnh	đằng,	khởi	năng
長	久						
trường	cửu						

Cũng như sương mùa xuân, hạt móc ban mai, thoáng chốc tan biến thành không ví như cây trên bờ, dây leo trên miệng giếng, đâu có lâu bền là bao!

Chúng ta thử tưởng tượng giọt sương và hạt móc dính mắc trên đầu cây ngọn cỏ, gặp ánh nắng ban mai chiếu tới liền tan biến thành không. Thêm một ví dụ khác cũng khá mong manh, hình ảnh này khá rõ rệt dễ đập vào mắt ta nhất. Đó là những cây mọc nơi bờ vực thẳm hay dây leo đong đưa bò trên miệng giếng. Chỉ cần một cơn gió thổi mạnh, những vật bám víu tạm bợ ấy cũng dễ bị tróc gốc

cuốn hút theo chiều gió tốc ngã như thường. Và mọi vật trên đời không có gì được trường tồn vĩnh viễn cả.

念	念	迅	速,	一	刹			
niệm	niệm	tán	tốc,	nhứt	sát			
那	間,	轉	息	即	是	來	生.	
na	gian,	chuyển	tức	tức	thị	lai	sinh	
何	乃	晏	然	空	過?			
Hà	nãi	án	nhiên	không	quá?			

Niệm niệm nối tiếp nhau rất nhanh chóng chỉ trong khoảng tích tắc (giây phút). Khi tắt hơi thở là hết một đời, tức qua đời sau. Tại sao cứ để mặc cho chóng qua không tu?

Đọc tới ví dụ này ta liên tưởng đến câu chuyện thiền sau đây:

“Một người đàn ông băng qua một cánh đồng, gặp một con cọp giữa đường. Anh ta chạy trốn, cọp đuổi theo. Đến một vực sâu, anh nắm được rễ nho và đu mình sang bờ bên kia. Cọp ở trên dọa anh ta. Sợ hãi, người đàn ông nhìn xuống, dưới xa, một con cọp khác đang đợi anh ta. Giúp anh ta chỉ có dây nho.

Hai con chuột, một trắng một đen, từ từ bắt đầu gặm rễ nho. Người đàn ông nhìn thấy một trái dâu thơm ngon gần đó. Một tay nắm dây nho, một tay anh thò qua hái trái dâu. Ôi, trái dâu ngon ngọt làm sao!” (Thiền “Góp nhặt cát đá – Đỗ Đình Đồng dịch, trang 35).

Thật cũng như cây trên bờ, dây leo trên miệng giếng, dâu có tồn tại được lâu! Đời người cũng chóng vánh mong manh như thế, chỉ có mỗi niệm mỗi niệm qua mau như trong hơi thở. Hơi thở không thông suốt, nhịp đập của tim không còn tức là hết, là qua một đời khác. Thế sao người đời không ý thức tới vấn đề sanh tử trọng đại, vẫn

cứ điềm nhiên để mặc chóng qua không lo tu tĩnh? Cái chết gần kề, con người vẫn cố bám víu vào sự sống mong manh như người đàn ông và dây nho trong câu chuyện trên đây.

2. MỤC ĐÍCH CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

Người xuất gia nhắm tới mục đích cao thượng, vượt ngoài những ý nghĩ tầm thường của người thế tục, quyết chí thẳng tiến xông pha trên con đường giác ngộ. Vì thế phải chọn hy sinh tình nhà, tình nước, xóm làng bà con lân lý v.v... nói chung là tất cả những mối dây tình cảm ràng rịt con người ở trong “chiếc lồng” chật hẹp của thế gian.

父 母 不 供 甘 旨
Phụ mẫu bất cung cam chỉ,

Vì xuất gia nên không cung cấp được món ngon vị ngọt cho cha mẹ.

Cha mẹ là bậc sanh thành ra ta, nên bốn phận làm con phải lo báo hiếu đền đáp phần nào công ơn như trời biển ấy của các ngài. Báo hiếu cha mẹ có hai cách hay hai khía cạnh.

1) Vật chất: Nuôi dưỡng phụng thờ, hầu hạ, chăm nom, săn sóc cha mẹ từ miếng ăn, giấc ngủ như áp lạnh quạt nòng; giúp đỡ cho cha mẹ lúc về già yếu. Lo cho cha mẹ nơi ăn chốn nghỉ, quần áo, thuốc thang, không thiếu thứ nào theo nhu cầu cần thiết. Người con lo cung cấp phụng dưỡng cha mẹ đầy đủ được gọi là báo hiếu đền ơn. Tại sao phải dâng cho cha mẹ món ngon vị ngọt? Món ngon vị ngọt hay còn gọi vật lạ là đồ ăn trân quý khó tìm. Người ta thường gọi là “sơn hào hải vị”, những thứ hiếm thấy trên thị trường tiêu thụ. Chỉ có những nhà giàu có mới đủ tiền mua món ngon vật lạ đắt tiền, còn những người bậc thường, nghèo khổ trong đời thì ít ai nghĩ tới món ăn sang lạ cầu kỳ cả.

Trong khía cạnh vật chất này, có nhiều khi người con vì lòng hiếu một cách mù quáng mà tạo thêm ác nghiệp cho cha mẹ và cho chính mình. Như lo nhu cầu cho cha mẹ mà con cứ “nhắm mắt” làm theo để đến nỗi phạm vào tội lỗi. Tội ấy ai chịu? Cách báo hiếu cha mẹ như thế có trọn vẹn? Dĩ nhiên, tội lỗi ấy cha mẹ phải chịu một phần, còn một phần người con lãnh thọ không thể san sẻ cho ai khác được. Cách báo hiếu như thế chưa trọn vẹn, chưa hoàn toàn.

2) Tinh thần: Bỏ phần làm con phải khuyên nhắc cha mẹ làm lành tránh dữ như không sát sanh, hại vật để tránh nghiệp thọ báo “đền mạng” ở kiếp sau. Cha mẹ chưa quy y, thọ giới nên đốc thúc quy y. Đem sự lợi ích của việc giữ giới giảng giải để cha mẹ hiểu mà thực hành trong đời sống hàng ngày. Các người, nếu tâm chưa rộng lượng, còn tham lam bòn sẻn, nên nhắc nhở bố thí, ban ân cho kẻ khác. Nên chứng minh điển hình những gương xấu do lòng bòn sẻn keo kiệt mà phải bị họa tai, khổ quả trong thuyết quả báo v.v.... để cha mẹ nhờ đó cải đổi từ hành vi xấu sang tốt. Cách báo hiếu như thế mới thật hoàn toàn thiện lành và trọn vẹn. Những bậc hiền nhân xưa nay đều lấy đó làm khuôn thước mẫu mực trong đạo nghĩa làm người. Vì thế, người xuất gia:

六 親 固 以 棄 離。
lục thân cố dĩ khí ly.

Lục thân vốn đã xa lìa, không còn gần gũi người thân nữa.

Người thân trong gia đình gồm cha mẹ, anh em, vợ con gọi chung là lục thân hay sáu nghĩa thâm tình cốt nhục như đan bện mắc lại với nhau, nên người đi tu phải bút tung ra khỏi vòng móc xích hệ lụy ấy, để xứng đáng kẻ “phát túc siêu phương, tâm hình dị tục” (lưu gót chân đi ngàn dặm, thân tâm khác người thế tục), ngô hầu truyền bá chánh

pháp sâu rộng cho đời.

不 能 安 國 治 邦
 Bát năng an quốc trị bang

家 業 頓 捐 繼 嗣
 gia nghiệp đốn quyên kế tự

Không thể thờ vua giúp nước, nghiệp nhà dứt bỏ kế thừa.

Mặc dù trên hình thức là như vậy, người xuất gia trong thực tế vẫn là một chiến sĩ can trường, có đủ dũng lực phấn đấu không ngừng trước làn tên mũi đạn. Họ phấn đấu ra sao và xông xáo trong trận mạc bằng cách nào?

Người chiến sĩ của quốc gia chỉ chống đỡ có một mặt trận của quân thù, để bảo vệ giang sơn tổ quốc, tức là trọn đạo bề tôi “thờ vua giúp nước”. Thế nhưng, người chiến sĩ của Đức Phật có tới hai thế giặc hùng mạnh đang thư hùng nẩy lửa buộc họ phải xông pha lên đường tẩy trừ loạn đảng. Đó là giặc phiền não bên trong như tham lam, thù hận, si mê v.v.... đang từng giờ từng phút như cổ vùng lên xâm lấn tâm tư. Thế giặc thứ hai, ở ngoài, không kém tầm nguy hiểm là ma chướng gồm có nữ sắc, tiền tài, danh lợi, ăn ngon, mặc đẹp và ham mê giấc ngủ no say. Những thứ ấy muốn lung lạc lòng người ta sa vào hố sâu tội lỗi, thì người tu có thừa sức phấn đấu để chiến thắng chúng trong đường tơ kẽ tóc. Nếu lơ đãng, thiếu cảnh giác chắc chắn bọn phản loạn ma chướng lên làm chủ thì không tránh khỏi thất bại trước khí thế hung hăng của chúng.

Nói: kế thừa gia nghiệp hay “nối dõi tông đường”, có nghĩa là người con trong gia đình, nhất là người con trai phải sanh con đẻ cái và thừa truyền sự nghiệp của tổ phụ để lại, không cho đứt đoạn, tuyệt tự. Từ đời nọ sang đời kia gia

tộc “hiền vinh” phải được sung thịnh, với con đàn, cháu lũ...

Quan niệm xưa cho rằng người nào hay gia đình nào sinh con đông là nhà có phúc. “Sự kế thừa trong gia đình có hai thứ:

- Một là kế thừa (tự) tôn thống, tức là trên tế tự tổ tiên, dưới lưu truyền huyết thống (sinh con nối giòng).

- Hai là kế thừa di sản, tức là thừa hưởng tài sản của cha mẹ, ông bà chết để lại. Trong gia đình (quan niệm xưa) thì việc kế thừa là thuộc về con trai ở giòng đích mà người đích trưởng đứng đầu” (V.N. Văn hóa sử cương của Đào Duy Anh, trang 116). Sự kế thừa gia nghiệp như thế không miên viễn, không vững bền mà có khi còn gây sự tranh chấp hỗn loạn trong gia tộc nữa. Chi bằng: “Người trồng cây hạnh người chơi, ta trồng cây đức để đời mai sau” hay “cha mẹ hiền lành để phúc cho con” thì, người xuất gia quyết chí giữ bỏ tất cả, những hệ tình ràng buộc không cần thiết ấy, dần thân vào con đường đạo sáng, vượt thoát nẻo trầm luân.

緬 離 鄉 黨 剃 髮 稟 師
miễn ly hương đảng thế phát bẩm sư

Từ già xóm làng, thế phát vâng theo thầy.

Hai tiếng “hương đảng” trong câu trên, có nghĩa là thế tục mà người xuất gia phải vượt ra khỏi ngôi nhà thế tục (xuất thế tục gia) để vào ngôi nhà “vô vi” (pháp không), tức là chùa am thanh tịnh. Phát nguyện gọt bỏ hình tướng trau chuốt trơn láng bên ngoài: đầu tóc, trang sức v.v... để hiện tướng “đầu tròn áo vuông”, thực hành theo hạnh nguyện của Phật, vâng lời Thầy dạy bảo (bẩm sư) với quyết tâm học đạo xuất thế. Việc từ bỏ thế tục của người xuất gia, vào chùa tu như thế không có nghĩa là thiếu bổn phận và trách nhiệm đối với quốc gia xã hội hay bất hiếu với cha mẹ, phó mặc làng xóm mà nhằm lập nguyện cao xa hơn để việc đền trả ân đức hữu hiệu và hoàn toàn

hơn. Họ lập nguyện ra sao và đền ơn tổ quốc, cha mẹ cách nào?

內 勤 克 念 之 功
nội cần khắc niệm chi công

外 弘 不 諍 之 得
ngoại hoằng bất tranh chi đức

Trong rèn luyện trí tuệ, ngoài cố vun trồng đức không đua tranh.

Tu hành là sửa đổi từ thể chất đến tinh thần hay hình tướng và nội tâm cho thanh tịnh sáng ngời, mới tỏ ra xứng đáng là nhà mô phạm. Câu trên gồm hai phần: phần trước nói về công tu niệm bên trong, nội tâm; phần sau đề cập tới cái oai nghi: không tranh đua bề ngoài hơn thua, lợi hại v.v... cho mình. Lo rèn luyện tâm chí để phát chiếu trí tuệ và hòa kính được với hết thầy mọi người mà kẻ học đạo xuất thế phải thể hiện ngay từ đầu. Nếu thiếu sự kính nhường trong những phép hòa kính với đại chúng nơi tăng viện, thì chắc gì ra ngoài đời nhà tu đủ niệm cung kính đối với mọi người?

Người xuất gia lập nguyện: “quyết tâm tu học” để trên đền trả bốn ơn sâu, dưới cứu vớt ba đường khổ cho chúng sanh. Bốn ân sâu là: ân quốc gia, ân cha mẹ, ân Tam Bảo và ân chúng sanh. Ba đường khổ là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Làm sao đền trả bốn ân và cứu khổ chúng sanh?

Người xuất gia thật sự không làm việc đóng góp được như người đời, nhưng họ vẫn phải làm nhiều giờ hơn, và tâm lúc nào cũng tỉnh thức. So ra người Tăng sĩ không kém người đời trong nhiều lãnh vực về lâu về dài trong việc đóng góp xây dựng. Có thể nói, người tăng sĩ là một đại chiến sĩ, kẻ chiến đấu không ngừng, lúc nào cũng phải đề phòng cẩn mật cả bên trong lẫn bên ngoài, với ý thức tự nguyện xây dựng bản thân và xã hội. Hai khía cạnh này

thể hiện đầy đủ trong câu “trong rèn luyện trí tuệ, ngoài rộng đức không tranh đua”, tức hoàn thành được chí nguyện báo ân và cứu khổ rồi vậy.

迴 脫 塵 世, 冀 期 出 離
quỳnh thoát trần thế, kỳ kỳ xuất ly

Cốt để thoát được cõi đời, mong đạt đạo quả.

Thoát ra khỏi thân phàm cốt thịt là phải tu miệt mài cần khổ, gia công ngày đêm không niệm duyên với trần cảnh, tức lìa xa cảnh đời ô trược, cầu mong giải thoát ba cõi. Cõi dục nhiễm chúng ta đang sống đây còn nhiều bất tịnh, nên từ bỏ không luyện tiếc, cõi tiên đẹp đẽ lộng lẫy trong dáng hình ảo lã kiêu diễm như các tiên nơn, ngày đêm múa ca hát xướng, hầu như không vương bận nỗi u sầu. Nhưng thật ra, tiên nơn vẫn bị đọa lạc trong kiếp luân hồi, nếu không tiến tu đạo nghiệp giải thoát. Cõi thứ ba là vô sắc giới, tức các cõi trời có đủ phước đức do nhân tu mười điều thiện mà được. Mặc dù có phước đức, nhưng các vị trời vẫn phải đọa xuống làm loài phi cầm hạ thú, nếu phước cạn đức mòn mà không chịu tu nhân tích đức bồi dưỡng thêm. Cũng ví như người giữ tiền trong ngân hàng cứ lấy ra tiêu xài hoài mà không chịu đi làm việc bỏ tiền vô tiếp nữa, một ngày kia tiền hết, vỡ nợ là điều chắc chắn không tránh khỏi. Cho nên người xuất gia cầu mong bằng nguyện lực vượt thoát ra ba cõi như đã nói trên. Ý nghĩa của chữ xuất gia phải hiểu cho tường tận là thứ nhất: ra khỏi nhà thế tục (cha mẹ, vợ con, anh em, làng nước v.v...), thứ hai: ra khỏi nhà phiền não (những cảnh ràng rịt dính mắc đầy đặc như căn nhà tối tăm u ám) và thứ ba: ra khỏi nhà ba cõi. Đoạn văn trên chỉ đúng nghĩa này của một người phát tâm xuất gia chân chánh. Họ không còn bị ràng buộc trong ba cõi nữa, tức tâm vui nhẹ não phiền thì sự an vui lợi lạc biết bao. Tâm có an lạc người tu mới nghĩ tới việc xây đạo dựng đời một cách thực tiễn,

hiệu quả mà không phải vất vả khó khăn nhiều, vì cái nhân đã được gieo trồng sẵn sàng trong lúc tu tập.

Tóm lại: người xuất gia khác với người thế tục ở năm điểm:

1. Xa cha mẹ,
2. Bỏ sáu nghĩa tình thân,
3. Không trực tiếp thờ vua giúp nước,
4. Không kế thừa gia nghiệp,
5. Từ bỏ làng mạc, xóm giềng,

và đeo đuổi chí nguyện cao thượng:

- 1) Cạo bỏ râu tóc,
- 2) Nội tâm chuyên tu huệ,
- 3) Ngoài không tranh đua,
- 4) Diệt phiền não,
- 5) Ra khỏi ba cõi.

Thực hiện được đầy đủ, đúng đắn những điều trên, người tu có một nhân cách sáng ngời, phước và huệ hoàn toàn tức thể hiện trọn vẹn được niệm báo ân báo hiếu vậy.

3. ĐẠO LẠC TRẦM LUÂN DO THAM DANH, ĐẮM LỢI.

Cái quả trước mắt dễ thấy của sự đọa lạc trầm luân là do tham danh, đắm lợi làm nhân. Cái nhân hữu lậu (trong vòng thế tục thường tình) mà người đời thường mắc phải đắm say, vì còn lẫn lộn bận buộc trong vòng mê tân khổ lụy.

Người tu đã từ bỏ ngôi nhà thế tục, tức lìa xa tất cả những mối dây ràng buộc kết chặt lâu đời, bứt tung xiềng xích, bước đi thong dong trên con đường giác ngộ. Tại sao người xuất gia học đạo xuất thế tham danh đắm lợi để phải bị đọa lạc trầm luân?

內	勤	克	念	之	功
nội	cần	khắc	niệm	chi	công
外	弘	不	諍	之	得
ngoại	hoàng	bất	tranh	chi	đức

Tại sao vừa mới đăng đàn thọ giới, liền cho rằng ta đây ⁽¹⁾ là thầy Tỳ Kheo ⁽²⁾?

(1) Câu hỏi cũng chính là câu trả lời: vì tham danh lợi, có tánh tự cao tự đại, tự cho mình (ta đây là kẻ ngon lành) hơn hẳn mọi người. Vì thiếu sự khiêm nhường tối thiểu nên chỉ biết mình mà không biết người, nên vừa mới được thọ giới phẩm đã hiu hiu tự đắc, khinh mạn người khác, tự cho thiên hạ không ai ra gì, tức có ý “mục hạ vô nhân” (dưới con mắt mình không còn có ai nữa cả). Do cái nhìn thiên lệch ấy nên tạo ra lắm điều phiền toái. Người trên không ưa, kẻ dưới khinh thường, mọi người chán ghét.

Đó là cái nhân tự trói buộc mình, như con tằm nhả tơ giăng lưới rồi an phận nằm yên trong đó không có lối ra. Thật là tai hại vô cùng! Ở đời chúng ta cứ than khổ mà không tìm cách diệt cái nguyên nhân gây ra sự khổ, như đắm say trong tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ăn ngon, mặc đẹp v.v... thì cái khổ này chưa hết lại chồng chất lên bao nhiêu cái khổ khác chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt. Nỗi khổ triền miên của con người như con lạc đà chở nặng đi trong sa mạc, chưa biết ngày nào ra khỏi mà vẫn cứ phải tiếp tục đi mãi...

(2) Thầy Tỳ Kheo là gì? Thầy Tỳ Kheo cũng như người trong lớp tuổi thanh niên, và trung niên có nhiều năng lực làm được nhiều việc lợi đạo giúp ích cho đời. Người xuất gia từ khi thọ giới Tỳ Kheo (250 giới cũng gọi là cụ túc giới, tức phần giới tương đầy đủ không phải thọ giới thêm nữa) mới có đủ tư cách hoàng pháp lợi sanh. Nếu đi thọ giới mà chỉ trên danh tướng, chuộng ở mặt hình thức, là

nói mà không có thực chất, thiếu chiều sâu, thiếu đạo đức, cung cách, cũng chứng tỏ ra người thiếu học, kém tu thì thầy Tỳ Kheo ấy là một “hình nộm” có xác không hồn, đáng được đưa lên màn ảnh computer để gấp vào tập hồ sơ lưu trữ.

Tỳ Kheo nói cho đủ có ba nghĩa khác nhau:

a)Phá ác: Dứt trừ niệm ác như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.

b)Bố ma: Hàng phục ma chướng.

c) Khất sĩ: Người cầu xin giáo pháp, trong tâm tu hạnh thanh nhã, ngoài thân không phạm các giới thọ: sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối... Hoài bảo người xuất gia là sống đời phụng sự trong sạch, làm lợi lạc cho hết thảy chúng sanh, phá trừ tâm kiêu mạn, tự khiêm nhường tối thiểu để trên cầu đạo vô thượng chánh chơn nuôi pháp thân huệ mạng, dưới cứu khổ ba đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để tạo cái đức thanh nhã vậy.

檀 越 所 須, 喫 用 常 住,
Đàn việt sở tu khiết dụng thường trụ,

Tiêu xài của đàn việt ⁽³⁾, an dùng của thường trụ ⁽⁴⁾

Người tu dành thì giờ và tâm nguyện vào việc hành đạo, ng-hiên cứu, học hỏi giáo pháp, tụng kinh, tọa thiền, giảng dạy Phật pháp v.v... nên không còn thì giờ làm những công việc lợi nhuận khác hay nói cách khác, người xuất gia không tạo được kinh tế tự túc (theo một nghĩa hẹp thông thường) thì chỉ còn cách nhờ vào sự cung cấp vật thực của người tín chủ đạo tâm. Người tín chủ có hai cách gọi như dưới đây:

(3) Đàn Việt: Tiếng chỉ chung cho người làm việc bố thí vô cầu (làm không vụ lợi) thì đời đời sẽ vượt qua khỏi biển khổ nghèo đói vậy. Còn nghĩa thứ hai là thí chủ:

Người có tín tâm Tam Bảo, cúng vật thực, thuốc men v.v... cho chư Tăng có phương tiện tu hành và hiến tiền của vào việc xây chùa, tạo tượng, đúc chuông...

(4) Chũ thường trụ có nghĩa chỉ dùng trong phạm vi của chùa, dùng vào việc phụng sự ngôi Tam Bảo, không dùng riêng vào việc khác, gồm bốn nghĩa khác nhau như sau:

a) Cửa thường trụ thường trụ, nhấn mạnh hai lần gồm những vật dụng, thuộc tăng chúng trong chùa như các món nhu yếu không thể thiếu được là phòng xá, hoa quả, ruộng vườn, người ngoài họ giúp việc công quả trong chùa và súc vật nuôi thay sức lao động như trâu bò, ngựa... Nói chung, những gì thuộc về trong chùa thì không được hay không cho đem đi chỗ khác, tức đại chúng chỉ được thọ dụng chứ không được chia đem ra bán hoặc đổi chác, nên của thường trụ để cho chúng thường trụ mà thôi.

b) Cửa thập phương thường trụ là những đồ cúng trong chùa, những vật của chúng tăng thường được để chung lại một nơi và dùng chung cho cả mười phương tăng (gồm tăng trong chùa và khách tăng khắp nơi lui tới, có về thì được thọ dùng, còn không về thì thôi). Cửa này gọi là cửa thập phương tăng.

c) Cửa thập phương hiện tiền tăng: Những vị tăng hiện tiền khi qua đời có để lại ít vật dụng chi, nếu đại chúng chưa nhóm họp lại phân định, thì vật ấy còn thuộc về của mười phương tăng. Nếu đại chúng đã nhóm họp và phân định rồi thì vật ấy thuộc về những vị có mặt hiện tiền ở trong chùa. Cửa này gọi là cửa hiện tiền tăng.

d) Hiện tiền tăng: Chư tăng có mặt được người tín đồ hiến cúng, và chỉ cúng cho những vị tăng hiện diện lúc đó (có cuộc lễ) mà thôi. Chỉ có các thầy hiện diện được thọ hưởng của cúng dường của tín chủ.

Tiêu dùng có bốn thứ nhu yếu cần thiết mà trong kinh luật gọi là tứ sự cúng dường đó là:

- Ẩm thực: Đồ ăn, thức uống hàng ngày.
 - Y phục: Quần áo, y hậu trong lễ phục.
 - Ngọa cụ: Đồ ngồi, nằm như giường chiếu, mùng mền, tọa cụ trải ngồi thiền, phòng xá...
 - Y dược: Thuốc men trị bệnh, thuốc bổ khỏe v.v...
- Và bốn món nhu cầu trên thuộc về của thường trụ như đã dẫn giải.

不	解	忖	思	來	處。
<i>bát</i>	<i>giải</i>	<i>thôn</i>	<i>tư</i>	<i>lai</i>	<i>xứ?</i>
謂	言	法	爾	合	供，
<i>Vị</i>	<i>ngôn</i>	<i>pháp</i>	<i>nhĩ</i>	<i>hợp</i>	<i>cung,</i>

Không xét nghĩ (của kia) từ đâu đem đến mà cứ cho rằng theo đúng phép ta thọ nhận của cúng.

Của kia, tức là bốn món nhu cầu cần yếu cho cuộc sống thể chất hay ngoại diện của người xuất gia không thể thiếu đó.

Tại sao không biết xét nghĩ? Vì người tu chỉ mang hình tướng tu mà trong tâm không tu nên không có phép chánh quán. Do không biết quán xét nên tha hồ thọ dụng của thường trụ một cách trái phép, không biết hổ thẹn.

Đây là năm phép quán của người xuất gia trước và trong giờ thọ trai mỗi ngày:

- Một, kể công nhiều ít của việc cấy bừa, trồng tủa, cấy gieo, tưới bón v.v... cho đến khi có kết quả thì, tại sao những của này được đem đến để ta thọ dụng?

- Hai, xét qua đức hạnh (đức độ và hạnh kiểm) mình đã trọn đủ chưa hay còn yếu kém để được thọ nhận của cúng dường.

- Ba, ngăn ngừa lòng tham quá trớn như ưa thích những món ngon vị ngọt, muốn ăn nhiều và đòi những thức lạ

câu kỳ.

- Bốn, món ăn được xem như thuốc bổ để cứu thân thể gây yếu, tức ăn để mà sống, chứ không phải sống để ăn.

- Năm, vì muốn phụng sự đạo pháp, phục vụ chúng sanh để phát huy giáo nghĩa Phật Đà, nên mới thọ nhận của cúng của người tín chủ.

Khi đã biết xét qua năm phép quán như thế rồi, không còn lý do để nói rằng “theo đúng phép ta được thọ nhận của cúng”. Do tâm si ám nên sanh cố chấp, nhân đó sanh ra tánh giải đãi, tham cầu không biết hổ thẹn. Thật là tội lỗi, tội lỗi! Thế mà họ vẫn cứ thông dong tự tại sống yên ổn như không có ai hay biết hành vi thiếu đạo đức này.

喫 了 聚 頭 喧 喧
 khuyết liểu tạ đầu huyên huyên
 但 說 人 間 雜 話.
 đản thuyết nhân gian tạp thoại

Ăn rồi dục đầu nói chuyện ồn ào, chỉ bàn những việc bậy bạ thế gian.

(Không an nhập gì với Phật pháp).

Tại sao người tu có dư thừa thì giờ để bàn việc nhảm, nói chuyện phiếm thế gian?

Thầy Tỳ Kheo thiếu oai nghi tế hạnh nên ưa bàn việc người đời. Khi ngồi lại với nhau năm ba người, tức dục năm, tụ ba cái đầu lại để bàn chuyện thế tục, vì trong tâm thiếu sự thanh tịnh, nên phát ra lời không ứng hợp với trong Kinh luật và những lời Phật dạy. Muốn tâm thanh tịnh trong sáng phải có phép chánh quán tưởng niệm các pháp lành, thì ngoài miệng mới không buông ra những lời lầm lỗi sai quấy.

Nói chung là ba nghiệp: thân, khẩu và ý thanh tịnh mới

phát ngôn ra được lời nói thanh tịnh, không bàn lẩn sang việc tạp loạn thế gian.

Phần đông người đời đều mắc phải chứng tật: hễ khi dạm đầu lại năm ba người là ưa đem việc người này người kia ra bàn. Bàn một lúc hết chuyện tốt lại lôi ra chuyện xấu của người. Còn người tu cũng mắc vào chứng bịnh nan y này sao? Tùy theo quá trình tu niệm, người tu có nhiều hạng cũng khó mà lượng định cho đúng được một trăm phần trăm, những gì thuộc về khía cạnh tinh thần trong lãnh vực của tâm linh. Ta chỉ có thể kể ra đây có hai hạng:

- Hạng tham danh đắm lợi: Chỉ chung cho những ai tham cầu lợi dưỡng để được an thân phì gia, tức họ chỉ nghĩ tới cá nhân và có lợi cho gia đình mình trước hết. Những người thuộc loại này thiếu đức hạnh, thiếu học, không xứng đáng để được người đời cung kính. Nếu họ ẩn mình trong chùa để nương nhờ cửa Từ Bi che chở thì rất có phương hại cho đạo giáo về sau. Người đời nhìn vào họ để kết luận cho rằng Phật giáo như thế này thế khác. Thật ra chiếc áo không phải hay chưa đủ yếu tố để trở thành một vị “thầy tu” chân chánh.

- Hạng xuất gia chân chánh: Những người suốt cuộc đời hiến dâng cho đạo pháp, phụng sự chúng sanh, tức cúng dường chư Phật. Những vị này biết vừa đủ không tham cầu, không đợi người cung kính và dám hy sinh một phần những tiện nghi vật chất, kể cả thân mạng cũng đều không đắm quý, đều xả bỏ để dần thân xây dựng cơ đồ Phật giáo trong sự nghiệp hoằng dương chánh pháp.

Giúp suy nghĩ để chiêm nghiệm, ở đây xin độc giả đọc qua câu chuyện sau đây:

“Đời nhà Tống niên hiệu Quang Hiệu, Ngài Đạo An Thiên Sư trong lúc nhập định thấy có hai vị Tăng dựa hàng rào nói chuyện, đầu có hai vị thiên thân hộ vệ lắng nghe, giây lâu thần bỏ đi mất. Bỗng có con ác quỷ đến nhổ nước miếng mắng và chà dẫu chân của hai ông.

Hỏi ra biết duyên cớ, chính hai vị Tăng kia ban đầu luận về Phật pháp, kể nói chuyện thế gian và rốt sau bàn việc tư dương (Qui Sơn Cảnh Sách. H.T. Hành Trụ dịch, trang 44).

Ngài Đạo An từ đây cho đến trọn đời nói chưa từng khi nào nói đến những chuyện thế gian. Ngoài ra trong Luật nhắc lại sự tích hai vị Tỳ Kheo đi dọc đường luận nói những chuyện phi pháp. Khi đó có con quỷ dạ xoa sinh bất tín tâm, muốn hớp tinh khí của hai ông kia. Phật nhân chuyện này bèn dạy: “Phàm làm thầy Tỳ Kheo khi đi đường, phải niệm nghĩ pháp lành.” Có hai việc để nghĩ tới pháp lành:

1) Nói lời đạo đức, tức tâm luôn chánh niệm trong Phật pháp, không để xen tạp những vọng duyên bên ngoài lẫn vào.

2) Thăm tưởng Phật mà đi, cũng như đến chỗ nghỉ ngơi đọc lời kệ tụng của Phật:

“Chư ác mạc tác
 Chúng thiện phụng hành
 Tự tịnh tùy ý
 Thị chư Phật giáo”

Dịch nghĩa:

Chớ làm điều ác
 Nguyện tu pháp lành
 Trong sạch ý mình
 Lời chư Phật dạy.

Thế mà người tu đời nay cả ngày cứ đàm luận những chuyện phiếm bậy bạ, thì e quỷ thần không khỏi quở trách, thì làm sao cầu quý Ngài ủng hộ cho để được trợ duyên trong việc hành đạo? Các Thầy Tỳ Kheo trong thời đại văn minh vật chất ngày nay nghĩ sao về việc này? Chẳng lẽ chúng ta lại quên mất niệm xuất gia lúc ban đầu sao?

Nếu còn nghĩ tới tiền đồ của Đạo giáo và tương lai của Phật giáo Việt Nam hải ngoại, mong quý vị nghĩ lại mà thúc liễm thân tâm, ba việc thường ngày: ăn, mặc, ngủ nên bớt lại, để dành thì giờ tụng kinh, tọa thiền hay niệm Phật. Lúc bấy giờ chúng ta không cần người cung kính, người tín đồ cũng vẫn cung kính, như câu “hữu xạ tự nhiên hương” thì không thể nào sai khác được. Quý thầy cũng nên suy niệm thêm câu: “thâm tín chư Phật giai sung mãn”, tức là tin bền vững vào chư Phật thì mọi việc đều được đầy đủ cả. Tin bằng sự chánh tín, tức phải hiểu trước khi tin thì niềm tin mới vững chắc được. Niềm tin đã kiên cố rồi thì việc gì chúng ta sở cầu sẽ được như nguyện đúng hợp với chánh pháp.

- Nói năng như Chánh Pháp.
- Luận bàn đúng Chánh Pháp.
- Suy nghĩ trong Chánh Pháp.

Quý độc giả đã đọc qua câu chuyện “Ngài Đạo An Thiền Sư” kỹ rồi, phải chăng thấy thấm thía, ý vị? Đấy, chính nhà tu hành mô phạm còn mắc phải lỗi quấy luận bàn việc người! Song quý hồ là biết ăn năn chừa bỏ, không tái phạm lại nữa mới thật đáng quý, đáng học, như bậc cao tăng đã làm gương mẫu.

Đoạn văn còn đang tiếp tục như dưới đây.

然	則	一	期,	趁	樂
Nhiên	tắc	nhất	kỳ	sán	lạc,
不	知	樂	是,	苦	因
bất	tri	lạc	thị	khổ	nhân,

Thế mà một thời đưa vui, không biết cái vui đó là nhân của cái khổ.

Nhân quả như bóng theo hình. Hình ngay thì bóng thẳng, hình vạy thì bóng cong. Tạo cái “nhân” vui, tại sao thọ khổ?

Vui theo cái dục nhiễm của thế gian, của đời sống giả tạm, không chịu cố gắng tu hành mà đáng lý ra người xuất gia phải luôn tâm niệm, nên cái quả khổ sẽ đến trong đời này hoặc đời sau trong kiếp tương lai. Nhất kỳ hay là một đời để chỉ kiếp sống mong manh của con người; nếu cứ lêu láo cho qua ngày không lo tu tập thì lấy gì bảo đảm khỏi khổ ở tương lai? Năm thứ (món) dục lạc ở đời là tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ nên xả bỏ, là tạo cái nhân lành, niềm an lạc bây giờ và mãi mãi. Nếp sống thanh đạm ở chùa, cảnh chùa yên tĩnh làm trợ duyên cần thiết cho người xuất gia trong việc tu tập. Những giờ rảnh rỗi phải được dùng vào việc thực hành giáo pháp cho thật có ý nghĩa, người tu không nên để dư thừa thì giờ và tiêu pha cho hết thì giờ vào những việc chẳng có lợi gì cho con đường tấn đạo, thì quá luống uổng một đời vô ích! Ngoài ra, chữ nhất kỳ nói trên cũng có nghĩa là một thời kỳ thọ báo thân này trong kiếp hiện tại. Mạng sống con người kéo dài nhiều lắm là một trăm năm, cũng lắm người yếu mạng, chết non. Rốt cuộc rồi ai cũng phải thọ nhận quả báo trong một thời kỳ. Ý thức việc sinh tử trọng đại, vô thường không hẹn cùng người mà khi sống lo đua vui trong một đời, đó là gây cái nhân khổ cho muôn kiếp sau.

曩	劫	狗	塵,	未	常	返	省
<i>năng</i>	<i>kiếp</i>	<i>tuần</i>	<i>trần,</i>	<i>vị</i>	<i>thường</i>	<i>phản</i>	<i>tỉnh</i>
時	光	淹	沒,	歲	月	磋	跎
<i>thời</i>	<i>quang</i>	<i>yêm</i>	<i>một,</i>	<i>tuế</i>	<i>nguyệt</i>	<i>tha</i>	<i>đà</i>

Bao kiếp theo cảnh trần chẳng hề suy xét lại, thì giờ bỏ phí, ngày tháng luống trôi qua.

Bao kiếp có nghĩa là từ vô thi nhân lại đây ta lao theo cảnh trần thọ khổ, hết bỏ thân này lại thọ thân khác theo

lỗi mòn đã sẵn trong đục vọng tham đắm nhiễm ô. Người tu chưa một niệm hồi đầu phản tỉnh để tự soi sáng lỗi quấy lầm lạc thì làm sao tu giới - định - huệ, phá kiến chấp sai lầm hầu ra khỏi trần lao được?

Vọng trần đã tập nhiễm lâu ngày che lấp chân tâm ta, như lớp bụi mờ che phủ mặt gương, thì làm sao thấy được tánh giác?

Vì lơ là chênh mảng việc tu tập, ngày giờ trôi qua nhanh chóng, năm tháng để luống phí một cách vô ích, thoáng chốc tuổi đã bạc đầu; nhìn lại công phu tu hành không lấy gì đáng tin tưởng, không chỗ tựa nương, bụng trống lòng không, thật uổng phí một đời!

受	用	殷	繁,	施	利	濃	厚
thọ	dụng	ân	phiên,	thí	lợi	nùng	hậu.
動	經	年	載,	不	擬	棄	離
động	kinh	niên	tải,	bất	ngĩ	khí	ly.

Thọ dụng thêm nhiều, của tín thí càng lắm; như thế năm này trải qua năm khác, chẳng chịu tìm cách để xa lìa.

Thu nhận, tích chứa, tiêu xài của cải vật chất của người tín chủ đem đến hiến tặng, dần dà trải qua tháng năm càng thêm nhiều hơn mà người tu chẳng chịu suy nghĩ để xa lìa thì thật là phiền toái. Vì của cải do mồ hôi nước mắt của người tạo ra, ai cũng biết lo bảo thủ, quý tiếc cả, thì tại sao người tín chủ đem đồ đến dâng cúng?

Việc dâng cúng không phải cho riêng cá nhân vị tăng mà là vì ngôi Tam Bảo, người tín đồ trước hết muốn tu tạo phước đức nên hy sinh một phần những tiện nghi vật chất thế gian, đầu tư số vốn vào “ngân hàng phước thiện”. Những ai vô tình hay cố ý lấy của ấy tiêu xài phung phí, phải đền trả một cách phân minh xứng đáng.

Nếu biết suy nghĩ tới công lao khổ nhọc của bao nhiêu người tạo nên đồ vật cho ta thọ dụng thì, phải lo tu tập thúc liễm thân tâm, tinh chuyên giới hạnh; nghĩ tới việc tiếp nhơn độ chúng, hoằng pháp lợi sanh mới tiêu của tín thí nổi. Của tín thí nặng ngàn cân! Hễ thọ nhận càng nhiều càng lún sâu vào “món nợ” chất chồng, cao hơn núi, đầy dẫy như nước ngập tràn, khó mong ra khỏi.

Tại sao người xuất gia tiêu xài của cúng mà không biết xét nghĩ, không tự hổ thẹn? Ở đây nhằm chỉ riêng một thiểu số người vì công phu tu tập chưa được tinh thuần, kinh nghiệm hành đạo, ứng dụng và thực hành giáo pháp, chưa được thâm nhuần, cái “ngã” còn quá lớn, nên cố xây thêm cho cái vóc huyễn lớp thành lũy cố chấp sâu dày khó xả.

Người xuất gia học hạnh xuất thế nên noi theo gương sáng của chư Phật, chư Tổ để lập công bồi đức, như trong tạng luật có ghi sử tích:

- Ngài Hiệp Tôn Giả lập nguyện ba năm không nằm giường chõng;

- Ngài Cao Phong Diệu Thiên Sư 30 năm chỉ đi một đôi giày cỏ, gập chỗ đất mềm thì đi chân không...

Xem thế đủ biết rằng, các bậc cao tăng còn hành hạnh tu cần khổ như thế, huống gì đời nay người tu chưa đủ giới đức mà cứ thọ nhận của người tín chủ một cách vô độ để bụng lung vóc huyễn? Nhân đây xin dẫn một ví dụ trong Kinh Đại Bửu Tích, phẩm Vô Lượng Thọ Như Lai, thứ năm, Đức Phật bảo: “Này A Nan: Như ở thế gian này, người ăn mày nghèo cùng, tật nguyện ở cạnh Đế Vương, hình trạng dung mạo của họ có giống nhau hay không?

- Bạch Đức Thế Tôn: Người ăn mày ấy đứng bên Đế Vương thì xấu xí trăm ngàn muôn ức lần không gì sánh được, tại sao vậy?

- Vì người ăn mày nghèo cùng rất ti tiện kia, áo chẳng được che thân, ăn chẳng no được bụng, đói lạnh khôn khổ

mất cả sanh lý. Đó là do đời trước họ chẳng trồng cội đức, giữ của chẳng bố thí, càng giàu càng bòn xén, chỉ muốn được không, tham cầu không chán, chẳng tin làm lành, phạm nhiều sự ác chứa bằng núi. Sau khi chết, tài sản tiêu tan. Cả đời khổ thân chứa nhóm rồi vì của mà rầu lo với mình vô ích, luôn làm sở hữu cho kẻ khác. Không điều lành để nhờ, không phước đức để nương. Vì thế nên sau khi chết đọa vào ác đạo mãi mãi chịu khổ. Hết tội được sanh ra làm người hà tiện ngu si xấu xí, hèn hạ. Còn Đế Vương tôn quý trong loài người là vì đời trước làm phước đức mà được: thương người, bố thí, nhen ái giúp đỡ, chánh tín làm lành. (H.T. Trí Tịnh dịch)

積 聚 滋 多, 保 持 幻 質.
 tích tụ tư đa, bảo trì huyền chất.

Gom góp tích trữ cho nhiều, cố gìn giữ cái thân giả tạo.

Tích chứa thêm nhiều của cải, cốt để nuôi cái thân tứ đại vốn không bền vững, có đó rồi chóng tan rã như bọt nổi, mây tan theo từng cơn gió thoảng. Thân thể do bốn yếu tố: đất, nước, hô hấp, sức ấm, hòa hợp tạo thành rất mong manh dòn bở dễ hoại diệt, biến đổi. Nếu đem chia chẻ ra từng yếu tố một để phân tích, chúng không có tự tánh, không chủ tử, thì thân thể là phần giả tạm. Giữ gìn cái thân giả tạm ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thân mộng huyền bào ảnh không chắc thật, không lâu bền, tại sao người tu cố bám víu? Thế thì mạng sống còn chưa bảo đảm được, nói gì đến của cải vật chất thế gian. Của cải tiền bạc do chính mồ hôi nước mắt mình tạo ra còn nên xả không nên bám chặt tham tiếc. Tóm góp thêm nhiều, càng tăng thêm tội lỗi, thì của cải người khác đem trao lại càng nên suy xét lại nhiều hơn. Chưa ai bảo đảm được cái sống sao không lo, lại muốn lao vào chỗ chết để traу tria thân giả tạm này? Của cải thế gian

thuộc năm nhà, chứ nào ai giữ được lâu bền mà tham đắm chứa giữ cho lao tâm nhọc xác. Đó là:

- 1) Bị nước trôi,
- 2) Lửa cháy,
- 3) Bị trộm cướp lấy,
- 4) Bị quan trên tịch thu,
- 5) Bị con hư trong nhà phá tan.

Cổ nhân nói: “Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức vi tiểu nhân”, đức hơn tài là người quân tử, tài hơn đức là kẻ tiểu nhân. Đức đây là phước hay đức độ, tài là khả năng, tài giỏi. Quân tử là người khoan dung độ lượng, được không kiêu, bại không nản, tâm luôn tươi sáng, nhìn đời bằng sự thương yêu lân mẫn giúp đỡ. Những ai thể hiện đủ được ba đức tính:

Bần tiện bất năng di
 Uy vũ bất năng khuất
 Phú quý bất năng dâm
 (Giàu sang không đắm nhiễm
 Nghèo hèn không thay lòng đổi dạ
 Không hèn nhất trước uy lực, cường quyền)

là xứng đáng nhận vai trò của người quân tử. Còn kẻ tiểu nhân thì trái lại, thiếu tất cả vẫn tự võ ngực xưng danh, hiu hiu tự đắc và “mục hạ vô nhân” (dưới con mắt mình không còn xem thiên hạ ai ra gì cả). Do đó họ lún sâu vào vòng tội lỗi, không biết đến đời nào ra khỏi?

Người xuất gia phải làm cho hơn được người quân tử mới xứng đáng làm mô phạm cho đời, thì tại sao lại tự hạ phẩm cách mình, chạy theo thú vui hưởng thụ để buộc khổ lụy vào thân? Ta hãy nghe bậc Thiên Sư cổ đức, Ngài Vô Tác nói: “Phước yếu của mạnh, của ắt làm bại, đức mỏng gánh to, gánh mau thành hại”. Phước thuộc về khía cạnh vật chất như món trang sức bề ngoài; đức thuộc khía cạnh tinh thần trợ duyên cho tâm thanh tịnh, sáng suốt và tỉnh thức. Cho nên người tu quý hồ tâm linh phải sáng suốt,

mặt tinh thần phải thật phong phú, bằng cách tu tập và thương yêu giúp đỡ người và vật khác (phước); thực hành giáo pháp rồi đem giảng giải cho người cùng được lợi lạc (huệ) an vui, tức là đồng tu cả hai phương pháp: phước lẫn tuệ, không thể thiếu được. Nếu thiếu một trong hai cách trên thì, con đường tu niệm sẽ gặp ngăn ngại không phải ít.

Việc cắt ái từ bỏ gia đình, người xuất gia học đạo xuất thế về mặt hình thức chỉ mới là việc tu phước; còn cần phải cố công tu tập nhẫn nại kiên trì trong việc suy cứu sâu xa giáo pháp, hiểu rộng lời Phật dạy, để trí tuệ mỗi ngày một tăng trưởng, mới xứng đáng nhận lãnh vai trò làm rường cột trong Phật pháp. Ý thức được như vậy, hàng trưởng tử của Đức Như Lai phải nên rèn luyện thân tâm cho thanh tịnh để xứng đáng hàng chúng trung tôn của Đức Phật. Việc tham cầu ăn mặc, lợi dưỡng cá nhân nên tiết chế, khắc phục, không nên xa hoa trụy lạc để mang lấy nghiệp vào thân. Tu biết mấy đời mấy kiếp mới đền trả xong món nợ tiền khiên. Ngài Duy Sơn Nhiên Thiên Sư đã dạy trong bài sám “Qui Mạng” như sau:

“phi mao, đới giác
phụ trái hàm oan”
(mang lông đội sừng
trả nợ kiếp trước)

Nếu thiếu phước kém tu, người tu phải mang lột trâu bò trong kiếp sau để đền trả nợ áo cơm của người tín thí mà mình đã thọ nhận trong khi còn mang chiếc áo tu, lại không chịu lo tu để cho rãnh nghiệp thọ báo!

Tóm lại, phần luận dẫn trên đây vô cùng quan trọng để cho thấy rằng, người xuất gia chưa hẳn được giác ngộ giải thoát mà vẫn bị đọa lạc trầm luân như thường có như vậy lý nhân quả mới công bình và hợp lý và không hề một mảy sai lầm, thiên lệch.

Vì duy trì cái thân vóc huyễn, nên tích chứa của mấy cũng không vừa. Do đó, không để tâm tới những lời dạy bảo trong kinh điển để mà tu tỉnh sửa sai.

導	師	有	敕,	戒	勗	比	丘,
Đạo	sur	hữu	sắc,	giới	húc	Tỳ	Kheo,
進	道	嚴	身,	三	常	不	足.
tán	đạo	nghiêm	thân	tam	thường	bất	túc.

Đức Đạo Sư có dạy răn khuyên nhắc, thầy Tỳ Kheo ⁽¹⁾ muốn tấn đạo phải nghiêm thân, ba việc thường ngày ⁽²⁾ cần nên bớt giảm.

Đức Đạo Sư là Đức Phật, bậc Thầy dẫn đạo sáng suốt cho cả nhân thiên, hay cho bốn chúng đệ tử của Ngài: hai chúng xuất gia là Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, hai chúng tại gia là Ưu Bà Tắc ⁽³⁾ và Ưu Bà Di ⁽⁴⁾. Ngài như vị lương y ứng bệnh cho thuốc. Tùy căn bệnh mà phương thuốc có gia giảm phân lượng cho thích hợp để được trị lành bệnh. Giáo pháp của Phật dạy có nhiều pháp môn cho nhiều trình độ khác nhau, nếu biết ứng dụng sẽ được lợi lạc vô cùng cho những ai có căn trí mẫn lợi, được sống trong sự an lạc tỉnh thức. Đã là Thầy Tỳ Kheo mà không chịu thực hành ứng dụng lời Phật dạy trong đời sống tu hành, cứ chạy theo vọng trần ngoại cảnh, lo bồi bổ cho cái thân mập tốt, áo quần, giày dép bánh bao; còn nội tâm rỗng tuếch, Phật điển mù mờ, thì lấy gì làm tư lương cho người hành đạo?

Đức Phật dạy các hàng đệ tử, nhất là người xuất gia muốn tấn đạo nghiêm thân, thì phải tinh tấn, nhẫn nại kiên trì, chuyên tu giới đức, ít ham muốn, biết đủ.

Đối với món ăn, thức mặc, ngủ nghỉ là ba món tiện nghi của đời sống. Nếu thiếu ba món tiện nghi vật chất này, người đời tìm đủ cách để được đầy đủ. Khi đã đầy

đủ rồi, người ta lại càng muốn cho tiện nghi, hợp thời, khoái khẩu, ấm thân hơn... Vì thế gọi là việc thường, tức là những nhu cầu thường nhật của đời sống không thể không có được. Người tu cũng đua đòi theo đời sống vật chất thích ăn ngon, ưa mặc đẹp, ham ngủ nhiều thì còn thì giờ đâu để lo việc tu niệm? Đức Phật khuyên nên giảm bớt nhu cầu vật chất, tức hãm bớt cường độ ham muốn đua chen với đời sống. Người xuất gia để thì giờ và tâm tư vào việc “tân đạo nghiêm thân”; như vậy, đời sống mới có ý nghĩa, hợp với vai trò và tư thế của nhà mô phạm xứng đáng cho đời.

Ba việc thường tình này của đời sống thường làm cho con người mê đắm, sa đọa, là nguyên nhân làm ngăn trở đời sống đạo hạnh; vì thế Phật khuyên nên giảm thiểu bớt để thuận hợp với Đạo.

Trong cùng nghĩa ấy, trong Kinh Di Giáo Phật dạy rằng: Nay chư Đại Đức Tỳ Kheo, nếu các Thầy muốn khỏi những khổ não, thì quý vị cần phải quán xét pháp “Tri Túc”. Pháp Tri Túc là chỗ giàu vui an ổn nhất. Nay các Thầy! Người tri túc tuy nằm trên đất cũng thấy an vui, còn kẻ không tri túc, tuy ở thiên đường cũng không vừa ý. Người không tri túc tuy giàu mà nghèo. Người tri túc tuy nghèo mà giàu. Người không tri túc thường bị năm món dục lạc⁽⁵⁾ kéo lôi. Người tri túc nên đem lòng thương xót. Nay các Thầy Tỳ Kheo! Các Thầy muốn thọ những thức ăn uống của người tín chủ⁽⁶⁾ để ăn cho đỡ bữa, thì nên tưởng như uống thuốc. Cho dù món ăn ngon hay dở, cũng đừng để tâm khen chê, cốt để nuôi thân và trừ đói khát. Cũng như ong hút nhụy hoa, chỉ hút nhụy chớ không làm tổn sắc và hương của hoa. Thầy Tỳ Kheo cũng thế, nhận của người cúng, miễn cho mình khỏi đói, không nên tham nhiều mà làm mất cái thiện tâm của tín chủ.

Phật cũng dạy thêm rằng: Nay Chư Tỳ Kheo! Các Thầy nên biết người ham muốn nhiều, tham cầu lợi cũng

nhiều, khổ não càng lắm. Người thiếu dục, không tham cầu, không ham muốn, thì không bị các khổ não ấy. Ít ham muốn chỉ có lợi như thế, còn phải tu tập, huống gì chỉ ít ham muốn suông lại có thể sanh nhiều công đức ư?

Người ít ham muốn không nịnh bợ quanh co để mua chuộc lòng người, cũng không để cho sáu căn lôi kéo. Người thực hành hạnh tri túc tâm được thản nhiên, không lo sợ gì, gặp việc vẫn có thừa ung dung không bị thiếu thốn. Người có đức ít muốn thì được quả Niết Bàn, thế gọi là nhờ đức “thiếu dục” vậy.

Phật dạy rằng: “Này các Thầy Tỳ Kheo! Hãy tự rờ đầu xem, các vị đã bỏ những việc trang sức tốt đẹp của đời, mặc áo màu hoại sắc, tay ôm bình bát, khát thực tự sống qua ngày để lo việc làm đạo”. Vì thế, Phật nhấn mạnh: “Này các Thầy Tỳ Kheo, ban ngày nên dốc lòng tu tập việc thiện đừng để phí thì giờ, ban tối, gần sáng cũng đừng bỏ phí, nửa đêm nên tụng kinh để dò xét tâm mình, chớ đừng vì nhân ham ngủ mà để lỡ một đời vô ích.

Nên nghĩ tới lửa vô thường đốt cháy thế gian, sớm cầu để tự độ thoát, đừng có ham ngủ. Giặc phiền não thường rình rập giết người, còn tệ hơn oan gia, có sao ham ngủ mà không tự răn mình tỉnh thức để tu ư? Rắn độc phiền não đang ngủ trong tâm ông, ví như con trâu đen đang ngủ trong nhà mình, phải lấy móc trì giới trừ gấp ngay nó đi. Con trâu ngủ trong nhà ra rồi, các Thầy mới yên tâm ngủ được, rắn độc chưa ra mà cứ ham ngủ là người không biết hổ thẹn...”

人 多 於 此, 耽 味 不 休.
Nhân đa ư thử, đàm vị bất hưu.

日 往 月 來, 颯 然 白 首.
nhật vãng nguyệt lai, táp nhiên bạch thủ.

Nhiều người đắm mền ba việc trên không thôi nên ngày qua tháng lại, thoáng chốc đầu đã bạc. Vô thường chóng vánh, năm tháng dần qua, tuổi đời chòng chát, vóc mòm lực kiệt, tóc bạc da nhăn, cái chết gần kề không lo, tại sao lo đắm nhiễm những thứ phù vân giả tạm?

Phật dạy rằng: “Thị nhựt dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc. Đại chúng đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên, đản niệm vô thường, thân vật phóng dật” (Một ngày đã qua, mạng cũng giảm dần, như cá thiếu nước, nào có vui gì. Đại chúng nên cần tinh tấn, như cứu lửa đang cháy trên đầu; chỉ nghĩ tới vô thường, cần thận chớ có buông lung). Mạng sống con người còn chưa bảo trọng được an toàn, hưởng gì còn thì giờ se sua đua đòi ăn mặc, ngủ nghỉ no say thỏa thích ư? Nghĩ tới cái vô thường chớp nhoáng qua những trạng thái hưng suy của cơ thể để mà hồi đầu phản tỉnh chuyên tu. Có bốn trạng thái hoại suy của đời sống mà con người không ai tránh khỏi là:

- 1) Đầu bạc.
- 2) Già nua.
- 3) Bệnh hoạn.
- 4) Chết.

Bốn việc lớn trong đời này không thể nhờ người thay thế, không thể lẩn tránh và cũng không thể chối bỏ được.

Vì thế, việc quan trọng hàng đầu người xuất gia luôn tâm niệm là vô thường, khổ, không, vô ngã để không bám víu, chấp vào cái thân giả tạm, không chủ tử này, tức thâm nhập căn bản Phật lý, để tỏ ra xứng đáng người học đạo xuất thế, dõng bước theo con đường chư Phật, chư Tổ đã đi hầu tạo cho mình một nội dung Phật chất sáng ngời. Phật tánh không thể tìm cầu bên ngoài được, nên ngày đêm phải cần khổ miệt mài chuyên tu

đạo hạnh để tánh giác mỗi ngày được sáng tỏ thêm. Ý thức được như thế, người xuất gia không thể nào lơ là mà không đi sâu vào đời sống nội tâm để tịnh hóa, cải thiện những việc xấu, điều sai; từ bỏ những tâm niệm bất chính, ý tưởng đen tối, mê lầm. Phải thường trực quán sát tất cả các pháp là sanh diệt, dời đổi, không có tướng chân thật. Chính bản thân ta cũng là một pháp vô thường, giả hợp không bền chắc, nên xả bỏ chấp ngã, đừng ôm ấp cái “ta” một cách vụng về, bần tiện. Quán sát như thế rồi thì đối với mọi việc rau rìa hình thức, tham cầu vật chất đều vô hiệu, không còn đắm nhiễm mà cầu biết đủ để thẳng tiến trên đường đạo.

後	學	未	聞	旨	趣,
<i>hậu</i>	<i>học</i>	<i>vị</i>	<i>văn</i>	<i>chỉ</i>	<i>thú,</i>
應	須	博	問	先	知.
<i>ưng</i>	<i>tu</i>	<i>bác</i>	<i>vấn</i>	<i>tiên</i>	<i>tri.</i>

Kẻ hậu học chưa hiểu tôn chỉ xu hướng, phải nên gắng hỏi người biết trước.

Tục ngữ ta có câu: “Hậu sinh khả úy” (đáng sợ kẻ hậu sinh). Tại sao lại sợ kẻ hậu sinh? Vì kẻ hậu sinh có người còn tài giỏi hơn các bậc tiền bối. Đừng có tâm cao mạn, khinh thường kẻ nhỏ tuổi hơn mình không hỏi điều chưa hiểu để học, thì chịu thiệt thòi, đáng tiếc. Phàm muốn lợi người trước phải lợi mình. Một người ra làm việc đạo, tức là hoằng pháp lợi sanh mà không có vốn liếng Phật Pháp, vì không chịu học hành chi cả, thì biết đường nào để dìu dắt kẻ hậu lai, hậu báo đền ân Phật Tổ?

Việc học hỏi không luận nơi người già hay trẻ, hễ càng chịu khó tìm tòi tra cứu thì trí huệ càng thông thái, uyên bác. Vì “y pháp bất y nhơn” (y theo giáo pháp chứ không theo người), nên phải rộng hỏi những người có kiến thức; đã thế thì không chọn kẻ lớn người nhỏ, không hổ đến

học hỏi với bực dưới mình.

Kinh Pháp Cú có đoạn như sau:

“Phàm học đạo trước phải sửa mình, rồi sau mới cho người mà trước nhất là phải điều hòa thân tâm tỏ vào trí huệ. Nếu mình không lợi lạc thì làm sao lợi người được. Tâm hòa, thân chính thì nguyện gì chẳng xong. Tuy đọc nghìn lời mà không làm ích chi, thì chẳng bằng nghe một câu để tinh cần tu tập mới được lợi ích. Tuy tụng nghìn lời mà không cầu ra khỏi tục, chẳng bằng ngộ một câu, vượt ra khỏi ba cõi ⁽⁷⁾. Tuy tụng nghìn lời không giữ tâm “bi”, “trí” (từ bi và trí tuệ) chẳng bằng nghe một câu mà cả mình và người đều lợi ích.

Tham học, tìm tòi, dò hỏi chỗ chưa hiểu, điều chưa thấy để hiểu rõ, thông suốt thật cần thiết, giúp trí huệ phong phú, uyên thâm. Vì thế, Trang Tử nói rằng: “Người mà không học, người ta cho đó là cục thịt chỉ biết đi và biết chạy; học mà không đem ra giáo hóa, chẳng khác nào bỏ của bán trong túi rồi cột gút treo lên nóc nhà vậy”.

Người học thông Kinh Luận tức là hiểu rõ tôn chỉ, ý thức của Giáo Pháp Phật dạy, mới có thể ra làm đạo một cách hiệu quả, vững vàng; bằng như học chưa tinh tường thì phải dò tìm, tham vấn với các bậc uyên bác cao thâm. Người tu phải thành thật với chính mình: dở phải tự nhận mình dở, để học hỏi thêm không mặc cảm tự ti. Không lừa dối lương tâm, không dùng xảo thuật, mưu trí để hại người, khi bị sỉ nhục, mạ ly... Đừng bao giờ dùng trí khôn hay mượn ý tưởng kinh điển để rêu rao lỗi người, bào chữa lỗi mình, đưa phẩm giá mình lên cao, hạ nhân cách người xuống thấp. Phải đem tâm bình đẳng để đối đãi với tất cả. Tạo tội biết chừa, có lỗi biết hối để lòng được an ổn, vui vẻ và tránh sự bươi móc, chỉ trích kẻ khác.

將 謂 出 家, 貴 求 依 食.
tương vi xuất gia, quý cầu y thực

Chớ nên cho rằng xuất gia là cốt cầu được no ấm là đủ.

Ở đời gọi hạnh phúc là gì? Nếu không phải là nhà cao, cửa rộng, vợ đẹp, con ngoan, ăn no, mặc ấm v.v..? Song, những của cải vật chất ấy có thật sự đem lại được hạnh phúc như ta nghĩ không? Tục ngữ có câu: “Cửa là nợ, vợ là oan gia” (cửa chính là món nợ, vợ ràng buộc kết chặt khó lia), nên không thật sự có hạnh phúc.

Thế thì người xuất gia đâu cần phải ăn no, mặc ấm hay ăn sung mặc sướng hoặc ăn sang mặc đẹp để làm gì? Trái lại phải tránh giao thiệp với kẻ cậy quyền thế, ý giàu sang, tâm địa vênh váo, tự đắc, ngã mạn, kiêu căng. Xa lánh những người tu hành trong hình thức, lòng đầy ích kỷ tự hiềm, đố kỵ, phân tranh thắng bại và cầu danh.

Nếu gần gũi thân thiện với những kẻ có thế lực, giàu sang tức dựa vào tiền tài, danh vọng áp đảo kẻ khác, chứng tỏ mình là kẻ yếu đuối, hèn nhát; không tự chủ, thiếu tự tin. Người tu học Phật thiếu căn bản lại đảm nhận vai trò lớn lao không thích hợp, vượt khả năng cũng có thể là nguyên nhân mượn danh kẻ khác bù lấp chỗ khuyết hờ yếu kém của mình. Như vậy là người thiếu thành thật, không xứng đáng làm chỗ nương tựa cho người khác. Tốt nhất trong thời kỳ còn đang huấn luyện, người chiến sĩ của Đức Phật phải biết chịu khó học tập cho đến nơi đến chốn, rèn luyện tánh đức, chuyên cần giữ giới để có đủ tác phong đạo hạnh. Khi ra làm việc phải nhẫn nhục, nhu hòa, từ bi, khoan dung với tất cả kẻ oán cũng như người thân để việc truyền pháp được thuận duyên và lợi lạc cho mình và người.

Người tu cũng như một chiến sĩ ra trận, một là tiến, hai là lùi. Tiến bước mới khó, vì cần sự phấn đấu, xông pha trước lẫn tên mũi đạn, vượt núi băng rừng để đạt tới mục đích cuối cùng: chiến thắng vinh quang trong sự ca khúc khải hoàn, mang lại danh dự cho tổ quốc. Chiến thắng của

người chiến sĩ áo nâu không phải bằng gươm đao, súng đạn, mà bằng trí thức, từ bi, hùng lực dũng kiện; và ngày khai hoàn không phải là những tràng hoa chiến thắng mà là màu cờ ngũ sắc rạng chiếu ánh hào quang. Đó là giải thoát, Niết Bàn an lạc vậy.

4. HỌC VÀ HÀNH TRÌ GIỚI LUẬT

Để đạt được giải thoát, Niết Bàn an lạc, người xuất gia phải tinh chuyên giới luật, nhiếp niệm thân tâm, cần khổ gắng công theo lời Phật dạy:

佛	先	制	律,	啓	剌	發	蒙,
Phật	tiên	ché	luật,	khải	sáng	phát	mông,
軌	則	威	儀,	淨	如	冰	雪,
quy	tắc	oai	nghi,	tịnh	như	băng	tuyết,

Đức Phật, trước tiên chế ra giới luật để dạy kẻ sơ cơ, các phép tắc, oai nghi sạch như băng tuyết.

Trong ba món học GIỚI, ĐỊNH, HUỆ thì giới luật đứng đầu, nhờ giữ giới tâm mới định, tâm được định rồi trí huệ phát sanh.

Giới luật của người Phật tử tại gia có 5 giới, 8 giới, 10 giới, 48 giới (Bồ Tát giới) và giới luật của người xuất gia gồm năm phần: Sa di, Sa di ni (giữ 10 giới), thức xoa ma na (8 giới của ni trước khi thọ Tỳ Kheo Ni), Tỳ Kheo 250 giới và Tỳ Kheo Ni 348 giới.

Trong Kinh Di Giáo, trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật dạy chư Tỳ Kheo:

“Này các Thầy, khi ta nhập diệt rồi, các Thầy phải tôn trọng, quý báu, cung kính “ba-la-đề mộc xoa (giới luật) như tối gặp được ánh sáng, người nghèo gặp của báu. Nên biết rằng giới là bậc đại sư (Phật) của các vị, cũng như Như Lai còn ở đời không khác...”

Trong giới Kinh Phật dạy thầy Tỳ Kheo: “Đừng tưởng Ta tịch diệt mà không giữ tịnh hạnh. Ta nay nói giới Kinh cũng giảng cả luật pháp. Dù Ta nhập Niết Bàn, nên xem giới như Phật. Giới này còn ở đời thời Phật Pháp hưng thịnh. Vì Phật Pháp hưng thịnh nên chúng quả Niết Bàn, Nếu không giữ giới luật như pháp làm Bồ tát (tụng giới). Ví như mặt trời lặn thế giới đều tối tăm...”

Sau đây ta hãy nghe Phật nhấn mạnh đến sự tai hại của việc phá giới: “Ví như người què chân không có thể đi được. Người phá giới cũng thế không được sanh Trời, người, muốn được sanh cõi Trời, hoặc sanh ở cõi người phải giữ đủ giới luật, đừng để cho sai phạm. Như xe vào đường hiểm lo mất chốt gãy trục. Phá giới cũng như thế, khi chết lòng sợ hãi. Như người tự soi gương, đẹp xấu sinh vui, buồn...”

Xem như thế đủ biết rằng, Đức Phật luôn luôn tôn trọng giới luật, thực hành giới luật, chỉ dạy, răn nhắc chúng đệ tử thực hành giới luật để giữ ba nghiệp: thân, khẩu, ý không buông lung. Tâm người như con vượn chuyền cành, chuyền hết cành này sang cành khác, không chịu dừng nghỉ. Giới luật điều phục tâm trụ lại, kẻ dùng thiên định trời buộc, và sau lấy gươm trí tuệ sát diệt, tức làm cho phải tuân theo mệnh lệnh, không phạm sai lầm nữa. Như người chần trâu dùng dây buộc mồm con trâu lại không để đi lung phá hại lúa mạ người.

Người giữ phép tắc tức theo đúng khuôn phép đã được qui định bởi giới luật thì chắc chắn sẽ được an lạc, giải thoát và đạt đến vô thượng Bồ Đề. Người tu còn phải giữ gìn các oai nghi theo bốn cách đi, đứng, nằm, ngồi cho đĩnh đạc, đàng hoàng, làm cho người trong thấy phải kính nể, sợ trọng. Một người có oai giống như trong con mắt có thần sắc thu phục sự nể sợ của kẻ khác. Nhờ bên trong giữ giới nghiêm minh nên hiện ra bên ngoài oai nghi ngay chính, không nhiễm một mảy trần. Người tu như thế là trong sạch, thanh tịnh, sáng ngời như băng tuyết. Được như vậy

là nhờ biết thúc liễm cái tâm ban đầu tinh vi, quan trọng, khó khăn biết chừng nào!

止 持 作 犯, 束 斂 初 心,
chỉ trì tác phạm, thúc liễm sơ tâm,

Giữ gìn, làm phạm, thúc liễm tâm ban đầu,

Ngăn ngừa chận đứng lại là chỉ, tức dừng hay dứt không làm điều ác là trì, làm việc ác là phạm. Làm và không làm, thiện và ác cũng như úp mở bàn tay. Hai việc này như sáng và tối, mưa và nắng, mặt trời và mặt trăng luôn luôn đối nghịch với nhau. Làm tức là mắc vào tội lỗi, nhúng tay vào điều ác; còn ngăn ngừa, dừng lại, dứt sạch là biết giữ gìn thì không phạm. Cho nên nói thúc liễm hay kèm hãm, bó buộc tâm ban đầu trụ vào một chỗ theo ý muốn của hành giả. Ngăn dứt ba nghiệp không cho dong ruổi theo cảnh vọng, thì các nghiệp ác không phát sanh được nữa. Nhưng tại sao phải giữ cái tâm ban đầu? Vì tâm ban đầu thật mạnh mẽ, quan trọng tinh vi sáng suốt, rồi dần dần bị duyên trần làm lu mờ, che phủ bởi vọng tưởng đảo điên. Vì thế, trong thiền gia có câu: “Nhứt niên Phật tại tiền, nhị niên Phật tại thiên, tam niên Phật biến thiên” (Năm đầu tiên Phật ở trước mặt, năm thứ hai Phật đi lên trời, năm thứ ba Phật biến mất). Câu này nhằm nhấn mạnh cái sơ tâm của người xuất gia thật là quan trọng, phi thường, như thành Phật, thành Thánh cũng có thể được ngay, chỉ cần chịu khó gia công thực hành một chút là được.

Vì thế, các Thầy có đệ tử xuất gia phải đưa họ vào khuôn khổ (giới luật) để học kinh, luật, luận, tu tập, tham thiền, tụng kinh, bái sám ngay từ đầu, không nên để trì hườn kéc dài nhiều năm tháng, nhất là hai thời công phu sáng, chiều và bốn cuốn luật: Tỳ ni, sa di, oai nghi, Cảnh Sách phải buộc đệ tử thuộc nằm lòng; rồi sau thầy mới

truyền trao cho các kinh luận khác.

Đức Phật chính là nhà tâm lý học đại tài ba, đã biết hết tâm niệm dễ dãi, buông lung, lừa dối của đệ tử, nên chế giới cấm cho người sơ tâm học đạo.

微 細 條 章, 革 諸 猥 弊.
vi tế điều chương, cách chư ôi tệ.

Giữ gìn từng điều, từng khoản cẩn kẽ, ngăn dứt các tội lỗi.

Nhờ biết khéo giữ các giới tướng từng ly từng tí nên đối trị được các tội lỗi, trừ bỏ những sự xấu xa. Giới tướng như trên đã nói; còn oai nghi nói hẹp thì có bốn, nói rộng (đủ) có đến ba ngàn⁽⁸⁾ và tám muôn tế hạnh (hạnh vi tế) để trừ diệt tám vạn bốn ngàn (84,000) trần lao phiền não⁽⁹⁾ của chúng sanh nói chung.

Tội lỗi gồm ba độc: tham – sân – si và sáu kiến chấp: mạn, nghi, ác kiến, thân kiến, biên kiến, tà kiến. Do tám vạn bốn ngàn tội lỗi kết buộc chúng sanh trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi, không giải thoát được nên chúng sanh cứ lặn hụp nổi trôi mãi trong sáu nẻo luân hồi, xuống lên ba cõi không có ngày thoát ra khỏi. Sáu nẻo luân hồi là: trời, người, a tu la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và ba cõi gồm: cõi dục, nơi chúng ta đang sống với nhiều tính dục (ham muốn), cõi sắc của tiên như đẹp để lộng lẫy và cõi vô sắc của các vị trời trong 33 tầng trời, có đầy đủ phước báu, nhưng vẫn còn bị sanh tử luân hồi (như đã nói).

毗 尼 法 席, 曾 未 叨 陪,
Tỳ ni pháp tịch, tăng vị thao bồi,
了 義 上 乘, 豈 能 甄 別.
liễu nghĩa thượng thừa, khởi năng kiên biệt.

Nơi giảng giới luật còn chưa đến học tập, hướng gì nghĩa lý cao siêu về thượng thừa đâu tỏ biết.

Tỳ ni tức là giới luật; liễu nghĩa thượng thừa là Kinh điển Đại Thừa nghĩa lý thâm huyền, cao siêu. Người tu giới luật chưa tinh thuần thì Kinh điển Tiểu Thừa chưa chắc đã hiểu nổi, hướng gì Kinh Đại Thừa hàm chứa vô lượng nghĩa màu nhiệm. Ở đây Tổ có ý chê trách các Thầy muốn học nhảy bực, xé rào, không chịu đi từ căn bản tiến lên. Cái học như thế là vượt bực, nông cạn hay sống sót chưa đủ chín mùi không đem ứng dụng được vào đời sống tu hành, là hỏng là mất gốc.

Kinh - luật - luận là ba bộ môn mà người tu phải am tường thì đàn tràng này luật đã lơ là không chịu theo học, Kinh điển không sao hiểu nổi, còn luận thì khỏi phải bàn tới.

Trong bộ Đại Luật có dạy Thầy Tỳ Kheo rằng:

“Ngũ hạ dĩ tiền, chuyên tinh giới luật, ngũ hạ dĩ hậu, phương nãi thỉnh giáo tham thiên” (năm hạ về trước ròng chuyên giới luật; năm hạ về sau bèn mới học Kinh tham thiên). Thế mà người đời nay toan vượt bực qua thứ lớp mà Phật và Tổ, các bậc Cổ Đức qui định thì làm sao vào nhà đạo được. Giả sử Phật còn tại thế Ngài cũng quở trách hàng đệ tử đời nay, đừng nói chi Tổ Qui Sơn!

Hiện tại Phật Giáo Việt Nam đang gặp khủng hoảng về nhân sự trầm trọng, nên người mới xuất gia vài ba năm là được thọ giới. Rồi được bổ nhiệm ra làm việc như trụ trì, giảng sư chẳng hạn. Như vậy là oai nghi tế hạnh còn thô tháo, và Phật Pháp thì không biết phải ứng phó ra sao? Đúng là thời kỳ mạt vận, đạo pháp suy tàn! Đã vậy còn tạo thêm cho người xuất gia ý nghĩ dễ dãi, như cho rằng xuất gia không có gì khó khăn, thọ giới dễ, hành trì đảm nhiệm công việc Phật sự cũng đơn giản như bao nhiêu việc khác ngoài đời thôi.

Đạo pháp vi diệu thâm thâm đều được nhìn qua hình bóng của hàng sứ giả của Đức Phật. Vì trình độ tu học Phật của người Phật tử tại gia còn nông cạn, chỉ biết tin không chịu nghiên cứu sâu vào giáo lý, cậy trông mọi việc đã có quý Thầy thay thế. Trong trường hợp mà cả người xuất gia và người Phật tử tại gia đều như thế thì cũng khó nhận định: “Y pháp bất y nhơn, y ngữ bất y nghĩa” (Nương theo Pháp chớ không theo người; theo lời mà không theo nghĩa). Người hiểu được như thế mới là kẻ phụng sự đạo, còn ngược lại là làm tiêu hủy đạo, mất uy tín cho đạo.

Thật nghĩ mà thương cho tiền đồ Phật giáo! Vào nhà đạo ngày nay như đi vào ngôi nhà trống bỏ hoang từ lâu - tối tăm nguy hiểm - thiếu người trông nom chăm sóc!

Luật học mà người xuất gia không tinh tường thì bao nhiêu những oai nghi tế hạnh khác cũng khó mà giữ cho trọn vẹn đàng hoàng. Vì thế, người tu ở chùa lều láo cho qua ngày tháng và cho có hình thức vậy thôi. Tức là họ cũng đắp y, đeo tràng hạt, đạo mạo như ai để tham dự những cuộc lễ lộc cho có hình bóng nhà tu cho rậm đám! Còn kinh luật thì mù mờ, về sau có hồi hận cũng không kịp nữa.

可 惜 一 生 空 過，
Khả tích nhất sanh không quá，
 後 悔 難 追，
hậu hối nan truy，

Khả tiếc một đời luống qua, sau ăn năn không kịp.

Tại sao lại tiếc một đời luống qua? Vì không chịu tu học, giới luật không nghiêm giữ, một khi lìa trần có phải đáng tiếc không? Nhơn thân nan đắc, Phật Pháp nan văn (thân người khó được, Phật Pháp khó nghe (gặp)). Một khi

để mất thân người này rồi thì muôn kiếp khó được lại; vì thế, Tổ nói ăn năn không kịp là vậy. Là để mất cơ hội ngàn vàng không bao giờ có trở lại nữa.

教	理	未	常,	措	懷
giáo	lý	vi	thường	thó	hoài
玄	道	無	因	契	悟.
huyền	đạo,	vô	nhân	khé	ngộ.

Chưa từng để tâm vào giáo lý⁽¹⁰⁾ thì đạo mầu không nhờ đâu tỏ ngộ.

Chưa có trí huệ hiểu giáo lý, nên tất cả những lời Phật dạy trong Kinh điển mầu nhiệm cao siêu không thể nào thông hiểu, tỏ ngộ được. Đạo thì nhiệm mầu, vắng lặng, vô tướng nên phải mượn những danh từ để hiểu ngộ tâm ấn của Phật và Chư Tổ. Nhờ giáo lý để hiểu được đạo, cũng như ngón tay chỉ mặt trăng, chiếc bè đưa người sang sông. Qua sông xong thì phải bỏ bè, cũng như thấy trăng rồi ngón tay đâu còn cần thiết nữa. Nhưng muốn hiểu đạo mà giáo lý không thông suốt thì có hiểu được không? Giáo lý và đạo mầu, cả hai tương quan tương duyên với nhau không thể thiếu được. Nhờ đó mà đạt được giác ngộ giải thoát. Bằng ngược lại là đọa lạc trầm luân, đắm nhiễm trong tham trước, dục vọng, do tu mà không chịu học và thực hành giới luật đúng đắn, nghiêm chỉnh như Phật và Tổ đã răn dạy khuyên tấn để tu hành.

Người tu thiếu oai nghi tức là kém tác phong tư cách của ông Thầy.

Như đã nói, người xuất gia phải học và hành trì giới luật thì cái cung cách mới đàng hoàng, xứng đáng là nhà mô phạm, hàng sứ giả của Đức Phật mang tình thương và hòa bình ban rải khắp mọi nơi. Bằng ngược lại, họ cũng chỉ là những người tầm thường trong lớp vô tu hành đóng vai đạo đức để cầu người cung kính nể trọng mà thôi.

及	至	年	高	臘	長,
<i>Cập</i>	<i>chí</i>	<i>niên</i>	<i>cao</i>	<i>lạp</i>	<i>trường,</i>
	空	腹	高	心,	
	<i>không</i>	<i>phúc</i>	<i>cao</i>	<i>tâm,</i>	
不	肯	親	附	良	朋,
<i>bất</i>	<i>khảng</i>	<i>thân</i>	<i>phụ</i>	<i>lượng</i>	<i>bằng,</i>
	唯	知	倨	傲.	
	<i>duy</i>	<i>tri</i>	<i>cứ</i>	<i>ngạo.</i>	

Đến khi đầu bạc, tuổi hạ càng nhiều mà bụng vẫn rỗng không; chẳng chịu thân cận bạn lành, lại còn tự cao tự đại.

Người tuổi cao thì thường tóc bạc, vóc yếu, đi đứng khó khăn, cũng có nghĩa là sắp gần đất xa trời; lại thêm tuổi hạ càng nhiều, tức chứng tỏ kẻ đã ở chùa lâu năm, chầy tháng. Vì người tu không tính tuổi theo ngày tháng sinh mà tính theo tuổi hạ, gọi là hạ Lạp. Hạ Lạp là mỗi năm ba tháng hạ - mùa an cư - từ 15 tháng tư đến 15 tháng bảy âm lịch, đại chúng tăng cùng nhau tề tựu về một địa điểm thuận tiện để kiết giới tu hành. Sau khi mãn hạ, các thầy Tỳ Kheo nhận thêm một tuổi hạ. Đặc biệt chỉ có các Thầy đã thọ giới Tỳ Kheo (250 giới) mới được tính tuổi theo mùa an cư mà thôi. Vì thế, mỗi mùa an cư kiết hạ các Thầy lại tăng thêm một tuổi (trưởng) và cứ như vậy tính lên cho tới một ngày kia hạ Lạp càng nhiều, thì đạo đức càng tăng. Nếu người không lo tu học thì cho dù tuổi hạ có gia tăng thế mấy liệu có lợi ích gì cho đạo?

Bốn chữ: “Không phúc cao tâm” diễn tả đúng tâm trạng của kẻ cống cao ngạo mạn, hiu hiu tự đắc, tự cho mình tuổi cao hạ nhiều mà khinh thường kẻ khác. Người tu hành như thế là kẻ đóng vai đạo đức giả, thiếu thành thật

với chính mình, không xứng đáng ở chùa, “ăn cơm đàn na (tín chủ) mà thờ ma ngoại đạo”. Người mang tâm cao ngạo thì không bao giờ chịu mở rộng cõi lòng nhìn xa thấy rộng, học hỏi điều hay lẽ phải nơi bằng hữu, ở người cùng chí hướng. Kẻ như thế chi biết kiêu ngạo và như đó là một bản năng bất khả phân ly đã tới hồi nguy kịch trầm trọng, hầu như không còn kinh phương nào chữa trị được khỏi.

未 諳 法 律 戢 斂 全 無，
 Vị am pháp luật, tập liễm toàn vô，
 或 大 語 高 聲，
 hoặc đại ngữ cao thanh，
 出 言 無 度。
 xuất ngôn vô độ。

Đã không am hiểu pháp luật, thân tâm không chịu thúc liễm⁽¹¹⁾ lại lớn mồm to tiếng, nói năng bừa bãi...

Pháp luật ở đây phải hiểu là luật nợ quả của đạo Phật. Luật nợ quả có vay phải trả không hề sai chạy đi đâu. Cái nhân trước đã gieo dù sớm muộn gì cũng đều có kết quả rõ ràng như ánh sáng ban ngày, như trăng sao vằng vặc. Người tu mà không hiểu luật nợ quả thì dù thân có ở chùa mà tâm hạnh phạm tục, tức gieo cái nhân ở ba tầng địa ngục.

Sau đây là một câu chuyện thiền đề chư nhân giả suy cứu. Tổ Bách Trượng Hoài Hải mỗi lần nói pháp cho đại chúng, có một lão trượng cũng đến nghe. Khi chúng lui, ông lão cũng lui. Bỗng một hôm, sau khi chúng đã lui hết, ông lão còn chần chờ ngồi lại, không lui. Tổ hỏi: “Dám hỏi người đứng trước mặt bản tăng là ai vậy?” Ông lão đáp:

“Phải, lão đây không phải là người. Vào thời Phật Ca Diếp quá khứ, lão từng trụ trì núi này. Nhân có một đệ tử hỏi: “Bậc đại tu hành có mắc phải nhân quả nữa không?” Lão đáp: “Chẳng còn rơi vào nhân quả nữa, do đó mà đọa làm thân cáo đồng đã năm trăm kiếp. Nay cúi xin Hòa Thượng từ bi thương xót, ngõ hầu lão thoát được kiếp cáo đồng”. Bèn hỏi: “Bậc đại tu hành có còn rơi vào nhân quả nữa không?” “Tổ đáp: “Chẳng thể mê mờ lý nhân quả!”

Ông lão nghe lời nói hốt nhiên đại ngộ, cúi lạy nói: “Lão đã được thoát thân cáo đồng rồi”. Sau khi ông lão hóa kiếp, xác cáo còn bỏ lại phía sau chùa trên một mỏm đá, Tổ suất chúng đọc Kinh cầu siêu độ và cho mang xác chết đem chôn, theo nghi thức trọng thể của chùa.

Người xuất gia đã không hiểu luật nhân quả lại còn to mồm lớn tiếng, nói năng vô lễ, cãi vả om sòm, khinh người quá đỗi. Một khi mà lòng tự ái phát khởi lên không tự chủ được nữa thì đâm ra thô lỗ, càn bướng vung vãng, chẳng kể tôn ti, không phân phải trái. Do đó:

不	敬	上	中	下	座,	
<i>Bát</i>	<i>kính</i>	<i>thượng</i>	<i>trung</i>	<i>hạ</i>	<i>tọa,</i>	
婆	羅	門	聚	會	無	殊,
<i>Bà</i>	<i>La</i>	<i>Môn</i>	<i>tụ</i>	<i>hội</i>	<i>vô</i>	<i>thù</i>

Chẳng kể các bậc thượng trung hạ tọa, giống những người bà la môn⁽¹²⁾ tụ hội nào có khác gì.

Đây thuộc khẩu nghiệp phát xuất, do tâm không cung kính mà ra. Người không tâm cung kính là cũng chính tự khinh mình và khinh người, tức có ý mục hạ vô nhơn - xem thiên hạ không ai ra gì - mặc dù có mặc áo nhà tu, đầu cạo bóng mà nào có khác gì bọn Bà-la-môn tụ hội lại để nói chuyện khào vậ. Tại sao? Có nhiều lý do giải thích

cho trường hợp này:

- Do cá nhân thiếu học, kém tu.
- Không có người chỉ đạo.
- Ở đời đã có địa vị sau mới vào chùa tu.
- Vì lớn tuổi không ai dám chỉ trích, phê phán.
- Khéo che đậy hình tướng bề ngoài.
- Dùng ngôn từ hoa mỹ để lung lạc lòng người.
- Được giao cho chức vụ quá sớm vượt ngoài khả năng.
- Giao du với người hư tập theo tánh xấu.

Đó là những lỗi lầm trầm trọng có phương hại tới đoàn thể tăng già và làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của đạo Phật thật tệ hại. Người đời nhìn vào tác phong của mấy nhà sư kém đạo đức, không thể nào hiểu nổi, cứ cho đó là hình ảnh của đạo thì thật là lầm lớn. Nhưng chúng ta không thể nào trách được họ, vì nếu không có lửa làm sao có khói, phải không?

碗	鉢	作	聲	食	畢	先	起,
uỷển	bát	tác	thanh,	thực	tát	tiên	khởi,
去	就	乖	角	僧	體	全	無.
khứ	tựu	quai	giác,	tăng	thể	toàn	vô.

Khi ăn khua đũa bát thành tiếng, ăn xong đứng dậy trước, đi lại lác xác, không còn gì cái thể thống nhà tu hành cả.

Đó là bằng chứng rõ ràng không thể nào che dấu được nữa, người xuất gia không giữ oai nghi nên mỗi động tác đều thô tháo, bê tha quá đỗi. Thậm chí đến nỗi trong bữa ăn cũng không giữ đúng phép tắc của chôn thiền gia. Lúc ăn khua đũa, động bát chén phát ra thành tiếng. Đó là chưa nói, chắc gì còn biết giữ niệm phép “tam đề”, “ngũ quán” cho chuyên? Đã vậy, khi ăn xong lại đứng dậy trước

không chờ đợi chúng tụng kinh niệm Phật hồi hướng công đức cho người tín chủ đạo tâm. Làm mất cả thể thống, cung cách của kẻ tu hành, tức cũng làm cho tín tâm của người lui sụt. Mặc dù người dốc tâm cầu đạo thì “y pháp bất y nhơn”, nhưng ở đời mấy ai chịu dò tìm đến nơi đến chốn như vậy. Tục ngữ Việt còn có câu: “mía sâu có đọt, nhà dột có nơi” nhưng phần đông do tâm niệm phạm trần, trong niệm ghét thân:

*Thương nhau thương cả đường đi
Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng.*

Nói như thế không có nghĩa để bào chữa những thói hư tật xấu, trưởng dưỡng những tâm niệm yếu hèn của nhà mô phạm mà để như một bài học ở thời đại nào cũng không tránh khỏi.

起 坐 忪 諸, 動 他 心 念,
Khởi tọa chung chư, động tha tâm niệm,

Đứng ngồi lóc chốc, náo động tâm niệm người khác.

Ở đời có câu: học ăn, học nói, học gói, học mở là bốn cách xử thế trọn vẹn. Nếu không ta sẽ bị hại, hay người gạt gẫm để có khi phải tán gia bại sản hay tệ hại hơn còn đi tới chỗ tan thân mất mạng như chơi. Có kẻ bảo: học làm gì ba cái thứ ấy, có đáng gì đâu để mà bận tâm suy nghĩ. Việc xử thế họ tưởng như trò đùa, nhiều khi sống trên sự đau khổ của kẻ khác mà cũng vẫn không hay biết. Kẻ tu hành cũng thế, trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi đã được thầy bạn dạy bảo từ ngày mới nhập môn hành đạo. Những tưởng dễ thực hành, nào ngờ mãi học suốt đời vẫn chưa xong cái cung cách của một thầy Tăng ở nơi chùa làng đất cát. Việc ăn uống, nói năng, tiếp xử, làm việc cũng là những khía cạnh khác về oai nghi tế hạnh của nhà tu chân chánh.

不 存 些 些 軌 則,
 bát tôn ta ta quy tắc,
 小 小 威 儀,
 tiểu tiểu oai nghi

Mấy may phép tắc không theo, một chút oai nghi chẳng giữ...

Trên đây là lời quở trách đối với những ai lêu láo tu hành ở chùa cho qua ngày đoạn tháng. Như vậy, khá tiếc một đời luống công vô ích.

將 何 束 斂? 後 昆
 tương hà thúc liễm? Hậu Côn
 新 學 無 因 倣 倣,
 tân học vô nhân phỏng hiệu,

Lấy gì để con em bắt chước, nhờ đâu làm gương cho người mới học?

Hai chất vấn này song hành với nhau. Phần trước là về các oai nghi không có; phần sau nói tới kiến thức mù mờ không thông; một người tu như thế thì làm sao giảng kinh thuyết pháp, thu dụng đệ tử, nhiếp hóa tín đồ? Như vậy cũng chứng tỏ cho thấy là khó có thể làm lợi cho đạo giúp ích cho đời. Nói chung là khó thành công trong công cuộc tuyên dương Phật pháp sâu rộng trong quần chúng.

纔 相 覺 察, 便 言
 tài tương giác sát, tiện ngôn
 我 是 山 僧,
 ngã thị sơn tăng,

Có ai xét nét, lại nói ngay ta là bậc sơn tăng.

Tại sao dò xét? Vì quần chúng thiếu tin tưởng cái tác phong đạo đức của vị Thầy nên phải dò xét kỹ để khỏi bị lầm. Ngược lại, thấy được chỗ nhược điểm của mình, đương sự lại phát ngôn rằng: tôi đây chính là thầy tu ở nơi núi cao rừng thẳm. Thầy tu trên núi cũng có nghĩa là thầy tu kỹ, tu theo hạnh thanh tịnh, không tiếp xúc với quần chúng ở đô thị ồn ào, làm loạn tâm, bần trí. Có thật thế không? Nếu đúng như vậy mọi người đê đầu đánh lễ, cần gì thầy phải lên tiếng biện bạch cho hoài công tôn trí? Hễ “có tật giật mình” là lẽ thường trong thế gian pháp.

未	聞	佛	教	行	持,
vi	văn	Phật	giáo	hành	trì,
一	向	情	存	麤	糙,
nhứt	hướng	tình	tôn	thô	tháo,

Phép hành trì⁽¹³⁾, lời Phật dạy chưa thông, nên tâm tánh một bề thô tháo⁽¹⁴⁾.

Vì chưa hiểu lời Phật dạy, tức không hiểu giáo lý nên tâm cứ theo đuổi vọng trần vọng về thô tháo. Việc gì sẽ xảy ra đối với người tu hành không hiểu đạo? Trước hết cá nhân vị ấy, bị thiệt hại một phần; một phần khác vô cùng phương hại tới thanh danh đạo nói chung. Người đời chỉ nhìn vào mẫu số chung của chiếc áo nhà tu và hình thức Tăng sĩ để kết luận cho rằng thế này thế nọ. Thật là tình trạng bi đát trong đạo giáo mà thời nào và ở đâu cũng không tránh khỏi. Người tu hành không đàng hoàng chân chánh thường ưa bày trò vẽ kiêu lạ đời, khác chúng để thu phục mọi người, kéo phe lập vây cánh về mình.

Nếu có ai động đến thì “bồ đề gai” nổi lên, tức là sân si bộc phát.

Trong luật có dẫn câu chuyện sau đây: Ngài Pháp Xương thiền sư nói: có một hạng người nhớ được đoạn văn chương rồi khua môi múa mỏ, nói quấy nói quá, nói ta biết thiền, biết đạo, khi dễ người lành, gây nghiệp “vô gián”. Sau khi lìa đời cảnh nghiệp hiện ra như cua bị luộc nước sôi, càng ngoe rơi rụng... Từ trước học được tài nghệ để sinh sống cũng đều không thể nào dùng được trong lúc sa cơ. Nếu có ai nói trúng tâm bịnh mình thì lòng sân nổi dậy, bèn lớn tiếng bướng rằng: “Trong Phật Pháp đâu có cho phép nói chuyện ấy, người Đại Ngộ không chấp việc nhỏ. Ôi! Thật là đáng thương cho bọn người thiếu học, kém tu mà vẫn muốn sánh hàng với bậc cao đức, thì làm sao sánh kịp.

- Tại sao người xuất gia không chịu học, tu và hành trì giới luật?

Như trước đã nói, người tu không thực hành đúng lời Phật dạy nên tâm tư thô tháo, cử chỉ quê kệch, lời nói sồng sọng do không tu ba món huệ: nghe, suy xét và tu tập, mà cả ba pháp đều có thể phát sanh trí huệ vô lậu (không còn bị phiền não nhiễm ô nữa). Nếu không có trí huệ tuệ giác này thì không thể dứt trừ được hoặc nghiệp vọng trần, vô minh để chứng Thánh quả, tức giác ngộ hoàn toàn.

	如	斯	之	見,			
	<i>như</i>	<i>tu</i>	<i>chi</i>	<i>kiến,</i>			
蓋	為	初	心	慵	惰	饕	餐,
<i>cái</i>	<i>vi</i>	<i>sở</i>	<i>tâm,</i>	<i>dung</i>	<i>nọa</i>	<i>thao</i>	<i>thiết,</i>
	因	循	荏	苒	人	間,	
	<i>nhân</i>	<i>tuần</i>	<i>nhẫm</i>	<i>nhiểm</i>	<i>nhân</i>	<i>gian,</i>	

遂 成 疎 野,
toại thành sơ dã,

Kiến thức như thế, vì ban đầu lười biếng ham hố lần lựa theo đời, mới thành què mùa thô lỗ.

Kiến thức nông cạn, hay không có kiến thức là do lười biếng, sống lêu láo ở chùa cho qua ngày đoạn tháng kinh điển không thuộc, giáo lý chẳng thông, tâm trần vọng động. Vì thế, Tổ quở rằng, bọn què mùa không biết mới hành xử như thế. Người xuất gia lẽ ra lúc đầu cái tâm Bồ Đề còn dững mãnh, phải dốc chí gắng công học đạo, lại cứ chần chờ để lần lựa năm tháng càng nhiều, kiến thức càng cùn lụt suy kém dần. Lúc bấy giờ không học được nữa mà tuổi đã cao, nên sanh tâm ham danh lợi; muốn thu phục được nhiều người theo về với mình. Không chịu nương gần bạn lành, bậc thiện tri thức học hỏi, nên để cho ngày tháng luống qua, bắt theo không kịp nữa. Hể lòng nhiễm càng sâu, thì thói ác càng nhiều. Đó là bản tánh muôn đời của con người vậy. Con người quý hơn người thường ở chỗ có biết tôi luyện, mài dũa cái tâm hay không mà thôi. Cái tâm trần như đá cuội, đá tảng: muốn có món đồ dùng phải mài dũa, nắn đúc mới thành hay như kiếng soi để lâu ngày bị dính bụi. Muốn có gương sáng thì phải lau chùi bụi bặm bám víu trên mặt. Cũng thế, muốn tâm thanh tịnh phải cần tu, lấy giới luật làm nền tảng. Nếu tu hành mà không theo đúng lời Phật dạy, thì rất có phương hại về nhiều phương diện.

不 覺 躑 躅 老 朽,
bất giác long chung lão hủ,
觸 事 面 牆,
xúc sự diện tường,

Không ngờ chóng già nua lầy bầy, gặp việc thấy đều không hiểu, khác nào đôi mắt nhìn tường...

Câu đầu diễn tả trạng thái già nua lụm cụt, đi đứng khó khăn, tay chân run lầy bầy. Câu sau nói gặp việc gì cứ như ngây như điếc, chẳng hiểu biết gì trời, cũng khác nào người ngoảnh mặt nhìn vào tường vậy. Tại sao cái già ập đến cũng không biết? Khi gặp việc lại cũng chẳng hay? Vì người lười biếng thì thường hay buông lung, đâu có để ý đến giờ khắc, tháng năm. Như người ng-hiện ngáp, cờ bạc để thì giờ nướng vào con bài, lá bạc, chén tạc, chén thù, thì còn biết để ý tới sự sống là gì? Cũng không màng quan tâm tới mọi sự chung quanh. Hình ảnh sống thực của một người già nua trước tuổi tác thiếu học, kém tu như thế, khổ về thể xác biết chừng nào; nhưng còn nỗi khổ tinh thần cho hiện tại và sau này mới thật khủng khiếp đáng lo sợ, “Nỗi khổ bị thiêu trong ba đường dữ, nỗi khổ của con lạc đà, con lừa chở nặng, nỗi khổ đói khát của quỉ đói, cũng chưa gọi là khổ; si mê không học, không hiểu giáo pháp, không biết hướng đi mới gọi là khổ (Kinh Sa Di Thập Giới).

後 學 咨 詢, 無 言 接 引.
hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn.

縱 有 談 說 不 涉 典 章
Tùng hữu đàm thuyết bất thiệp điển chương,

Kẻ hậu học có hỏi đạo không một lời dạy bảo; dầu có đàm luận chẳng đúng điển chương⁽¹⁵⁾

Cái nhân không khá thì làm sao có quả tốt lành được. Vì không chịu học thì có kiến thức đâu chỉ dẫn lại người sau, mà dầu cho có chỉ dạy chẳng đi nữa, cũng nói

sai chánh pháp, đem chỗ sở kiến vọng hoặc thế gian truyền đạt cho những kẻ đến sau, bậc hậu học đàn em thì thật là phương hại vô cùng! Sai một ly, đi một dặm! Vì thế ở đây nói: một người không chịu khó học Phật tinh tấn, thì dù có nói bàn cũng chẳng trúng với Kinh điển, những lời Phật dạy; làm sao hướng dẫn, dìu dắt những lớp đàn em kế tiếp đến sau? Đã không làm mô phạm cho kẻ khác lại còn cố chấp, trách dỗi người đủ điều. Chẳng hạn như:

或	被	輕	言,		
hoặc	bị	khinh	ngôn,		
便	責	後	生	無	禮。
tiện	trách	hậu	sinh	vô	lễ.

Bị lời khinh dễ, bèn trách kẻ hậu sinh ⁽¹⁶⁾ vô lễ.

Thường người ít học hay cố chấp, bắt lỗi phải kẻ khác nhiều điều, như buộc người khác cung kính tuân phục, đó là điều sai, làm quấy. Thật ra không có gì phi lý, vô đạo đức bằng hành động mù quáng như thế!

Tại sao bị người khinh chê dè bỉu? Vì thiếu đức, có lỗi là không chịu tu mà ra. Đã vậy lại không biết xét lỗi mình, còn trách móc, đổ lỗi người này kẻ khác là vô lễ. Nguyên nhân sâu xa bị người khinh dễ là diễn nói không đúng kinh luật Phật dạy và kèm theo với tánh hẹp hòi cố chấp, bắt bẻ buộc người khác một bề tin theo ngoan ngoãn.

瞋	心	忿	起	言	語	該	人,
Sân	tâm	phẫn	khởi,	ngôn	ngữ	cai	nhơn,

Lòng sân nổi lên, nói năng lán lướt người khác.

Một khi lòng sân nổi dậy, con người đâm ra mù quáng buông lời thô lỗ vô độ, càng bướng, chửi rủa, mắng nhiếc trù ẻo người khác cho đến chết, cũng chưa đã cơn giận tức. Vì thế trong Kinh nói:

“Nhứt niệm sân tâm khởi,
Bá vạn chương môn khai”.

(Một niệm sân khởi lên, trăm nghìn cửa nghiệp chương đều mở ra)

Lửa sân nơi con người mạnh không gì sánh nổi, một khi nó bùng bốc lên khiến ta như muốn ăn tươi nuốt sống người đối diện mình. Xem bộ mặt của một người đang cơn sân, ta thấy nó dữ hơn con mãnh hổ. So ra giữa con người và loài dã thú, giống nào dữ hơn, tàn bạo hơn? Vì tánh sân con người có nguy cơ tàn phá còn mãnh liệt hơn cả bom nguyên tử nữa, nên sách Qui Nguyên Trục Chỉ nói rằng: “Nhứt niệm sân tâm khởi, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn” (một niệm sân nổi lên có thể làm thiêu rụi cả muôn khoảnh rừng công đức”. Thật vậy, bao nhiêu công lao tạo dựng, rồi chỉ do lòng sân giận dấy lên làm tiêu hủy hết chỉ trong chốc lát mà thôi.

- Nghiệp quả dẫn đến, khó mong thoát khỏi:

一	朝	臥	病	在	床,	衆	苦,
Nhứt	triêu	ngọa	bệnh	tại	sàng,	chúng	khổ
縈	纏	逼	迫.	曉	夕	思	忖,
oanh	triền	bức	bách.	Hiểu	tịch	tư	thôn,
		心	裡	惴	惶,		
		tâm	lý	hoài	hoàng,		

Một mai ốm nằm giường bệnh, các khổ dày vò, sớm tối nghĩ lo, trong lòng hồi hộp...

Trước khi nhắm mắt lìa trần, con người mang hai cái khổ lớn nhất, nặng nề nhất. Đó là cái khổ về thân bệnh hay thể xác như nằm liệt giường không ngồi dậy được. Com nước không tự bung lên ăn được, cho chí những việc tầm

rửa, giặt giũ, đại tiện, v.v... mỗi mỗi đều phải có người dắt dìu nâng đỡ. Bệnh tình từ một ngày đến một tuần lễ, hay một tháng, người bệnh chết thì còn đỡ cho người thân. Nếu chẳng may nghiệp quả nặng nề, con bệnh cứ nằm thoi thóp trên giường chờ chết không xong, làm báo hại con cháu lo chăm sóc cực khổ. Có người chịu đựng hết nỗi cảnh nuôi bệnh dài lâu ngày tháng như thế, đâm buồn chán, trách móc, đổ thừa bỏ mặc cho nạn nhân nằm đó. Đây lại là nỗi khổ khác chồng lên cái khổ trước.

Còn cái thống khổ nghiệt ngã hơn, đau buồn hơn là khổ về tinh thần. Đây là thời kỳ quả báo phải đến, giờ tử thần sắp réo gọi người phải ra đi. Tứ đại của cơ thể: đất, nước, gió, hơi ẩm trái nghịch nhau. Một trong bốn đại không điều hòa là các đường mạch đều ngưng đọng, gân guốc co rút lại. Lúc đó bệnh nhân lo nghĩ bời bời, nên tâm trạng hồi hộp bất an, cứ nghĩ vẩn vơ mãi, như thấy hiện ra nhiều điềm quái dị. Có lúc thấy ngục tốt đầu trâu mặt ngựa tới bắt tội nhân đưa vào trong ngục cho ngục tốt tra tấn hạch tội. Thôi đành bó tay chịu chết, để cho quỷ sứ dẫn thân thức đi đối chất trước mặt Diêm Vương, cho tường tội căn đã tạo. Người nào có tu, lúc chết trước giờ hấp hối, sẽ thấy rõ được siêu thoát vào cõi an lành. Còn kẻ không tu lúc sanh tiền, hung hăng độc ác, mưu toan xảo trá, sẽ bị tra khảo ngay khi sắp chết. Có người rống lên tiếng trâu bò thất thanh, có người vùng vẫy kêu tiếng eng éc như heo bị chọc huyết, là bởi lúc trước làm nghề đồ tể, mổ heo, giết trâu v.v... Khiến cho chúng đầu một nơi thân một ngã. Vì thế nạn nhân đến ngày phải đền trả nghiệp báo trước đã tạo.

前 路 茫 茫 未 知 何 往?
 tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng?

Đường trước mịt mờ, chẳng biết về đâu.

Chẳng biết về đâu bây giờ? Nẽo luân hồi chúng sanh trôi lăn trong sáu đường rộng thênh thang không biết đâu là bờ bến, chúng ta không biết từ đâu đến, và rồi giờ chết đi sẽ về đâu? Đó là nỗi khổ lớn nhất của một kiếp làm người!

從	茲	始	知	悔	過,
Tùng	tu	thủy	tri	hối	quá,
臨	渴	掘	井	奚	為.
lâm	khát	quật	tĩnh	hê	vi.

Lúc ấy, mới biết hối lỗi, đợi đến khát nước mới đào giếng, sao còn kịp.

Ngày còn mạnh khỏe không chịu lo tu, cứ buông lung tự thị, ý mình mạnh lành, tướng mạo dễ coi, tức là thiếu phần tu phước, trí huệ làm sao có được. Phước và huệ không tu, lấy gì cậy trông trong lúc cùng lộ này? Kêu ai cứu giúp cũng chẳng được, chạy chọt hết cửa này cửa nọ làm sao cho thông. Nghiệp lực đã tạo, một mình mình làm, tự mình phải chịu. Dù cho chí thân như cha con, chồng vợ cũng không thể thay cho nhau thọ báo được. Đó là nỗi khổ của người chần chờ lần nữa qua ngày không lo sớm tu học.

“Mạc đãi lão lai phương học đạo,
 Cô phần đa thị thiếu niên nhân”.
 (Chớ đợi đến già mới học đạo,
 Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh)

Người tu phước và huệ như kẻ bỏ vốn đầu tư, số vốn được bỏ vào “ngân hàng phước thiện” không tính phần lời. Nhưng lãi xuất không tính đếm hết được Đó là theo lời nhận xét của riêng người dịch, còn tin hay không tin là tùy nơi quý thiện hữu.

Người không tu làm sao cầu thoát khỏi nghiệp lực được, cho dù lúc sắp hấp hối có ăn năn cũng không sao kịp nữa. Suốt đời cứ mãi tạo nghiệp ác, người tự không biết lo sửa đổi tâm tánh làm những điều lành, để tới giờ phút cuối cùng cuộc đời mới nghĩ tới việc “tu thiện”. Tu thế nào cho kịp đây?

自	恨	早	不	預	修,
<i>Tự</i>	<i>hận</i>	<i>tảo</i>	<i>bất</i>	<i>dự</i>	<i>tu,</i>
年	晚	多	諸	過	咎,
<i>niên</i>	<i>vãn</i>	<i>đa</i>	<i>chư</i>	<i>quá</i>	<i>cữu,</i>

Hận mình trẻ chẳng lo tu, tuổi già nhiều điều tội lỗi.

Tự trách mình lúc còn trẻ không lo tích phước tu thiện, chẳng trừ ba độc: tham, sân, si, nên tới tuổi già tội lỗi càng nhiều. Điều đó, chứng tỏ rằng con người không tự chủ được tâm mình, thì nghiệp lực đến dẫn dắt đi thọ báo là điều hiển nhiên không sao tránh khỏi.

臨	行	揮	霍	怕	怖	悵	惶,
<i>lâm</i>	<i>hành</i>	<i>huy</i>	<i>hoác,</i>	<i>phạ</i>	<i>phó</i>	<i>trương</i>	<i>hoàng,</i>

Nên sắp chết tay chân bủn rủn, hoảng hốt bàng hoàng.

Lúc sắp lâm chung những nghiệp đã tạo đều hiện bày ra trước mắt. Người lúc sống tạo thiện nghiệp nhiều thì tự chủ đi thọ báo đầu thai, còn người nhiều ác nghiệp không tự chủ được phải bị nghiệp lực lôi kéo trong sự hãi hùng hốt hoảng. Chẳng khác nào con chim bị nhốt trong lồng, khi chiếc lồng rách, chim vụt bay ra.

殼	穿	雀	飛	識	心	隨	業.
<i>học</i>	<i>xuyên</i>	<i>tước</i>	<i>phi</i>	<i>thức</i>	<i>tâm</i>	<i>tùy</i>	<i>nghiệp.</i>

如 人 負 債 強 者 先 牽
Như nhơn phụ trách, cường giả tiên khiên,

Lựa bịt bình thủng, chim sẻ vụt bay, thần thức theo nghiệp⁽¹⁷⁾ như người mắc nợ, phải trả món lớn trước...

Sự dang co đối đầu giữa thiện ác thật là đáng khiếp. Hễ nghiệp mạnh sẽ lôi kéo tâm. Tuy nhiên, nghiệp thiện hay ác đều do tâm tạo cả. Quả báo mắc phải nặng, nhẹ sai biệt chẳng đồng nhau, do đó thần thức vào ra ba cõi, lăn lộn trong sáu nẻo luân hồi.

Câu “lưới thủng chim bay” dụ cho thân xác và thần thức. Thân xác đã đến lúc hoại diệt tan rã như chiếc lồng bị hư, không thể nào giữ chim lại được trong lồng nữa. Thần thức lúc đó mạnh vô cùng, vụt tung bay ra khi chiếc lồng của thân tứ đại ọp ẹp để đi thọ báo đầu thai hay thoát kiếp trầm luân vào nơi thánh cảnh.

心 緒 多 端 重 處 偏 墜。
tâm tư đa đoan, trọng xứ thiên trụy.

Hễ đã tạo nghiệp thì phải đọa đày.

Đó là lẽ tự nhiên rất công bằng không thiên vị, thứ tha cho ai được, nên người làm ác phải chịu quả báo xấu không sao tránh khỏi.

Tổ Khuê Phong nói: “Làm việc có nghĩa, là tâm tĩnh ngộ. Làm việc vô nghĩa, là tâm tán loạn. Tán loạn theo tình lôi cuốn, giờ phút lâm chung bị nghiệp kéo lôi. Người tĩnh ngộ không bị tình lôi cuốn, nên giờ phút lâm chung có thể chuyển nghiệp lại được. Muốn nghiệm biết khi lâm chung đi đầu thai, thanh thoi cùng không thanh thoi, cứ nghiệm ngay tâm chỗ thực hành của ta trong lúc bình thường đối với cảnh trần dính mắc, hay không dính mắc. Trong hai mươi bốn giờ luôn luôn nghiệm tâm hành của

mình thì đủ biết”. Xem đó ta xét nghiệm lại mình qua quá trình tu tập có đủ bảo đảm để tự chủ? Sống trong đời mạt pháp này, chúng ta tu hành đừng mong thành Phật chi cho xa vời, viễn tưởng mà chỉ trông mong hoán chuyển nghiệp lực nặng thành nhẹ, nhẹ thành không hay thành bạch nghiệp. Được như thế cũng đã là khá, còn mong gì cao hơn nữa! Nghiệp thiện, ác đều do sáu thức tạo và dẫn thức thứ tám đi đầu thai trong sáu đường để thọ báo. Nghiệp vì thế gọi là nghiệp hay dẫn; còn thức là cái bị dẫn, nên nói thức theo nghiệp là vậy. Nghiệp thiện và ác cái nào nặng hơn sẽ lôi đi trước để đến chịu báo làm thân đời sau. Tâm tạo nhiều mối, tức là thức thứ sáu vọng tưởng đủ thứ, phân biệt chẳng phải một, theo cảnh trần tạo các nghiệp ác sa đọa trong ba đường. Tâm vọng nào nhiều hơn thì rơi chỗ tội nặng hơn, tâm vọng tưởng ít thì đọa vào chỗ tội nhẹ.

Tội vốn vô hình tướng, nhưng không thể nào tránh khỏi quả báo xấu ác, nên tục ngữ có câu “lưới trời lồng lộng” là vậy. Lưới trời tuy thưa, khó mong lọt khỏi! Chúng ta không thể không cẩn thận chỗ tạo nghiệp, thọ báo, nhất là hàng trưởng tử của Như Lai.

Sau đây là hai điều then chốt hàng đầu người tu hành phải luôn luôn tâm niệm:

無	常	殺	鬼	念	念	不	停,
<i>Vô</i>	<i>thường</i>	<i>sát</i>	<i>quỷ,</i>	<i>niệm</i>	<i>niệm</i>	<i>bất</i>	<i>đình,</i>
命	不	可	延	時	不	可	待.
<i>mạng</i>	<i>bất</i>	<i>khả</i>	<i>diên,</i>	<i>thời</i>	<i>bất</i>	<i>khả</i>	<i>đãi.</i>

Vô thường ⁽¹⁸⁾ là quỉ hại người, *niệm niệm* ⁽¹⁹⁾ không dừng, *thân mạng khó diên trì, thì giờ đâu có đợi.*

Vô thường là tâm niệm luôn luôn thay đổi, biến diệt thoát có đó rồi không, như mây bay tản mát trong bầu trời, sương rơi trên cây cỏ buổi sáng chóng vánh tan biến. Khi cơn gió thổi đến hay lúc mặt trời chiếu sáng. Mạng người không phải kéo dài được một trăm năm mà chỉ trong hơi thở. Hơi thở ra có, hơi thở vào không, được xem như kết liễu một đời! Mạng sống vô thường chưa biết kết thúc lúc nào, con người khó mong kéo dài thêm (diên trì) được, vì thì giờ đâu có hẹn cùng người! Nói cách khác quý vô thường đến bất dẫn thần hồn ra đi lúc nào thì phải ngoan ngoãn tuân mệnh đi theo, không thể chống trái được. Tại sao con người không tự chủ được mình? Vì phần nhiều những người mê mờ không tin nhân quả, tội phúc, gây ra nghiệp nhân xấu ác, lúc sắp hấp hối bị những món nợ trước đã tạo tới đòi đền trả. Thần thức người sắp chết thật là yếu đuối nên nơi nào mạnh sẽ kéo, lôi vào đường nguy hiểm, lối tà, ác, tức phải chịu đọa lạc trầm luân.

5. CÁI NGÃ CHƯA XÃ NGƯỜI TU VẤN ĐỌA LẠC TRONG LUÂN HỒI.

Con người ở đời không có gì lớn hơn cái “ngã”. Tu hành là trừ dẹp bản ngã. Nếu tu chưa tự diệt được cái ngã, việc gì xảy ra?

人	天	三	有	應	未	免	之,
Nhân	thiên	tam	hữu,	ýng	vị	miễn	chi,
如	是	受	身	非	論	劫	數.
như	thị	thọ	thân,	phi	luận	kiếp	số,

Sinh trong ba cõi ⁽²⁰⁾ trời, người, chưa ai khỏi cả, thọ thân như vậy biết kiếp ⁽²¹⁾ nào thôi?

Như vang theo tiếng, bóng theo hình, hình ngay thì bóng thẳng, hình nghiêng lệch (xéo) thì bóng có ngay bao giờ. Cũng như thế, nghiệp quả kéo theo khó mà trốn chạy khỏi, nên rõ khổ đường sanh tử mờ mờ, chẳng biết đâu là cùng tận. Lúc đó mình làm mình chịu mọi hậu quả không nơi nương nhờ, không ai cứu thoát, thật đau đớn khổ não biết chừng nào!

Quý hồ con người lúc mạnh khỏe có chịu khó tu sửa thân tâm cho ngay chánh không. Đứng để đến lúc thập tử nhất sanh mới tất tả ngược xuôi thì đã muộn. Người nhiều mưu mô xảo quyết tom góp chứa nhóm cho nhiều, cho rằng người khác không biết, kẻ khác không hay, ăn bớt ăn chặn, lường gạt đủ điều, cậy thế ý quyền mong chiếm đoạt cầu lợi cho mình một cách ngang ngược trái phép. Miệng tuy nói công mà lòng keo rít, lén hiếp kẻ khác để bảo thủ cái “NGÃ” của mình càng thêm lớn. Bởi tạo nghiệp nhơn xấu ác trong đời này, đời sau phải chịu quả báo qua lại trong ba cõi, sáu loài chưa ai tránh khỏi. Nhân quả luân luyến đáp đối nhau, quả gây nhân, nhân lại cảm quả, khiến chúng sanh trôi lăn mãi trong vòng luân hồi, không biết đến đời kiếp nào mới thoát ra khỏi. Cho dù người tu là kẻ xuất gia hay tại gia mà cái ngã còn chấp quá nặng, còn cao ngạo khinh người, chỉ biết xem trọng bản thân, còn ngoài ra không coi thiên hạ ra gì. Càng bướng bồng lung, sát hại, tranh đoạt, mưu mô xảo quyết đủ điều là những hình thức cố bám víu lấy cái ngã to tướng của mình mà thôi. Người xuất gia là kẻ đọa luân hồi trước hơn ai hết, nếu không chịu tu và bác không tin nhân quả. Hình tướng nhà tu chưa hẳn đã là tu. Nếu vậy, ai cũng có quyền cạo đầu mặc áo tu là trở thành người xuất gia được. Cũng như người thường dân phạm tội hình thường bị tội nhẹ hơn nhà làm luật, người xử luật, vì là kẻ mô phạm cho người khác noi theo. Vì thế người thường có lỗi lầm vấp ngã cũng là lẽ thường ở đời. Đừng nghĩ rằng tu là giải thoát kiếp khổ luân hồi đâu. Việc gì thà ta không biết mà

phạm phải còn dễ tha thứ hơn. Kẻ đã biết điều lại cố tình gây thêm tội lỗi, thì hình phạt nặng nề đương nhiên sẵn sàng chờ đợi, tất phải đến không sai lệch một mảy may nào!

6. CÙNG NHAU RẪN NHẮC LO VIỆC TU HÀNH.

Ta hãy nghe và suy nghĩ lời Tổ cẩn thận:

感	傷	歎	訝	哀	哉	切	心!
cảm	thương	thán	nhạ,	ai	tai	thiết	tâm!
豈	可	緘	言	遞	相	警	策.
Khởi	khả	châm	ngôn,	đệ	tương	cảnh	sách.

Đau đớn biết bao, cảm thương khôn xiết! Nỡ nào làm thình, nên cùng nhau cảnh tỉnh khuyên răn.

Đây là lời than của Tổ Qui Sơn, vì thấy đời nhiều tệ ác. Các thầy đã xuất gia tu hành còn tham lam đua chen danh lợi mà phé bỏ đạo nghiệp, phải chìm đắm trong sanh tử luân hồi. Ngài đau lòng thương xót thấy cảnh bê tha ấy nên không nở lòng im hơi lặng tiếng, phải làm Văn Cảnh Sách này nhắc nhở cho nhau gắng chí tu hành.

所	恨	同	生	像	季,		
Sở	hận	đồng	sanh	tượng	quý,		
去	聖	時	遙	佛	法	生	疎,
khứ	thánh	thời	dao,	Phật	pháp	sinh	sơ,
	人	多	懈	怠.			
	nhơn	đa	giải	đãi.			

Tủi vì chúng ta cùng sanh vào cuối đời tượng pháp ⁽²²⁾ cách Phật đã xa, kẻ giỏi Phật pháp rất ít, nên phần nhiều người giải đãi ⁽²³⁾.

Tự trách mình thiếu phước, kém tu nên không gặp Phật ra đời. Sanh ra đời sau khi Phật nhập diệt là một trong tám nạn mà chúng ta đang gặp phải. Mà rủi ro thay thời điểm này không còn là thời kỳ tượng pháp, mà nhằm thời mạt pháp mới thật rõ khổ! Người xuất gia tu hành bây giờ như hoa xoài trứng cá, một lần sinh trưởng không biết bao nhiêu, nhưng kết quả thì thật là thê thảm, chẳng được bao nhiêu, không lấy gì làm tin tưởng cả. Tại sao? Vì người xuất sắc lèo lái con thuyền Phật Pháp thật là hiếm hoi, nên người tu có tánh hay tự tha thứ cho mình. Việc làm cứ trì trệ trễ nãi trong việc tu hành, nên bị tâm trần xâm lấn, người tu vì thế phải thọ báo luân hồi không giải thoát được. Sanh nhằm đời có Phật mười người tu, cả mười đều chứng đắc; sanh ra đời cách Phật từ 500 đến 1000 năm, một trăm người tu chỉ một vài người chứng đắc, cách Phật từ 2000 năm trở về sau, cả ngàn người tu khó có người đắc đạo! Huống nữa, chúng ta ra đời cách xa Phật những gần 3000 năm thì việc tu hành giải đãi, nên khó thành đạo chứng quả! Ấy thế chớ có khinh thường không lo tu tỉnh, vì mỗi người đều có khả năng thành Phật, như lời Phật dạy. Chúng ta nên chịu khó tu hành thì dù không thể thành Phật, chứng Thánh cũng hoán chuyển được nghiệp lực, cũng đã là khá lắm rồi, còn trông mong gì hơn nữa!

Giáo pháp Phật dạy được phân thành ba thời kỳ: Chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp. Từ khi Phật diệt độ đến 1000 năm sau là thời kỳ chánh pháp. Người tu hành nương theo giáo pháp hành trì thì được chứng quả. Sau Phật Niết Bàn từ 1000 năm đến 2000 năm là thời tượng pháp, tức cũng có giáo pháp, cũng có người tu hành tương tự như thời kỳ chánh pháp, nhưng ít ai chứng đắc. Đời mạt pháp là thời kỳ rốt sau của giáo pháp, tức là sau Đức Thích Ca diệt độ sau đời chánh pháp, tượng pháp từ 2000 năm về sau này. Ở thời buổi của chúng ta đang trong thời kỳ mạt pháp vậy.

略 伸 管 見 以 曉 後 來，
 Lược thân quản kiến, dĩ hiếu hậu lai,
 若 不 捐 矜 成 難 輪 逡。
 nhược bất quyên cãng, thành nan luân quán.

Xin lược bày theo thiện kiến ⁽²⁴⁾ để khuyên bảo người sau. Nếu không bỏ ác theo lành thì khó mong kéo lại.

Vì cách Phật quá xa, người tu cần phải nương theo thầy sáng bạn hiền, những bậc thiện tri thức trợ duyên cho kiến thức của mình để đạt đến chân lý.

Minh sư chính là ánh sáng soi đường cho hành giả trong đêm tối biết lối lần dò ra khỏi, tìm tới chỗ quang đặng, nơi có ánh sáng chiếu soi, tức là huệ trí để không còn làm đường lạc lối nữa. Những lời khuyên nhắc chí tình như trên, Tổ ân cần trao gởi đến đàn hậu lai - những người đồng tâm, cùng chí hướng - cố gắng khắc phục mọi nghịch cảnh trong sự nhẫn nhục tấn tu đạo nghiệp, thì chắc chắn sẽ tránh gây nhân thọ báo trong kiếp trầm luân khổ thống.

Sau đây xin dẫn câu chuyện trong Kinh Bách Dụ:

Thưở xưa tại một nước nọ, có anh nhà nghèo, có tài giả bộ tiếng kêu chim uyên ương. Vì muốn trộm hoa sen trong vườn ngự uyển, lén vào vườn cất tiếng kêu oang oang như chim uyên ương. Lúc đó quan giữ ao sen sanh nghi bèn hỏi: “Ai trong ao đó?” Anh nghèo lờ miệng đáp: “Tôi là chim uyên ương”. Quan giữ ao bắt được đem nạp cho vua. Trong khi đi giữa đường anh lại giả làm tiếng chim uyên ương kêu. Quan kia bảo: “Hồi nãy chú không làm, bây giờ làm có ích chi”.

Câu chuyện trên đây dụ người ngu trong đời. Trọn đời cứ tạo nghiệp ác, không lo sửa đổi tâm tánh, cái ác làm lành, để tới giờ phút lâm chung, tử thần đến réo gọi mới

nói rằng: “Tôi nay muốn tu thiện”, thì đâu còn kịp nữa. Bây giờ có muốn tu thiện, cũng làm sao cho kịp được. Như người ngu kia bị dẫn đến cho vua rồi mới làm tiếng kêu chim uyên ương”. Công việc tu học sửa tâm đổi tánh cũng như lau bụi bám víu lâu ngày trên mặt gương. Mỗi ngày phải năng lau chùi một ít bụi bám mới sạch, mặt gương mới sáng tỏ. Nếu để lâu ngày không lau bụi, mặt kiếng dù sáng vẫn bị lớp bụi che không thể nào trong rõ được mặt mũi mình trong ấy. Tâm con người cũng thế, có trí giác, có Phật tánh và có khả năng thành Phật, nhưng nếu không chịu làm hiển phát Phật tánh ấy, tức thiếu phần tu tập, sửa đổi thì cũng như mặt gương bị đóng bụi lâu ngày vậy. Muốn làm cho Phật tánh hiển lộ, hành giả phải một phần tự lực cương quyết cải ác tùng thiện, một phần khác nhờ tha lực, tức cần nương vào bạn hiền, thầy sáng và kinh điển học hỏi, thực hành. Chỉ có minh sự và thiện hữu mới giúp ta một cách đắc lực để cải đổi những việc xấu ác. Vì thầy và bạn thường gần gũi ta, chỉ bảo cho ta những việc tốt nên làm, việc xấu phải tránh, thật là cần thiết. Tục ngữ có câu: “ăn cơm có canh, tu hành có bạn” là như thế. Ăn cơm mà thiếu canh thì nuốt không trôi, cũng như tu hành mà thiếu bạn hữu, những bậc thiện tri thức dẫn dắt, chỉ vẽ cách tu tập, thực hành thì dễ phạm điều làm lỗi, sai quấy. Quý hồ, người xuất gia tu Phật phải cương quyết dứt khoát làm cho được hai việc này: dứt ác, tu thiện, tức là luôn luôn tìm cách diệt cái nhân gây ra tội. Dĩ nhiên trong mọi hành động, ý nghĩ luôn hướng tới điều lành, việc thiện ích lợi chính mình và tha nhân. Phải nhắm phần lợi tha là mục tiêu trước mắt để khỏi phạm điều ích kỷ, nhỏ nhen, tính keo bản đáng ghét. Đừng cho rằng ta đây là nhà tu hành, mọi người có phận sự phải cung phụng và kính trọng. Mọi nhu cầu vật chất phải được cung cấp đầy đủ vì tự cho: “Có thực mới vực được đạo” theo quan niệm hẹp hòi ích kỷ, quen bản tánh phàm tình và biên kiến xấu ác xưa nay.

Ước mong những nhà tu Phật chân chánh phải thực hành đúng theo chánh pháp là nghe, suy xét và thực hành trong ba lãnh vực học căn bản của Giới - Định – Huệ tức là Văn - Tư - Tu cho thật nghiêm túc.

7. HÀNH TRANG TRÊN ĐƯỜNG GIÁC NGỘ

Văn Qui Sơn có hai đoạn luận quan trọng: Đoạn mở đầu luận về nghiệp thọ báo con người chưa mấy ai tránh khỏi; đoạn sau đây luận về người xuất gia mang cả sứ mạng cao cả là truyền bá chánh pháp, báo ân chư Phật, cầu giải thoát sanh tử luân hồi:

夫	出	家	者,	發	足	超	方
<i>Phù</i>	<i>xuất</i>	<i>gia</i>	<i>giả,</i>	<i>phát</i>	<i>túc</i>	<i>siêu</i>	<i>phương,</i>
心	形	異	俗	紹	隆	聖	種
<i>tâm</i>	<i>hình</i>	<i>dị</i>	<i>tục,</i>	<i>thiệu</i>	<i>long</i>	<i>thánh</i>	<i>chủng,</i>
震	攝	魔	軍	用	報	四	思
<i>chấn</i>	<i>niếp</i>	<i>ma</i>	<i>quân,</i>	<i>dụng</i>	<i>báo</i>	<i>tứ</i>	<i>ân,</i>
		拔	濟	三	有		
		<i>bạt</i>	<i>tế</i>	<i>tam</i>	<i>hữu.</i>		

Luận người xuất gia, phát tâm cao thượng (Đại Thừa), tâm hình khác người thế tục; nói dối giòng phật, hàng phục ma quân, đền đáp bốn ân, cứu vớt (giúp) ba cõi...

Đó là cả một phận sự mà người tu suốt đời phải thực hành tinh tấn mới có thể:

- a) Thăng tiến tới vô thượng Bồ Đề (Đại Thừa).
- b) Tâm và thân khác người thế tục.
- c) Nói giòng Phật chủng.
- d) Hàng phục ma quân.

e) Đền đáp bốn ân.

g) Thoát ly sanh tử của ba cõi.

a) Người muốn phát tâm vô thượng Bồ Đề phải phát đại nguyện trước nhất. Đại nguyện ấy như thế nào?

- Lấy sự nghiệp giác ngộ của Chư Phật làm sự nghiệp giác ngộ chính mình.

- Xem cái khổ của chúng sanh như cái khổ của mình.

- Phát tâm từ bi cứu giúp, lợi người lợi vật.

- Luôn luôn quán chiếu vào đời sống thực tại, không vọng tưởng, không kiến chấp, tâm an nhiên tự tại, bình đẳng với tất cả. Không thể so sánh với đại nguyện của đức Địa Tạng Vương Bồ Tát, vì Ngài là bậc Bồ Tát, còn chúng ta là những người phát tâm Đại Thừa học hạnh Bồ Tát. Bồ Tát có hai hạng: tối thượng thừa Bồ Tát và quyền thừa Bồ Tát. Những vị Bồ Tát dần thân lặn xả vào đời cứu giúp chúng sanh bất vụ lợi. Hành tung của các Ngài đến và đi an nhiên tự tại, như làn chớp, sao băng không cần lưu dấu tích, hạng phàm phu chúng ta học hạnh Bồ Tát chính là thành phần thứ hai. Vì cái giác (biết) của chúng ta chỉ mới là phần giác (biết chỉ một phần), còn Bồ Tát thực sự đã toàn thấy giác (thấu biết chân chính hoàn toàn), nên việc hành xử thường nhật của những vị Bồ Tát mắt phàm thân thịt hay mắc phải lỗi lầm phương hại tới sự nghiệp tu hành giác ngộ mà nhiều khi không hay, vẫn cứ nghĩ đó là hạnh Bồ Tát phá chấp, phá ngã và người đời lầm tưởng đó là người đạo hạnh.

b) Tâm và thân khác người thế tục. Tâm và thân người xuất gia khác với người thế tục ở những điểm nào?

- Về thân thể: Tướng đầu tròn, áo vuông; không trang điểm, không se sua chải chuốt. Quần áo hoại sắc, không lòe loẹt, áo quần, giày nón không theo mode này mode nọ kiểu thời trang (fashion). Về những nhu cầu, tiện nghi của đời sống cũng thật đơn giản, không cạnh tranh so sánh hay chạy đua theo cho kịp người. Vì hễ càng đua đòi, lao theo

đời sống vật chất là càng khổ. Cái khổ này chưa dứt đã kéo theo cái khổ khác liên tục triền miên không bao giờ chấm dứt.

- Về tâm trí: Không mưu tính thiệt hơn, cốt mưu lợi cho mình. Luôn luôn đề thì giờ chú tâm vào việc giảng Kinh, luận đạo, viết sách, tu thiền, chấp tác.. để tự soi sáng mình. Ở nơi thiền viện nếu thiếu một thời Kinh, giờ tọa thiền v.v... phải tự xem như người đi làm công chưa làm tròn bổn phận và trách nhiệm đối với chủ nhân. Ngày nào chưa làm xong việc, ngày đó người tu không có quyền ăn tiêu của tự viện, làm tổn hao mồ hôi nước mắt của bao kẻ khác, vô tình sống lạm dụng như sâu, một đực hút lần mòn đồ đạc trong chùa hư nát mà không tự hay biết.

c) Nói giòng Phật Chung: Người xuất gia có phận sự truyền bá Phật Pháp sâu rộng trong đời để giáo pháp được truyền lưu mãi mãi không dứt. Như việc lập chùa, đúc chuông, tạo tượng, in kinh sách, viết báo, giảng đạo, thu nhận đệ tử xuất gia, quy y cho tín đồ... cũng chỉ là một phần nhỏ của việc hoằng pháp. Cung cách của người xuất gia thật tâm muốn nối dõi giòng Phật mới quan trọng.

d) Hàng phục ma quân: Trên đây đã có đề cập tới năm thứ ma: ma phiền não, ma chết, ma thần tiên, thiên ma và ngũ âm ma. Chỉ có ma phiền não bên trong như tham - sân - si - kiêu mạn, nghi ngờ, kiến chấp là bọn loạn quân khó trị nhất. Phải hàng phục chúng bằng cách nào? Người tu giữ giới, tu thiền định và dùng trí huệ hàng phục ma quân, những thứ làm chướng ngại cản trở việc tu hành.

e) Đèn đáp bốn ân: Tu hành chân chánh là đèn đáp ân Phật, ân chúng sanh, ân tổ quốc và ân cha mẹ mà một người xuất gia đã thọ nhận từ khi có thân xác này, được yên ổn sống trong thiền viện có thầy sáng bạn hiền giúp đỡ việc học hỏi; nhờ hạt cơm, manh áo, đo lường... nhất nhất đều nhờ sức lao động người khác cung cấp, há không phải ơn tổ quốc và chúng sanh là gì?

g) Giải cứu ba cõi hay thoát ly sanh tử của ba cõi, đừng lầm tưởng chỉ lo cứu giúp người khác, trong khi mình còn bị trầm luân trong khổ thú, thật không gì đáng thương bằng! Nghĩa là muốn cứu giúp người, trước tiên phải tự cứu lấy mình. Cũng như người có biết bơi lội mới dám xông xáo ra khơi vớt người bị đắm, còn bằng ngược lại thì chính mình bị chết chìm trước nhất.

若 不 如 此, 濫 廁 僧 倫,
 Như ợc ấ ấ ấ ấ, ấ ấ ấ ấ,
Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân,

Nếu không được như thế thì chỉ lạm dụng nhà tu thôi.

Không được như thế là thế nào? Có nghĩa là cũng cạo đầu, mặc áo nhà tu, hình tướng trông giống nhà tu thật mà tâm địa thô tháo, ác độc không một tí gì tỏ ra là một tu sĩ thực hành theo hạnh Phật cả. Như vậy phải chẳng kẻ lạm dụng hàng ngũ tăng đoàn để mua danh trục lợi? Lạm xí có nghĩa là đặt mình vào trong; tăng luân là giềng mối, kỷ cương hay qui tắc của nhà tu vậy. Mượn y phục của Phật, lợi dụng giáo pháp, tạo đủ thứ tội. Họ là bọn giặc trà trộn lẫn lộn trong những cửa nhà chùa vậy.

8. KHUYÊN RĂN NHỮNG ĐIỀU CẦN YẾU:

Người tu Phật lời nói phải đi đôi với việc làm để chứng tỏ là người thực sự có tu học, hành theo hạnh Phật.

言 行 荒 疎, 虛 霑 信 施.
 ngôn hạnh hoang sơ, hư chiêm tín thí.

Lời nói, việc làm thô tháo⁽²⁵⁾ làm tổn hao của tín thí⁽²⁶⁾.

Lời nói, việc làm bất nhất, không ứng hợp sẽ đưa lại hậu quả vô cùng tai hại cho chính mình và những người chung quanh. Tại sao như vậy? Vì người nào ưa nói suông

mà không chịu bắt tay vào làm việc là kẻ chuyên khoác lác trên đầu môi chót lưỡi, người chỉ chuộng mặt nổi, bề ngoài, không có chiều sâu, thiếu thực tế nội dung. Kẻ thiếu đạo đức, thiếu tu nên thiếu sự hiểu biết thì thọ nhận của người thí chủ nhiều càng tốn hao, vì thiếu phước đức vậy.

昔	年	行	處	寸	步	不	移,
Tích	niên	hành	xứ,	thốn	bộ	bất	di,
恍	惚	一	生	將	何	憑	恃?
hoảng	hốt	nhứt	sanh,	tương	hà	bằng	thi?

Những việc làm lầm lỗi về trước có chấp khư khư không sửa đổi lếu láo ⁽²⁷⁾ một đời, lấy đâu để mong độ thoát (nuơng cậy)?

Những việc làm về trước là những việc nào? Đó là những thói hư tật xấu cũ không chừa, cố giữ không biết hối cải: có thể là những hành vi trước khi xuất gia hay những năm tháng ở chùa đã qua so với thời gian hiện tại. Dù là người xuất gia, nhưng không khéo điều phục tâm, vọng tâm dễ khởi theo những tập nhiễm mê lầm. Tập nhiễm tức là những thói xấu tiềm nhiễm từ từ mỗi khi một ít rồi thành quen và khó sửa đổi. Có hai loại tập nhiễm: vô minh luân tập còn dây dưa từ kiếp quá khứ xa xưa chưa dứt sạch và những thói xấu tích tập trong đời này. Đó là nguyên nhân đọa lạc luân hồi, trầm luân trong ác thú. Người tu mà lỡ phải rơi vào tình huống ấy thì thật đau đớn biết bao!

Tác bước không chịu đời đời, tức là khư khư cố chấp không chịu ăn năn hối cải những thói xấu đã bám sâu gốc rễ lâu ngày như ham danh, đắm sắc, mê lợi, thích chơi bời, cờ bạc, rượu chè, hút thuốc, dâm ô, nói dối v.v... Tự bào chữa cho rằng những thứ đó không phương hại người

khác, thì không phải là thứ tội lỗi, vì nó vốn vô hình tướng. Nhận định như thế là lầm lẫn lớn, vì tội tánh vốn vô hình, nhưng nó có một sức mạnh vô song, còn mạnh hơn cả bom nguyên tử, có công sức phá sụp đổ cả thành trì kiên cố của một quốc gia. Đối với người xuất gia thì nó làm tiêu luôn cả pháp thân huệ mạng, cho dù thân có sống ở chùa mà tâm không chú mục vào đạo, thì chỉ làm hại cho đạo mà thôi. Câu “lếu lảo một đời”, tức là nói tâm trạng của kẻ không dốc lòng tu niệm, có tâm hướng ngoại, thì không nhờ đâu nương cậy được cả. Bản chất con người có đủ mười nghiệp ác sát sanh, trộm cướp, dâm loạn, nói dối, thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời độc ác, xan tham, kiêu mạn, tà kiến. Những ai biết rèn luyện tâm và biết khắc phục mọi nghịch cảnh, luôn luôn dũng mãnh tinh tiến sửa đổi những ác niệm sẽ chuyển mười nghiệp ác thành mười thiện nghiệp. Việc thiện và ác như lật ngửa bàn tay rất dễ dàng. Một người hôm nay được tiếng là hiền lương đạo đức, nếu không có sự khiêm nhường tối thiểu, y sẽ vỡ ngực tự khoe, kiêu căng tự đắc, liền khi đó tâm hiền lương đạo đức có nhiệm mùi trần lụy, xấu ác kèm theo. Một nhà tu có đạo hạnh, kiến thức được nhiều người nể trọng, cứ lầm tưởng cho mình là thầy đời thiên hạ, tâm cống cao ngã mạn nổi dậy, lòng hieu hieu tự đắc. Vị ấy nhìn thiên hạ không ai bằng mình, khinh rẻ mọi người chung quanh, coi thường những lời nói chân thật. Đó là dấu hiệu cho thấy cửa ngục đang chờ sẵn! Người đạo cao đức trọng thường có tánh khiêm cung nhã nhặn, tâm từ bi hỷ xả, cũng giống như câu mà người đời thường nói: “Phú quý sanh lễ nghĩa” là vậy.

Lúc ta chưa có tiền ta không cần đề phòng gìn giữ, nhưng khi đã có tiền lại nhiều kẻ rắp ranh muốn đến mượn, nên không thể không xem trước ngó sau canh chừng cẩn thận. Trong lãnh vực đạo đức cũng vậy, bọn ác ma luôn sẵn sàng chờ dịp tác hại, nếu hành giả lơ đễnh trong những lúc thiếu đề cao cảnh giác, chúng xâm nhập

sào huyết tung hoành trong đường tơ kẽ tóc. Đó là những lúc nhà tu phóng tâm không nhiếp niệm, sân si, tức giận dấy khởi không kèm chế lại được. Có kẻ nghi ngờ hỏi: ủa, thì ra nhà tu cũng còn dấy vào tội lỗi sao? Hỏi thế là chứng tỏ người hỏi chưa thấu đáo nghĩa của chữ “tu” và chưa thấm nhuần giáo lý Phật dạy. Nếu ai tu cũng thành Phật, thành Tổ cả thì khỏe quá! Đâu cần mất công đãi lọc thanh trừng niệm xấu ác để tịnh hóa thân tâm làm gì, mà những nhà tu suốt đời khép mình sống trong tăng viện cho cực khổ? Tất cả chúng ta vào đời mang tâm trần đầy thói nhiễm, cùng cộng trụ trong một cõi thế không chân thật này, nên mới gọi là “thế gian”. Mỗi người chọn lấy cho mình một nghề riêng biệt như là một sở thích bất khả xâm phạm. Tu sĩ là một nghề. Đã là một nghề nghiệp (Occupation), dĩ nhiên phải cần tập luyện. Tu sĩ Phật giáo là một chức năng thì phải cần đòi hỏi thời gian, công phu mới chuyên nghiệp, tay nghề mới tinh xảo được. Nếu tu sĩ là nghề thì ai cũng có quyền chọn chùa am, tăng viện làm nơi thực nghiệm, với điều kiện phải yêu thích nghề đó, và quyết đeo đuổi tới cùng. Nghề tu sĩ cần phải tinh chuyên thức khuya dậy sớm cần mẫn liên tục suốt năm này qua tháng khác, không có thời giờ nghỉ xả hơi holiday, hay được “sick pay” như những người làm hãng xưởng, văn phòng khác. Dĩ nhiên, ai đã chọn nghề này thì không có lương bổng, không được thăng thưởng, cũng không cả bonus cuối năm!

Trở lại vấn đề vừa nêu trên, tu sĩ khác người đời về hình thể như cạo bỏ râu tóc để thành một người xấu xí khó coi cho dễ bề tu niệm. Họ sống nơi chùa am thanh tịnh, tránh những nơi ồn ào phức tạp. Việc ăn uống cũng thuần chay tịnh không có mùi máu thịt tanh hôi, tức là người xuất gia không vướng vào nghiệp sát sanh hại vật. Về tâm, người tu luôn luôn phải sống tỉnh thức. Thức khuya dậy sớm cũng là để sống trong sự tỉnh thức. Vì người ngủ nhiều hay sanh u mê trì trệ, làm biếng bạc

nhược, thân thể mệt mỏi, tinh thần suy kém hay trí huệ không minh mẫn, quyết đoán không lanh lẹ, không dứt khoát, tức khó thành tựu thì việc xấu ác dễ phát khởi.

Nghề tu sĩ thật quả đòi hỏi nhiều công phu tinh luyện một người cho đến khi thuần thục phải cần trên dưới mười năm. Trong khoảng thời gian học đạo đó và ngay cả khi ra làm việc, người xuất gia làm sao cho vọng tâm khởi dậy khởi? Đó là vấn đề căn bản cần nêu ra đây để cùng học hỏi, sách tấn nhau trong việc tu tập. Khi vọng tâm dậy khởi ta phải làm sao:

- nên giữ cho thân, khẩu thanh tịnh.
- đến trước bàn Phật lạy hồng danh sám hối.
- tụng kinh hay tọa thiền.
- suy xét nguyên nhân nào đưa đến.

và nên tránh:

- không tiếp xúc, gần người tạo cho ta phiền não.
- không phát ngôn lời cộc cằn, thô lỗ.
- không nhận phần phải, điều hơn về mình.
- nghi ngờ, đổ lỗi người này người khác v.v...

況	乃	堂	堂	僧	相,	容	貌
<i>Huóng</i>	<i>nãi</i>	<i>đường</i>	<i>đường</i>	<i>tăng</i>	<i>tương,</i>	<i>dung</i>	<i>mạo</i>
可	觀,	皆	是	宿	植	善	根
<i>khả</i>	<i>quan,</i>	<i>giai</i>	<i>thị</i>	<i>túc</i>	<i>thực</i>	<i>thiện</i>	<i>căn,</i>
		感	斯	異	報.		
		<i>cảm</i>	<i>tư</i>	<i>dị</i>	<i>báo.</i>		

Huóng nữa đường đường là bậc tăng, tương mạo đoan trang đều do gieo căn lành đời trước nên đời này được báo ứng như thế.

Người có phước tướng trang nghiêm tốt đẹp đời này đâu phải tự nhiên mà được. Ấy là nhờ nhân lành kiếp trước đã tạo cảm báo nên, xứng đáng là hàng chúng trung tôn của đức Phật – trưởng tử của Như Lai - đường đường là nhà tu mô phạm, có tướng mạo đĩnh đạc đàng hoàng, khiến người trông thấy liền đem lòng cung kính. Có thể trong nhiều đời nhiều kiếp về trước vị tăng đã gieo trồng phước đức như giúp người, cứu vật. Cái quả không cầu mà đến, không mong mà được tích tập chiêu cảm nên thân hiện tại có phước báu tốt đẹp khác người. Người có được phước tướng như thế chớ nên tự hào, ý lại buông tung tự thị, thì phước báu mai một mất thôi! Như người có tiền bỏ vô ngân hàng, nếu không chịu nỗ lực làm việc tiếp tục, số tiền để dành dù lớn, một ngày nào đó sẽ cạn dần, hết sạch.

便	擬	端	然	拱	手,	不	貴
Tiền	ngĩ	đoan	nhiên	cung	thủ,	bát	quí
寸	陰,	事	業	不	勤,	功	果
thốn	âm,	sự	ngiệp	bát	cần,	công	quả
		無	因	克	就.		
		vô	nhân	khắc	tự.		

Bèn ngồi khoanh tay phó mặc chẳng tiếc thì giờ, tu niệm chẳng màng thì phước huệ nhờ đâu thành tựu?

Nhà tu là kẻ luôn luôn phấn đấu, không ủy mị bi quan, không lơ là giải đãi; nghĩ tới thì giờ là vàng bạc để tận dụng vào việc tu niệm. Con vô thường thành linh ập đến, nếu không có một chút hành trang làm tư lương trên đường giác ngộ, thì làm sao thoát kiếp luân hồi sinh tử? Hỏi tức là trả lời, những ai muốn theo dấu chân đức Phật, không luận là tăng hay tục phải dốc tâm tu hành. Bạc

Tổ còn phải miệt mài tu tập, vì trong Phật giáo chữ tự do và bình đẳng được tôn trọng đúng mức. Không một thế lực nào có thể áp đảo nhà tu, cho dù đó là thế lực chính trị phi nhân bản (qua những chế độ quân chủ chuyên chế, vương quyền phát xít, độc tài chuyên chế vô sản...) mà chỉ có thế lực vô minh là đội hùng binh hung hãn nhất, cướp mất huệ mạng người tu hành lúc nào không biết. Ở đây không có vấn đề mệnh lệnh được ban ra, vì tất cả chúng ta đều là kẻ học nghề, chưa ai được hoàn hảo cả. Mọi người đều phải tôi luyện nội tâm cho thanh sáng nhẹ nhàng để cùng dần bước tiến lên. Đừng nghĩ rằng Tổ quả trách chúng ta là đàn hậu bối không chịu lo tu mà đó là niềm thông thiết phát xuất từ tâm lượng từ bi của bậc Thầy khả kính, gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh những vị xuất gia còn đang mãi mê trong vòng danh lợi, không chịu dứt khoát hăng hái lên đường đi tới đích tối thượng.

豈	可	一	生	空	過,
<i>Khởi</i>	<i>khả</i>	<i>nhất</i>	<i>sanh</i>	<i>không</i>	<i>quá,</i>
抑	亦	來	業	無	禪.
<i>ức</i>	<i>diệc</i>	<i>lai</i>	<i>nghiệp</i>	<i>vô</i>	<i>tỳ.</i>

Đáng tiếc không những chỉ luống phí đời này mà đời sau cũng không được ích gì nữa cả!

Như người nông phu có sửa soạn đất đai cày bừa, cấy lúa, gieo hạt, nhổ cỏ, bón phân, tưới nước... trong năm nay thì sang năm mới có hoa màu thu hoạch chất chứa đầy kho đầy lẫm. Không gia công làm việc sẽ rơi vào một trong những tình trạng sau đây:

- Không có kết quả mong muốn trong mùa thu hoạch.
- Thiếu thốn đủ điều.
- Phải đi vay nợ người.

Người nào không chịu làm việc mà vẫn muốn quyền hưởng thụ như mọi người, chắc chắn sẽ không tránh khỏi những tai hại này:

- Dùng mưu mẹo, thế lực áp đảo tước đoạt.
- Sống trên xương máu kẻ khác.
- Phải trả hậu quả xứng đáng không lường được.

Người xuất gia, có chí xuất trần phải ý thức vai trò và vị thế của mình trong xã hội, làm tấm gương sáng cho mọi người noi theo, hướng dẫn quần chúng nói chung và tín đồ theo con đường hướng thiện để làm thăng hoa cho cuộc sống. Vì cuộc đời đã có quá nhiều cạm bẫy lọc lừa và nhiều mưu mẹo xảo trá, nên người thế chỉ còn một điểm tựa tinh thần là tôn giáo. Nếu hàng tăng sĩ không làm được chiếc phao nổi cứu vớt hàng vạn sanh linh đang trầm luân (đắm chìm) trong bể khổ, thì cũng đừng gây lỗi lầm, xấu ác để làm người tín đồ mất niềm tin nơi đạo giáo.

Một con sâu có thể làm hỏng cả nồi canh thì một tăng sĩ bất xứng: thiếu đạo đức, kém tu hành; dĩ nhiên hành động thô tháo, không ý thức tới giải thoát giác ngộ mà nghĩ tới cá nhân, danh lợi, sắc dục nhiều hơn, thì rất nguy cơ cho tiền đồ của Phật giáo.

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư thứ mười, đức Phật dạy người làm đạo trong đời ác sau khi Phật diệt độ phải dũng mãnh thừa hành ba pháp: vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, và ngồi tòa Như Lai rồi mới nói pháp cho đại chúng.

1) Nhà Như Lai là tâm từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sanh, không phân thân sơ, sang hèn, quý tiện mà hết thấy đều bình đẳng.

2) Y (áo) Như Lai là lòng nhu hòa nhẫn nhục, tánh khiêm nhường, kính hạ người trên kẻ dưới và ngay cả với hết thấy mọi loài chúng sanh.

3) Tòa Như Lai là hết thấy các pháp không. Các pháp

không thì không còn dính mắc, bận buộc trong một pháp nào cả.

Người làm đạo phải an trụ tâm trong ba pháp ấy, rồi dùng tâm tinh tấn (không biếng trễ) mà vì đại chúng rộng diễn nói kinh pháp, làm lợi lạc mọi loài hữu tình, tức là theo đúng lời Phật dạy duy trì mạng mạch của Phật giáo, kiến lập xã hội nhân gian thành một cõi quốc độ hòa bình an lạc.

9. CẦU ĐẠO:

Người cầu đạo trước hết là phải từ bỏ cha mẹ, anh chị em và những mối liên hệ buộc ràng để xông xáo dần thân thẳng lướt vượt qua muôn trùng sóng hồ nghi, vạn lần thử thách.

“... Xuất trần trí tuệ cao thâm
 Chẳng duyên gì khiến lui tâm Bồ Đề.
 Nương pháp Phật quay về chơn tánh
 Lục độ cùng vạn hạnh pháp môn
 Thủy đều ứng dụng lưu thông
 Khiến cho vĩnh viễn thoát vòng trầm luân
 Khai đạo tràng hiển chân phá vọng
 Dẹp tan muôn trùng sóng hoài nghi...”

(Thích nữ Trí Hải dịch bài sám Qui Mạng của Thiên Sư Duy Sơn Nhiên)

辭	親	次	志	披	緇,
Từ	thân	quyết	chí	phi	truy,
意	欲	等	超	何	所?
ý	dục	đẳng	siêu	hà	sở?

Từ già song thân quyết chí khoác áo tu ⁽²⁸⁾, phải chăng ý muốn cầu làm Tổ, thành Phật?

Giã từ cha mẹ ra đi sống đời khắc khổ tu hành đạ̣m bạc trong chùa am thanh vắng không phải ai cũng làm được. Tại sao? Vì ở chùa nền sinh hoạt khác hẳn với ngoài đời nhiều điểm như:

- a) Ăn uống, ngủ nghỉ theo giờ khắc nhất định.
- b) Thức ăn thuần chay tịnh, không thịt, cá, tỏi, hành.
- c) Thiếu sự săn sóc dưới bàn tay trìu mến của mẹ hiền.
- d) Lúc ốm đau không ai lo cơm cháo, thuốc thang...

Bốn điểm vừa nêu, nếu một người thiếu ý chí và nghị lực sẽ thối tâm lúc ban đầu. Huống gì có cao vọng nghĩ tới thành Phật chứng quả hay làm Tổ chi cho xa vời vô ích! Có trường hợp không giữ vững lập trường bị người khác bàn ra tán vào, người xuất gia cứng dễ thối tâm Bồ Đề không tiếp tục được nữa công việc hành đạo. Đây là câu tiên quyết phải chọn lựa: một là tiến, hai là lùi. Nếu tiến, việc gì sẽ xảy ra cho nhà tu Phật? Còn lùi thì có phương hại ảnh hưởng gì tới nếp sống sau này?

Như trên đã nói, tu, là một cái nghề do chính mình tự lựa chọn, thì phải xông xáo như một chiến sĩ ngoài trận mạc thì sẽ:

- Chiến thắng được giặc thù mang vinh quang về cho mình và bao người khác.

- Được tuyên dương công đầu.
- Được thăng thưởng trọng hậu xứng đáng.

Trong trường hợp ngược lại, người chiến sĩ bị:

- Thương vong.
- Địch bắt làm tù binh.
- Cấp trên cách chức hay sa thải.

Đức Phật nói trong kinh 42 chương, chương thứ hai mươi bảy, người tu cũng giống như cây gỗ trôi theo dòng nước có năm trường hợp bị chướng ngại:

- 1) Cây bị mắc kẹt hai bên bờ.

- 2) Bị người vớt lấy.
- 3) Mọc rễ giữa dòng.
- 4) Bị dòng nước xoáy giữ lại.
- 5) Quỷ thần ngăn che.

Nếu không gặp năm chướng nạn ấy, cây gỗ quyết chắc trôi thẳng được vào đại dương. Năm chướng nạn là tài lợi, sắc đẹp, danh dự, ăn mặc và tà ma quấy nhiễu, nếu người tu tinh tấn hành đạo, đức Phật tin chắc rằng thế nào người ấy cũng đắc đạo.

曉	夕	思	忖,		
<i>Hiếu</i>	<i>tịch</i>	<i>tư</i>	<i>thôn</i>		
豈	可	遷	延	過	時.
<i>khởi</i>	<i>khả</i>	<i>thiên</i>	<i>diên</i>	<i>quá</i>	<i>thời</i>

Ngày đêm suy xét, đâu để lần lữa lãng phí thì giờ.

Phải suy xét cho kỹ lưỡng, ta là người tu phải làm gì để báo đền thâm ân Phật, Tổ? Không thể để ngày tháng chồng chất thêm lên, tuổi đời đã cao, mà đạo quả chưa tròn đầy viên mãn. Mạng sống trong hơi thở, lỡ hơi thở không còn tiếp tục tuần hoàn được nữa, thì đạo nghiệp lấy gì nương cậy?

Tích truyện Bửu Lâm trích dẫn, ngài Dương Huyền Chi, hỏi đức Đạt Ma Tổ Sư rằng: “Ở bên Tây Trúc (Ấn Độ) nói nhau xưng Tổ là nghĩa làm sao? Đức Đạt Ma trả lời: Người nào rõ được tâm tôn của Phật, chỗ hiểu và làm giống như Phật, thì gọi người đó là bậc Tổ Sư” (Qui Sơn Cảnh Sách, Thích Hành Trụ dịch, trang 85). Tinh tấn hành đạo, quán xét suy lường mọi thời, mọi lúc, người tu không để thì giờ rảnh trống vô ích. Hễ còn thì giờ rảnh rỗi là còn có cơ hội tạo nên điều lỗi quấy mà người đời thường nói: “nhàn cư vi bất thiện” thật là không sai.

Sau đây là một số những kinh nghiệm của người dịch công hiến chư độc giả xa gần:

- Việc gì đã nghĩ đúng, phải làm cho bằng được, không để trì hườn. Dù ý nghĩ chưa thể hiện ra bằng hành động không ai biết, chẳng kẻ thấy nghe, cũng phải xem là sự việc hiển nhiên. Vì:

Chúng ta có thể không cảm được, nhưng các bậc thiện thân luôn luôn hiện hữu hỗ trợ việc tu hành.

- Việc thiện dù nhỏ đến đâu cũng quyết làm cho xong.

Nếu làm được những việc như thế luôn luôn quý bạn cảm thấy an lạc thoải mái. Tâm không hối tiếc một việc đã rồi, thì cơ duyên nào đến cũng thuận tiện, hoàn hảo cả. Nếu có lỡ giận tức ai thì không nên để lâu trong tâm, phải tìm cách làm cho tình thế lắng dịu xuống, tạo cơ hội tốt cho hai bên bớt căng thẳng để nói chuyện phải trái, lợi hại của vấn đề. Nên ý thức rằng nhà tu hành xử sự có khác người thế tục đôi chút. Nếu ta cũng giận dữ, sân si như bao nhiêu người khác thì có còn bảo đảm được mái đầu và chiếc áo tu không?

Suy nghĩ tức là tu, tu là thực hành giáo pháp trong mọi hành vi tạo tác thì đâu còn thì giờ bỏ phí một cách vô ích nữa, phải không?

心	期	佛	法	棟	梁,	用	作
Tâm	kỳ	Phật	pháp	đóng	lương,	dụng	tác
後	來	龜	鏡.	常	以	如	此
hậu	lai	quy	cảnh.	Thường	dĩ	như	thử,
未	能	少	分	相	應		
vì	năng	thiểu	phần	tương	ưng.		

Phát tâm làm rường cột cho Phật pháp để làm mẫu mực hậu lai. Chí nguyện như thế mà chưa được chút nào tương xứng.

Ngôi nhà đứng vững được nhờ cột, kèo và cây đòn dông. Người xuất gia ở trong Phật pháp làm mỗi giềng truyền bá chánh pháp trụ lâu ở đời, tức là phải phát nguyện bảo vệ, duy trì và phát triển đạo giáo, hướng dẫn kẻ hậu lai, báo đền ơn chư Phật. Muốn toàn thành được hạnh nguyện lợi tha ấy, người tu lời nói phải đi đôi với thực hành, có nghĩa là nói và làm phải hợp nhau. Không nên nói một đằng mà trên thực tế việc làm khác nhau, tức là hiểu sai lời Phật dạy. Điều quan trọng là phải tìm hiểu Phật pháp cho thật thấu đáo để công cuộc hoằng pháp lợi sanh được thích hợp: nhờ đó chí nguyện tựu thành và công viên quả mãn. Hạnh và nguyện phải đi đôi nhau là điều hợp lý. Nếu sự hiểu biết chưa được tinh thuần thì cần phải đào sâu luyện kỹ hơn nữa, bỏ ra thì giờ nhiều hơn trong việc nghiên cứu tu tập, mới mang lại lợi lạc cho Phật pháp.

Không nên ỷ thị rằng ta là ông Thầy muốn nói sao cũng được, giảng giải thế nào người nghe phải chấp nhận như vậy. Điều này thật là bất công và vô lý. Nếu vị thầy giảng sai giáo pháp hướng dẫn tín đồ làm lạc không theo đúng lời Phật dạy trong kinh điển; trách nhiệm ấy thuộc về ai?

出	言	須	涉	於	典	章,
Xuất	ngôn	tu	thiếp	ư	điển	chương,
譚	說	乃	傍	於	稽	古.
đàm	thuyết	nãi	bằng	ư	kê	cổ.

Vì thế, lúc nói năng phải hợp với kinh điển, khi đàm luận phải sát với tôn chỉ bậc cổ đức.

Tục ngữ có câu: “Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”.
(một lời đã nói ra, bốn con ngựa đuổi theo không kịp).

Người xưa chẳng từng bảo chúng ta hãy uốn lưỡi bảy lần

trước khi nói đó sao? Người tu Phật muốn nói ra điều gì phải dựa vào kinh luận, diễn dịch đúng và hợp lý; không luận bàn ra ngoài tôn chỉ của thánh hiền. Cái tinh tế của người tu là phải biết thích ứng ở điểm:

*“Y kinh diễn nghĩa tam thế Phật oan,
Ly kinh nhứt tự tức đồng ma thuyết”.*

Có nghĩa là y cứ (nô lệ) vào kinh điển mà giảng giải thì oan cho ba đời chư Phật; còn như lìa kinh ra một chữ mà nói, tức giống như ma nói vậy. Chỗ tế nhị ở đây có nghĩa là biết quyền và biến trong ý nghĩa “tùy cơ ứng biến, ngộ lý từng quyền” mà trong kinh gọi là khế lý và khế cơ vậy. Phải biết tùy thuận chúng sanh hợp với sự hiểu biết theo từng trình độ. Chỗ vi diệu tuyệt vời của giáo lý là như thế. Người làm đạo nếu thiếu linh động sẽ rơi vào chỗ khốn đốn, không có lối thoát.

“Thị nhơn hoằng đạo; đạo bất hoằng nhơn”.

Đó là người phải truyền đạo, chứ đạo không truyền người được. Xem thế đủ biết đạo hạnh, tư cách truyền thừa giáo pháp của vị thầy quan trọng đến bậc nào!

形 儀 挺 特 意 氣 高 閑。
hình nghi đĩnh đặc, ý khí cao nhàn.

Phải giữ oai nghi cho chững chạc, ý chí cho thanh cao.

Vì thế, người xuất gia cần phải giữ gìn oai nghi trong từng ngôn ngữ, cử chỉ cho đứng đắn, đàng hoàng, và nuôi chí thanh cao, hướng thượng. Ngay từ lúc sơ cơ học đạo cùng thầy, những oai nghi tế hạnh này đã được nhắc nhở thực hành. Trong bộ luật Tỳ Ni, 24 thiên oai nghi, thầy tu nhỏ tuổi khi có dịp ra ngoài cùng thầy, phải giữ những điều này:

- Không được ghé qua nhà người.
- Không được dừng lại bên đường nói chuyện với người khác.

- Không nên liếc ngó hai bên.
- Phải cúi đầu đi theo sau thầy.

Khi đến nhà người tín đồ hay chùa khác, đệ tử phải lưu ý:

- Đứng sang một bên.
- Thầy bảo ngồi mới ngồi.
- Thầy lễ Phật, mình cũng lễ Phật.
- Không được gõ khánh (làm nhịp lúc lễ Phật giống như chùa nhà, vì cách thức mỗi chùa có khác. Và lại mình là khách không nên tự tiện như thế) lúc hành lễ.

Việc đi xa, leo núi, qua sông v.v... nhất nhất đều phải giữ tự cách của nhà tu cho chu đáo. Ở trong chúng nơi tự viện nhà (mình):

- Không nên tranh chỗ ngồi với người khác.
- Không được ngồi trên cao cười nói, réo gọi lớn tiếng.
- Phải biết khiêm cung, không khoe khoang tự đắc, kể công khó nhọc mình để mong tưởng thưởng.

Cho chí việc nhỏ nhiệm như rửa mặt, chải răng, ngâm nước, khắc nhổ cũng phải cho cẩn thận từng li từng tí. Khi vào phòng người, vào nhà cầu, trước phải gõ cửa ba lần. Khi tắm gội, đi cầu có người gọi bên ngoài cũng không nên với miệng đáp lại. Những việc khác như ăn uống, nghỉ ngơi, học hành, lễ tụng, làm việc v.v... thầy đều giữ cho ra cung cách nhà tu có tác phong đạo hạnh.

Câu hình nghi đỉnh đạc, ý khí cao nhàn trên gồm có hai phần: về thể chất (hình nghi) và tinh thần (ý khí) của người tăng sĩ.

- Về thể chất là những sinh hoạt thường nhật như việc ăn uống, ngủ nghỉ nơi tu viện, tuy tầm thường, nhưng thật là quan trọng. Nếu người không chịu khó để tâm học hỏi những việc vi tế ấy, khi ra làm việc sẽ không có được tác phong đứng đắn, chững chạc.

- Về tinh thần tức là ý chí người tu phải cho thật kiên cường dũng mãnh, nghiêm túc và thanh cao, để mới có thể tiến xa hơn trên đường đạo. Tâm luôn hướng thượng, noi gương sáng của Phật, của Tổ, lấy lợi sanh làm sự nghiệp, chọn giải thoát giác ngộ làm cứu cánh thì chắc chắn nhà tu Phật toàn thành được sứ mạng cao cả là: “tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự”.

Điều này ứng hợp với tâm nguyện người xuất gia:

Phát túc siêu phương
 Tâm, thân khác tục
 Nói dối giòng Phật
 Chiến thắng ma quân
 Đền đáp bốn ân
 Cứu giúp ba cõi...
 ...Đường đường tăng tướng
 Từ giã song thân
 Quyết chí xuất trần
 Rường cột pháp Phật
 Hậu lai dẫn dắt
 Luận đúng chánh pháp
 Hình vóc chững chạc
 Ý chí cao nhàn v.v...

Đó là chí hướng cao cả của kẻ thật tâm cầu đạo, người cương quyết từ bỏ nếp sống hệ lụy tầm thường để dần thân đạt đến vô thượng Bồ Đề.

* CHỌN BẠN

Ăn cơm phải có canh thì tu hành phải có bạn để nhắc nhở nhau trong việc tu tập. Cho nên khi chọn bạn phải thật cẩn thận để tìm được bạn tốt.

遠	行	要	假	良	朋,
Viễn	hành	yếu	giả	lượng	bằng,
數	數	清	於	耳	目.
số	số	thanh	ư	nhĩ	mục.

Đi xa nên chọn bạn hiền, để tai mắt luôn luôn được trong sạch.

Đi xa đây có nghĩa là trên con đường đạo xa thăm thẳm dài lâu, chưa mấy ai dám độc hành bao giờ. Bạn trong đạo gọi là pháp hữu hay huynh đệ, mặc dù không cùng cha mẹ sinh ra, nhưng họ cùng học một thầy, cùng tôn thờ một đức Phật là bậc giáo chủ, nên những ai mang dòng họ THÍCH đều sống chung trong đại gia đình Phật giáo, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau như anh em một nhà. Pháp lục hòa⁽²⁹⁾ là phương châm giúp người tu hòa hợp nhau như nước với sữa hòa hợp, không chống trái, tranh cãi nhau. Dù vậy, người bạn đạo thân tín làm trợ duyên cần thiết cho ta, là bậc thiện hữu tri thức, cần phải chọn lựa kỹ càng.

Câu “để tai mắt luôn luôn được thanh tịnh”, như người đời nói: “tai mắt hay con mắt là cửa sổ của tâm hồn” vậy. Tại sao thế? Vì con người ta có hai tai để nghe, hai mắt quan sát, suy lường những điều đúng sai, phải trái; lỗ tai và con mắt thật lợi hại vô cùng. Kẻ nào sống gần gũi với người hư, dễ tiêm nhiễm thói tật, nét xấu. Người tu thường thân cận học hỏi nơi bạn hiền, để được gương sáng của bằng hữu rọi sang, không phải giúp tai mắt ta luôn luôn trong sạch là gì? Tai không nghe những lời xấu xa, cộc cằn, những bản nhạc thiếu xây dựng, mắt không nhìn hình ảnh kêu gọi lãng lợ, những sách hình không đúng đắn, là giữ tâm tư được thanh tịnh. Những người bạn xấu không bao giờ giúp ta được trong lãnh vực học hỏi mà trái lại “gần mực thì đen”, tức làm cho tâm ta lâu ngày cũng trở thành nhiễm thói xấu ác, tệ hại, đen tối.

住	止	必	須	擇	伴,
Trụ	chỉ	tất	tu	trạch	bạn,
時	時	聞	於	未	聞.
thời	thời	văn	ư	vị	văn.

Ở đâu cũng phải chọn bạn để luôn luôn được nghe những điều chưa nghe.

Điều lợi trước mắt cho ta thấy rõ, những người bạn tốt luôn luôn có sáng kiến mới. Bất cứ đâu và trong mọi hoàn cảnh, nếu gần gũi bạn lành, sẽ giúp ta nhiều điều mới lạ để mở mang kiến thức. Bạn còn giúp đỡ ta tiến xa hơn trong việc tìm hiểu học hỏi, nên ta luôn luôn nghe được điều chưa nghe. Có những vấn đề nào ta hiểu chưa thấu đáo, bạn sẵn sàng lý giải giúp ta lãnh hội được trọn vẹn ý nghĩa để cùng nhau tu tiến.

故	云	生	我	者	父	母,
Có	vân	sinh	ngã	giả	phụ	mẫu,
	成	我	者	朋	友.	
	thành	ngã	giả	bằng	hữu.	

Cho nên có câu: bậc sanh ta là cha mẹ, kẻ giúp ta thành đức là bè bạn vậy.

Cha mẹ mà ta mang ân đức nặng (sâu như biển) đã cho ta được hình hài thể xác. Nhờ thân xác này ta mới học đạo tu hành. Tuy nhiên, bằng hữu giúp ta đắc lực hơn trong việc khai mở kiến thức. Nhiều lúc bằng hữu còn cần thiết quan trọng hơn cả thầy, vì bạn thường gần gũi ta hơn thầy. Bạn học cùng trang lứa dễ thông cảm, dễ hỏi han những khúc mắc; bao nhiêu tâm tình u ẩn nơi ta vì thế được thổ lộ cho bạn hơn là cho cha mẹ hay thầy học. Về phần khai mở kiến thức cho ta phải kể là thầy, nhưng ân đức bạn cũng dự phần không nhỏ trong việc giúp ta học hỏi nhiều điều

thực tiễn hữu ích. Vì thế, ân đức thầy là một trọng ân, thì ân đức bạn bè cũng nặng sâu không kém đối với người Phật tử hiểu biết chân chính.

Người xuất gia dững mãi đi trọn trên đường đạo là phụng sự đạo một cách hữu hiệu và đền trả ân huân dục của thầy, bạn một cách xứng đáng vậy.

親	附	善	友	者,	如	霧	露
Thân	phụ	thiện	hữu	giả,	như	vụ	lộ
	中	行,	雖	不	濕	衣,	
	trung	hành,	tuy	bất	thấp	y,	
		時	時	有	潤.		
		thời	thời	hữu	nhuận.		

Thân cận bạn lành như đi trong sương mù, tuy không ướt áo, nhưng lúc nào cũng được thấm nhuần.

Ví dụ nêu trên hết sức thực tế, dễ hiểu bằng hình ảnh sương móc buổi sáng không nhiều, chỉ rơi sương sương nhẹ nhẹ, nhưng người bộ hành đi lâu trong sương sẽ có cảm tưởng áo mình bị ướt. Thật tế, áo dính sương làm gì đến nỗi phải ướt, thế mà dần dà chiếc áo cũng dẹt đi, mềm nhũn ra, tức là thấm chất sương nhiều vậy. Đó là nghĩa đen, còn nghĩa bóng thì đề cao lợi ích của tình bằng hữu. Rõ ràng người bạn quý như cục nam châm có sức thu hút lạ kỳ, tuy ta không thấy, như người đi trong sương, không cảm nghe ướt áo, nhưng sự lợi lạc, điều hữu ích len lỏi vào tâm tủy ta từ bạn hiền lúc nào cũng chẳng hay. Theo tôi, bốn câu trên đây là một bài học cao quý, nên xin dịch ra thể văn vần như sau:

Nương gần bạn bè thuận

Như trong sương sánh bước

Tuy áo quần chẳng ước
Mà vẫn được thấm nhuần.

Trong kinh Bốn Hạnh, Phật dạy rằng: Ví như có người tay cầm trầm thủy hương, xạ hương hay hoát hương... Cầm nắm trong giây lát các vị hương thơm kia tự thấm trong tay, nung gần bạn lành cũng giống như thế. Người nào thân cận bậc thiện tri thức, thuận theo tánh tốt của bạn mà tu hành, thì hiện đời tuy không liền được sự lợi ích, nhưng đời sau cũng được các nhân hết khổ. Ngoài ra, hễ người nào gặp được thầy lành thì khỏi được các khổ; còn ai gặp nhằm thầy ác hẳn bị huân tập việc ác, không khỏi các họa tai.

Thân cận thầy sáng, bạn hiền ảnh hưởng vô cùng lớn lao như thế, người trí không thể không cẩn thận trong việc chọn minh sư, thiện hữu.

狎	習	惡	者,	長	惡	知	見,
Áp	tập	ác	giả,	trưởng	ác	tri	kiến,
曉	夕	造	惡,	即	目	交	報,
hiểu	tịch	tạo	ác,	tức	mục	giao	báo,
		歿	後	沉	淪.		
		một	hậu	trầm	luân.		

Thân cận người ác là nuôi lớn tri kiến⁽³⁰⁾ ác, sớm chiều, làm việc ác liền bị quả báo trước mắt, sau khi chết bị đọa lạc⁽³¹⁾.

Thiện và ác là hai thái cực đối nghịch nhau, như ánh sáng và bóng tối. Khi ánh sáng soi rọi tới đâu bóng tối phải lui tan. Điều thiện, việc ác cũng như thế. Ta thử quán sát giọt nước nhỏ cứ chảy rỉ rả từ trên thác cao đổ xuống tảng đá lớn, lâu ngày đá cũng bị xói mòn dần. Người tập nhiễm thói xấu lâu ngày, cái tri kiến ác là chỗ hiểu biết

trở nên tệ hại, cứ gàn gũi người ác, không sớm thì muộn ta cũng bị ảnh hưởng xấu ác theo. Hễ đã tạo nhân xấu ác, là phải trả quả tương xứng theo liền, như vang theo tiếng, bóng theo hình, hiện ra ngay trước mắt. Đây nói về phần nhân quả hiện tiền. Riêng về lý nhân quả thì sâu rộng hơn nhiều. Sau khi chết bị đọa lạc hay chìm đắm trong luân hồi là một trong những khía cạnh chiều sâu của đạo lý nhân quả. Đức Phật dạy rằng: “Người nào thân cận kẻ ác tri thức hiện đời chẳng được danh tiếng tốt; nếu cứ lân la với bạn ác đời sau cũng đọa trong địa ngục A Tỳ”.

一 失 人 身， 萬 劫 不 復。
nhứt thất nhơn thân, vạn kiếp bất phục.

Một khi mất thân người này rồi thì muôn kiếp khó được lại.

Tại sao ta đang có được thân người mà lại mất thân người? Trong vòng luân hồi quanh quẩn của sáu nẻo mà chúng sanh trôi lăn chìm ngụp trong đó có con người. Trong kiếp sống hiện tại ta được thân người nên biết là nhờ kiếp trước có tu tập thiện pháp. Khi đã được thân người rồi lại để mất đi, thì biết rằng trong kiếp hiện tại ta đã tạo nhiều ác nghiệp chông chát, nên trải qua muôn kiếp về sau chưa chắc đã được trở lại thân người nữa! Do cái nhơn ác nhiều, nên quả ác khó hết. Vì vậy, cái xác suất được lại thân người cũng thật là mong manh, thật ít ỏi, như lá trong rừng và lá ta nắm trong lòng bàn tay vậy.

Nhân quả chuyển hành trong ba thời kỳ: hiện báo, sinh báo và hậu báo.

- Hiện báo: Là làm ác gặp ác ngay tức thì, như đánh người bị người đánh lại liền trước mắt.

- Sinh báo: Do hành vi tạo tác hiện tại chưa có kết quả ngay mà phải chờ đợi thời gian năm mươi năm, ba mươi năm hay trọn một đời người, hậu quả mới hiện đến.

- Hậu báo: Là đời này làm lành, làm ác, đời sau chưa trả

báo, qua đời sau nữa, thậm chí đến trăm kiếp, nghìn đời mới chịu quả báo.

Đạo lý nhân quả rõ ràng như ban ngày như vậy, người nào không tin sẽ không tránh khỏi gây tạo những nghiệp nhân xấu ác. Tâm hiểu biết của con người có giới hạn, không hiểu rõ vấn đề sâu rộng khi đối đầu với những hậu quả xấu ác người ta mới sáng mắt, thì việc đã quá muộn!

忠 言 逆 耳,
Trung ngôn nghịch nhĩ,
 豈 不 銘 心 者 哉!
khởi bất minh tâm giả tai!

Lời ngay tuy trái tai, đâu thể không ghi lòng ư?

Tục ngữ có câu: “Lời thực mịch lòng” vô tình trợ duyên xấu, làm trưởng dưỡng nghiệp nhân bất thiện, tức vô tình khuyến khích - nếu không muốn nói che dấu – tội lỗi cho người.

Tại sao người ta không muốn nói lên sự thật? Có những lý do khiến một số người không nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, vì:

- Hèn nhát.
- Sợ tai tiếng, vạ lây (thù hiềm).
- Vị nể kẻ có thế lực.

Dù biết thế, nhưng trên thực tế của đời sống, có nhiều trường hợp người ta không đủ can đảm nói lên sự thật, đúng như câu tục ngữ đã nói. Chính vì lời thành thật mới nghe qua trái tai, mà lời trái tai mới thực là lời ngay. Như câu nói của người xưa: “Thuốc đắng dã tật”, tức thuốc khó nuốt vô cớ họng, nhưng lại là phương thuốc hay trị lành cơn bệnh hiểm nghèo.

便	能	澡	心	育	德,		
Tiên	năng	tháo	tâm	duc	đức,		
晦	迹	韜	名	蘊	素	精	神,
hối	tích	thao	danh,	uẩn	tố	tinh	thần,
		喧	囂	止	絕.		
		huyên	hiêu	chỉ	tuyệt.		

Nên dưỡng tâm nuôi đức cho được thanh cao, dấu tích ẩn danh ⁽³²⁾ giữ vững tinh thần trong sạch, dứt hẳn (tránh) những sự huyên não ồn ào.

Ngoại cảnh làm trợ duyên tốt và xấu cho ta trên đường tu học nên việc ẩn tích mai danh cần thiết để khỏi duyên với cảnh trần: sắc, âm thanh, mùi vị, tiếp xúc và các pháp. Nên tránh nơi ồn ào phức tạp, xa những chỗ đô hội để lỡ tai và con mắt không tiếp xúc cảnh vọng thì tâm mới thanh tịnh. Tâm được thanh tịnh thì sự mê lầm không còn, chứa đôn đức hạnh, đạo quả nhờ đó thành tựu.

Tinh thần minh mẫn, sáu căn thanh tịnh, xa hẳn nơi ồn ào thì vọng tâm lắng trong. Tâm cũng giống như nước. Nước đục là tượng trưng cho phiền não dấy động. Vì thế, người nào muốn có đời sống nội tâm phong phú thanh tịnh thường tìm nơi núi sâu rừng thẳm, tức gần thiên nhiên để quán chiếu con người mình thật quá bé bỏng trước vũ trụ bao la, là rèn luyện, nuôi lớn tâm Phật của mình thanh tịnh, trở lại bản tánh chơn như sáng suốt.

Tổ Qui Sơn nói: “Một niệm tỏ ngộ lý tự tâm, nhưng còn tập khí nhiều đời nhiều kiếp chưa dứt sạch, thì cần phải làm cho nó sạch. Hết những thứ nghiệp dong ruổi theo đời này, tức là tu đó, chớ không phải có phép chi khác để dạy các ông tu hành tới chỗ nào nữa. Nghĩa là từ nghe rồi kinh nghiệm ngộ được chân lý. Ngộ chân lý cao siêu mâu nhiệm tâm tự nhiên tròn sáng, không còn những chỗ làm

lạc, thế là chứng quả. Nói tóm lại, cái chỗ lý thật tế không dính mắc một mảy trần; tuy không dính mắc một mảy trần, nhưng trong muôn hạnh pháp tu, không bỏ một pháp nào cả. Nếu ai là người thượng căn thượng trí một đao chặt đứt vọng tâm, thẳng vào địa vị chư Phật, thì dứt hẳn cái tâm phàm thánh, thế bày tánh chơn thường. Sự và lý không hai, tức là Phật Như Lai vậy”.

Người tu lo trau dồi đức, trí tuệ Bát Nhã cho tinh thần trong sạch, bên ngoài dứt hẳn cảnh sắc thanh cho sáu căn không nhiễm, là nhờ tín tâm nhận lãnh lời ngay thẳng, nên thành tựu đạo quả vậy.

* TU PHÁP THAM THIÊN ĐÓN NGỘ

Muốn tiến xa hơn, người tu phải học pháp tham thiên nhập định. Có nhiều trình độ trong việc tu tập thiền quán khai mở chơn tâm. Đó là pháp tu đón ngộ hay trực chỉ để đạt kiến tánh, thành Phật và cũng là chủ trương Thiền của Bồ Đề Đạt Ma Tổ Sư:

Bất lập văn tự,
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ chân tâm
Kiến tánh thành Phật.

若	欲	參	禪	學	道,
<i>Nhược</i>	<i>dục</i>	<i>tham</i>	<i>thiền</i>	<i>học</i>	<i>đạo,</i>
頓	超	方	便	之	門,
<i>đón</i>	<i>siêu</i>	<i>phương</i>	<i>tiện</i>	<i>chi</i>	<i>môn,</i>

Nếu muốn tham thiền học đạo, vượt qua các pháp môn phương tiện ⁽³³⁾

Các pháp môn tu có nhiều vô lượng, mục đích để đối trị phiền não của chúng sanh, cũng như tùy căn bệnh cho thuốc, Phật nói ra tám vạn bốn nghìn pháp môn tu. Thiền, Tịnh Độ, Mật Tông, Duy Thức, Pháp Tướng, Hoa Nghiêm

Tông vv... đều là các pháp môn phương tiện để vào (cửa) đạo. Khi đã kiến tánh ngộ đạo rồi không chấp giữ pháp tu làm cứu cánh; cũng như lập chùa viện, tạo lập đạo tràng truyền bá chánh pháp thì không để tâm bám víu vào đó, khi ngôi chùa hoàn tất. Nếu người cố khư khư ôm giữ vào các phương tiện truyền đạt giáo lý, là còn nhiều ràng buộc, hệ lụy, tâm chưa thật sự nhẹ nhàng giải thoát, thì không thể nào vượt qua được cái cửa ban đầu.

心 契 玄 津, 研 幾 精 要,
 tâm khế huyền tân, nghiên kỹ tinh yếu,
 決 擇 深 奧, 啓 悟 真 源,
 quyết Trạch thâm áo, khai ngộ chân nguyên,

Để tâm ngộ được đạo mâu thì phải nghiên ngẫm chỗ tinh yếu, cố tìm cho rõ nghĩa thâm huyền mới hiểu thấu được nguồn gốc của đạo.

Cái tâm chọn lựa pháp tu thật là quan trọng vô cùng. Nếu áp dụng pháp môn tu thích hợp (khế lý) thì hành giả phần khởi ung dung tự tại (khế cơ) trong việc suy tầm chỗ rốt ráo của đạo, tức là kiến tánh thành Phật hay trực ngộ chân tâm, hay bản lai diện mục của mình.

Tuy nhiên từ bước đầu tu tập cho tới khi đạt ngộ đạo là cả một cuộc hành trình dài dằng dẳng, thiên nan vạn nan. Tại sao như thế? Vì chúng ta đang sống trong cuộc đời tương đối, vật chất thịnh hành sung mãn rất dễ bị lôi cuốn, hấp dẫn sáu căn, nên ta phải quyết tâm phấn đấu khắc phục mọi chướng duyên nghịch cảnh. Nếu không phải kẻ phi thường, bậc đại nhân thì cũng khó mà vượt qua được những chạm bẩy của đời sống đang giăng bủa khắp cùng.

Nhà tu Phật giáo thật quả là viên chiến sĩ can trường của đức Phật, dám xông pha trong lửa tên mũi đạn, không

sợ hiểm nguy gian khổ trước bao nhiêu biến chuyển không ngừng của tham lam, sân giận và si mê, để anh dũng tiến bước trên con đường giác ngộ. Những ai lùi bước không tiến xa hơn được nữa, là kẻ bại trận, người có quá nhiều vấn đề làm người khác lưu tâm lo nghĩ. Lời văn cảnh tỉnh này dành cho những ai lui sụt hảo tâm xuất gia ban đầu, lấy đây làm bài học căn bản xây dựng đời sống nội tâm.

博	問	先	知,	親	近	善	友。
bác	vấn	tiên	tri,	thân	cận	thiện	hữu.
此	宗	難	得	其	妙,		
Thử	tông	nan	đắc	kỳ	diệu,		
切	須	仔	細	用	心,		
thiết	tu	tử	tế	dụng	tâm,		

Phải tham khảo người học rộng thân cận bạn lành, bởi yếu chỉ thiên này nhiệm màu khó chứng đắc, nên phải dụng tâm cẩn thận.

Tiên tri là người học rộng hiểu nhiều, có thể luận biết trước được những việc tương lai như thế nào. Thân cận bạn lành thì như trước đã nói, người tu muốn tiến xa trên đường đạo, phải nương tựa không những minh sư, như kẻ tiên tri, mà ngay cả thiện hữu, để tri kiến thêm quảng bác, trí huệ được sáng suốt, nhờ đó hiểu rõ chỗ thâm áo (cùng tột) của thiên được dễ dàng thông suốt. Nếu thiếu người hướng dẫn đúng đường thì “sai một li, đi một dặm”, nên cẩn dụng tâm cho thật cẩn thận vậy.

可	中	頓	悟	正	因,
khả	trung	đốn	ngộ	chánh	nhân,
便	是	出	塵	階	漸。
tiện	thị	xuất	trần	giai	tiệm.

Nếu liễu ngộ được nguyên nhân chính của đạo thì tới được bực thêm để dần dần thoát ra cõi tục.

Người đang ở cõi trần mà muốn ra khỏi cõi trần, là kẻ không phải tâm thường, dù thân, còn nương gá cõi đời tạm bợ, nhưng tâm luôn hướng thượng, là dần dần lìa xa thế gian, nhập cõi giác.

此 則 破 三 界 二 十 五 有,
Thị tắc phá tam giới nhị thập ngũ hữu,

Thế là phá vỡ được sự lầm mê trong ba cõi, và hai mươi lăm cõi hữu lậu ⁽³⁴⁾

Nhớ tham thiên nhập định phá vỡ vô minh tà kiến, nhận chân ba cõi: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, mọi vật ở thế gian đều không chân thật, hư giả không có chủ tử, là không còn quanh quẩn trong vòng luân hồi sanh tử nữa. Hai mươi lăm cõi có chúng sanh nương ở trong tam giới như sau:

CÔI DỤC:

1. Đông Thắng Thần Châu
2. Nam Thiệm Bộ Châu
3. Tây Ngưu Hóa Châu
4. Bắc Cu Lô Châu
5. Địa Ngục
6. Ngạ Quỷ
7. Súc Sanh
8. A Tu La
9. Trời Tứ Thiên Vương
10. Trời Đao Lợi
11. Trời Dạ Ma
12. Trời Đâu Suất Đà
13. Trời Hóa Lạc
14. Trời Tha Hóa Tự Tại

CÔI SẮC:

1. Cõi Sơ Thiên
2. Cõi Nhị Thiên
3. Cõi Tam Thiên
4. Cõi Tứ Thiên
5. Trời Phạm Vương
6. Trời Vô Tướng
7. Trời Ngũ Tịnh Cư

CÔI VÔ SẮC:

1. Trời Không Vô Biên Xứ
2. Trời Thức Vô Biên Xứ
3. Trời Vô Sở Hữu Xứ
4. Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ

Tại sao cõi Phạm Vương, Vô Tướng Thiên và Ngũ Tịnh Cư Thiên đều ở cõi Tứ Thiên lại tách riêng để làm gì? Vì phái ngoại đạo chấp Trời Phạm Vương (thiên) là chủ tể muôn loài vạn vật. Họ cũng chấp cõi Vô Tướng là không tâm tướng gì hết, vọng cho đó là Niết Bàn và chấp cõi Tịnh Cư Thiên là mục đích giải thoát của họ. Để phá trừ tâm tà chấp của ngoại đạo nên Kinh Luận nêu rõ cho hành giả dễ nhận chân chỗ cứu cánh giải thoát vậy.

內	外	諸	法,	盡	知	不	實,
<i>nội</i>	<i>ngoại</i>	<i>chư</i>	<i>pháp,</i>	<i>tận</i>	<i>tri</i>	<i>bất</i>	<i>thực,</i>
從	心	變	起	悉	是	假	名,
<i>tùng</i>	<i>tâm</i>	<i>biến</i>	<i>khởi,</i>	<i>tất</i>	<i>thị</i>	<i>giả</i>	<i>danh,</i>

Hiểu được các pháp trong tâm và ngoại cảnh không phải thật mà là giả danh do tâm biến hiện ra.

Cõi sơn hà, đại địa thế giới, chúng sanh có ra đều do tâm con người tạo. Ngay như cái thân tứ đại chúng ta đang

có đây cũng do bốn yếu tố: đất, nước, gió, lửa hợp thành cùng tinh cha huyết mẹ và thức, tức là thân xác gồm có hai phần: tâm pháp và sắc pháp, đều mượn các duyên giả hợp nương gá tồn tại. Khi chúng duyên tan rã, thân xác cũng không còn, nên biết vạn pháp đều là giả danh (tạm mượn gọi) không thật, đều do tâm biến hiện, không thể chấp cho chúng bền lâu mà phải hiểu là vô thường giả tạm, chóng hoại diệt.

Do chúng sanh lầm chấp cho thân tứ đại giả hợp này là thật, rồi duyên theo sáu trần cảnh làm tâm tướng của mình. Như ta biết, bốn đại là đất, nước, gió, lửa đều giả hợp, thì thân này không phải là thân ta; vật nọ không phải là vật sở hữu của ta, nên biết tất cả đều là không. Người phàm bị vô minh che lấp không biết pháp thân thanh tịnh của mình, chấp thân tứ đại giả hợp cho là thân tướng thật của mình. Vì lầm lẫn giữa chân và giả như thế, nên trong Kinh nói: “Chúng sanh nhận giấc làm con” là thế. Người tu hành cần phải nhận thức phân biệt rõ để không bị giấc làm hại.

Luận Tỳ Bà Sa nói: Tất cả các pháp có tên này tên khác do tâm phân biệt. Nếu không có tâm phân biệt thì tất cả tên này tên khác cũng không. Vậy thì đủ biết rằng những tên (tướng trạng) gọi thế gian và xuất thế gian đều do từ một cái tâm ta khởi tạo”, nên có câu: nhứt thiết duy tâm tạo, cùng đồng nghĩa này vậy.

不 用 將 心 湊 泊 但
 bát dụng tương tâm thâu bạc, đản
 情 不 附 物, 物 豈 礙 人
 tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhơn.

Chẳng cần tâm so lường suy tính, hễ tâm ta không nhiễm muôn vật, thì muôn vật đâu có thể ngăn ngại được người.

Bản thể của muôn sự muôn vật vốn rỗng lặng nhiệm màu, nên ta suy tính là sai lầm. Tâm cảnh vốn không, nếu ta khởi lên một niệm là lầm lạc, bằng quên hết vọng tình, phá tan tà chấp, thì cảnh trần tự vắng lặng, chỗ chí lý hiển bày trước mặt, còn vật nào nữa ngăn ngại được người!

任 他 法 性 周 流,
 Nhậm tha pháp tánh chu lưu,
 莫 斷 莫 續,
 mạc đoạn mạc tục,

Mặc dù pháp tánh⁽³⁵⁾ cùng khắp, chớ chấp đoạn, chớ chấp thường⁽³⁶⁾

Pháp tánh bao trùm hết muôn loài vạn vật, không một vật nào lọt ra ngoài cả (châu biên cùng khắp). Dù vậy ta không nên có biên kiến (chấp một bên) CÓ hoặc KHÔNG hay chấp đoạn và chấp thường, như cho rằng con người sau khi chết mất hẳn (chấp đoạn) hoặc vẫn trở lại làm người (chấp thường). Cả hai lối kiến chấp hẹp hòi ấy không giải quyết được vấn đề sanh tử trọng đại trong kiếp nhân sinh. Pháp tánh đây chỉ chung cho loài vô tình khi tâm không khởi vọng, trong loài hữu tình gọi là Phật tánh toàn chơn. Pháp tánh vốn NHƯ NHƯ, thể nó thường hằng thanh tịnh, như hư không bao trùm khắp tất cả hằng sa thế giới, không chấp, không bỏ. Chấp không hoặc có thì bị kẹt hai bên không với có; người học đạo không chấp có, cũng không bỏ không, tức là đứng ở lý trung đạo để tỏ ngộ chân lý. Khi đã chứng ngộ được chân tánh của các pháp thì được tự tại trong pháp giới, mặc dù muôn pháp chu lưu cùng khắp, tâm người vẫn vô ngại. Do lý này, ngài Thanh Lương Quốc Sư nói: “Lý đạo gốc do tâm, còn tâm thì gốc nơi vô trụ. Cái tâm vô trụ sáng suốt không mê muội, thu nhiếp trong ngoài, sâu quá sâu, rộng quá rộng, chẳng phải có, chẳng phải không; không sanh, không

diệt, không sau, không trước. Tìm thì không có mà bỏ đi nó cũng không mất. Mê chân thể hiện tượng, thì hoặc nghiệp khổ não đầy động. Ngộ được chân tánh thì thấu suốt rỗng sáng tròn đầy”.

Một niệm không sanh thì đời trước đời sau dứt hẳn. Thể tánh sáng suốt hiển bày, vật với ta đồng một thể Như Như, thẳng đến nguồn tâm; không chấp chân, cũng không bỏ vọng, không nhiễm, không tịnh.

Mê và ngộ nương nhau, chân và vọng đối đãi nhau. Nếu ta tìm chân bỏ vọng chẳng khác nào bỏ bóng theo hình. Theo vọng tìm chân như người cầm đèn vào nhà ban đêm, bóng tối phải tiêu tan, phải diệt. Tâm thể rỗng lặng thì cảnh vọng mất. Ánh sáng giác ngộ tỏa chiếu rộng khắp, dù đến, đi, qua, lại vẫn lặng soi vàng vạc thấu nguồn mạch các pháp. Dù nói hay nín đều không mất lý nhiệm mầu, khi động, lúc tịnh không lìa tánh pháp giới.

Người đạt ngộ tâm luôn vắng lặng, nên biết mà không chấp là biết, vì một cái tâm ngộ (biết) và vắng lặng không hai, không khác, nên hợp với lý trung đạo (không và có đều mất).

聞	聲	見	色	蓋	是	尋	常,
văn	thanh	kiến	sắc,	cái	thị	tâm	thường,
遮	邊	那	邊	應	用	不	缺.
giá	biên	na	biên,	ứng	dụng	bất	khuyết.

Nghe danh thấy sắc tâm vẫn dừng dừng, thì phân thể, phân dụng, phân sự, phân lý đều hợp đạo cả.

Mọi việc tai nghe, mắt thấy diễn ra hằng ngày đều hiển nhiên của đời sống như vậy. Không lấy đó làm mối bận tâm, tức là nội tâm không bị ngoại cảnh chi phối. Đó là thái độ dừng dừng trước sự vật của ta hay nói khác, ta xem mọi việc trước mắt đều tầm thường cả.

Tổ Qui Sơn nói: “Trong mọi thời (lúc) mắt thấy, tai nghe cũng chỉ là việc tầm thường vẫn không phân biệt chịu uôn theo nó, cũng chẳng cần nhắm mắt bịt tai, miễn tâm mình không nhiễm muôn vật là được Từ trước đến nay các bậc Thánh chỉ nói cái hại lầm của sự đắm nhiễm. Nếu tâm mình không có những việc vọng tình nghĩ bậy, riêng chấp tư tưởng và tập quán (thót quen), thì ví như nước mùa thu lóng đưng, trong sáng im lìm, lặng lẽ không bọt nhờn, mới gọi là người hành Đạo hay cũng gọi là người vô sự vậy”.

Người mà tâm tỏ ngộ được như thế thì sáu căn tiếp xúc với sáu trần đều viên dung vô ngại nên sự và lý, thể và dụng thông suốt. Toàn thân ứng hợp muôn vật, nên việc qua lại, tới lui, dọc ngang đều tự tại; mắt thấy sắc, tai nghe tiếng toàn chân, gặp duyên đều thọ dụng không còn ngăn ngại; tức là dứt hết thị phi, không chấp thánh phàm; còn cái gì nữa gọi là “đắc” hay “thất”, “thân” hoặc “sơ”. Tất cả đều lặng trang thanh khiết, vàng vạc như vàng trắng tỏa chiếu. Như thế là giác tánh, chân như đối với người ngộ được chánh pháp thì dọc ngang ung dung tự tại, không một pháp nào không phải “pháp”.

如	斯	行	止,		
<i>Như</i>	<i>tư</i>	<i>hành</i>	<i>chỉ,</i>		
實	不	枉	披	法	服。
<i>thật</i>	<i>bất</i>	<i>uổng</i>	<i>phi</i>	<i>pháp</i>	<i>phục.</i>

Nhà tu mặc pháp phục mà làm được như thế mới khỏi uổng phí.

Người tướng đầu tròn, áo vuông, thân mặc y pháp của Phật mà tâm không hành đạo là không xứng đáng làm đệ tử bậc “thiên nhân chi đạo sư”. Để khỏi phụ công ơn Thầy Tổ và đức Giáo Chủ khai sáng đạo mâu, cần phải dững mãnh tinh tấn tu học để toàn thành sứ mạng thiêng liêng cao cả, theo dấu chân Phật.

亦 乃 酬 報 四 恩,
Diệc nãi thù báo tứ ân,
 拔 濟 三 有,
bạt tế tam hữu,

Cũng để đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi.

Như Đức Phật Thích Ca khi chứng ngộ, không những tự giải thoát bản thân khỏi vòng luân hồi mà còn cứu độ cho những người thân trong hoàng tộc, báo hiếu phụ vương, đền ơn tổ quốc, giúp nhiều người tránh nghiệp sát, truyền bá chánh pháp khắp nơi, ấy không phải nhờ bạt cái khổ của ba cõi là gì? Một kho tàng giáo điển, giáo đoàn và hình ảnh của đức Phật còn lưu lại là ba ngôi Tam Bảo: Phật - Pháp - Tăng. Như thế Phật đền đáp bốn ân trọn vẹn. Cứu độ chúng sanh ba cõi đã viên mãn.

Người học đạo xuất thế sau này cũng phải lo toan sao cho xứng đáng kẻ “xuất trần thượng sĩ”, mới khỏi cô phụ bốn ơn sâu, và chúng sanh trong ba cõi được nhờ ơn tế độ.

“Nhứt nhưn hành đạo cứu huyền thăng” là một người hành đạo chân chánh thì cứu độ được cả chín đời cha mẹ trong tông môn siêu thăng tịnh cảnh.

“Nhứt nhưn tác phước thiên nhưn hưởng

Độc thọ hoa khai vạn thọ hương”.

nghĩa là: Một người làm phước cả nghìn người đồng chung hưởng; một cây trở hoa thì bao nhiêu cây khác chung quanh đều thơm lây. Đó là việc hiển nhiên ta không thể phủ nhận cái giá trị đích thực của sự việc, khi cái quả đã thành tựu viên mãn.

Cũng như nhà tu mặc pháp phục, tức bộ áo cà sa hoại sắc mà ba đời chư Phật đều mặc đắp đều được dứt sạch phiền não. Áo cà sa cũng còn gọi là “phước điền y” hay “áo ly trần”, chiếc áo chia thành từng ô vuông như khu vực thửa

ruộng, tượng trưng cho ruộng phước để người tín đồ gieo hạt Bồ Đề. Cái pháp y vô cùng quan trọng đối với nhà tu Phật như thế nên trong luật dạy rằng: “y pháp bất ly thân” là vậy. Ý nói người xuất gia không được rời y để lại một nơi, còn mình riêng ở một chỗ. Rời y khỏi thân là không hợp pháp, tỏ ra hành giả không cẩn trọng lời Phật dạy. Vì y pháp như là pháp thân huệ mạng, tượng trưng hình ảnh, lời dạy của đức Phật cho người tu phụng trì (gìn giữ) để phát chiếu trí huệ.

Thật thế, trong đời mạng pháp cách Phật quá xa, hình bóng chiếc pháp y của nhà sư mặc trên thân, là ảnh hiện toàn thân của đức Phật để người đời biết rằng Phật pháp còn tồn tại ở thế gian này. Ngoài ra, người tu còn mặc pháp phục là còn giữ giới, hành đạo và xiển dương chánh pháp của đức Phật sâu rộng trong đời. Người Phật tử tại gia không thể không biết rõ điều này.

生	生	苦	能	不	退,
<i>sanh</i>	<i>sanh</i>	<i>nhược</i>	<i>năng</i>	<i>bất</i>	<i>thoái,</i>
佛	階	決	定	可	期
<i>Phật</i>	<i>giai</i>	<i>quyết</i>	<i>định</i>	<i>khả</i>	<i>kỳ.</i>

Đời đời nếu quyết tâm không thoái chuyển thì phật quả chắc chắn chứng nên.

Câu trên có ba chữ đáng lưu ý: Sanh sanh, giai và kỳ. Sanh sanh là từ đời này qua đời khác trong kiếp luân hồi chúng sanh trôi lăn trong vòng lục đạo. Nếu quyết tâm tu trong sự tinh tấn nhẫn nhục thì lo gì đạo quả không thành.

Giai là thêm bậc giống như cây thang nhiều nấc. Phật pháp cũng vậy, người muốn tiến xa không thể không bắt đầu từ nấc thứ nhất, dần lên nấc thứ hai, thứ ba, hay như nhà thầu xây nhà lầu, phải xây nền móng vững chắc, mới xây lên được nhiều tầng khác. Nền móng của người học đạo xuất thế là gì? Đó là giữ giới, tu định kiến tạo nên

tòa lâu đài Phật quả hay Phật tuệ minh mông cao vợi. Nương nhờ thêm bực giữ giới tinh chuyên, người tu Phật tin chắc sẽ tiến bước dũng mãnh đi lên trên nấc thang giải thoát, giác ngộ mà không bị cản ngăn trở ngại, thẳng tới đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Kỳ là khoảng thời gian chưa xác định bao lâu, có thể là trong hiện tại của giờ phút này đây, hay trong 5, 10, 20, 50 hoặc 100 năm sau mà cũng có thể chờ hết đời này sang đời khác cũng chưa biết chừng. Tuy nhiên, công viên quả mãn chắc chắn sẽ không sai chạy, vì cái nhân trồng cây Bồ Đề đã vững chắc, gốc rễ bám sâu vào trong lòng đất màu mỡ của từ bi, trí huệ nhiều đời kiếp trước Như chư Phật, chư Bồ Tát tích lũy công phu mà thành tựu đạo quả một cách viên mãn hoàn toàn.

往	來	三	界	之	賓，
<i>Vãng</i>	<i>lai</i>	<i>tam</i>	<i>giới</i>	<i>chi</i>	<i>tân,</i>
出	歿	為	他	作	則，
<i>xuất</i>	<i>một</i>	<i>vị</i>	<i>tha</i>	<i>tác</i>	<i>tắc,</i>

Như khách trần lại qua ba cõi

Ra vào làm khuôn phép cho người.

Khách trần là ai, và ra vào đâu?

Khách trần là chúng ta hay nói chung các chúng sanh có hình sắc, trí biết như người ở cõi dục, tiên nhân ở cõi sắc; và vô hình sắc ở các cõi trời vô sắc. Khách trần vào ra trong ba cõi, tức là sống ở đây, chết ở kia, nhưng chí nguyện luôn giữ để làm khuôn phép cho người noi theo, tâm Bồ Đề không bao giờ lui sụt, với ý hướng lợi tha, xả kỷ.

Chẳng trụ trong sanh tử khổ, không đắm ở Niết Bàn vui mà thường dùng tâm Bi Trí giúp đỡ cho người và vật. Tùy mỗi loại phân nhiều thân, lăn xả vào cõi trần đưa tay tế độ chẳng nề gian lao, không từ khó nhọc, làm người

bạn thân thiết gần gũi chúng sanh, nêu phép tắc cho cõi nhân, thiên. Được như thế toàn thành sứ mạng viên sứ thần đáng tin cậy của Phật. Chư Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí v.v... lân mẫn cứu giúp chúng sanh theo hạnh nguyện của các Ngài được tự tại vô ngại; không cần mời các Ngài vẫn đến, không đợi chúng sanh thỉnh vẫn đi, miễn nghe được sự thống khổ vô vàn của chúng sanh là ra tay tế độ. Các Ngài thi ân bất cầu báo trong ý nghĩa thí vô úy (ban cho người điều không sợ sệt) mà nếu phi tâm lượng từ bi không ai có thể thực hiện được cả.

Bậc giác ngộ vào sanh tử như đến chốn “không nhà”, nhập Niết Bàn như đi trong “Cửa không” lồng lộng giữa trăng sao, sóng gió... Không còn chút ngăn ngại mà thông dong tự tại vào ra trong sanh tử độ thoát khắp hết thảy chúng sanh. Nếu Phật còn trụ trong sanh tử thì không dứt hết nghiệp chướng mà không dứt nghiệp chướng thì làm sao cứu độ chúng sanh? Chư Phật toàn giác: dứt sạch nghiệp chướng và phát thệ nguyện độ thoát chúng sanh khỏi bến mê sanh tử luân hồi. Là đệ tử Phật những ai dứt hết nghiệp chướng và phát lòng bi nguyện trở lại trần lụy độ chúng sanh, sẽ thành Phật.

此 之 一 學 最 妙 最 玄，
 thử chi nhất học tối diệu tối huyền，
 但 辦 肯 心， 必 不 相 賺
 đản biện khẳng tâm, tất bất tương chàm.

Đó là một môn học rất huyền diệu, nếu luyện tâm kiên quyết như thế thì, không thể bị lừa dối được.

Môn học huyền diệu nhiệm mầu ở đây là pháp tu thiên định vậy. Thiên sở dĩ gọi là môn học huyền diệu vì không cần văn tự, truyền ngoài giáo pháp, nhắm vào

căn cơ đạt ngộ của hành giả, chỉ thẳng vào tâm người, đạt tới kiến tánh thành Phật. Yếu lý của thiền như vậy, song những ai dốc lòng tinh tấn đều đạt được bản tâm thanh tịnh - trực ngộ chân tâm, kiến tánh thành Phật không hề sai một mảy may.

* TU THEO GIÁO PHÁP NHƯ KIM CHỈ NAM

Ngoài phép thiền ra, người học đạo xuất thế cần phải học các pháp môn tu khác, vì những lời Phật dạy có đến tám vạn bốn ngàn pháp. Tùy căn tánh chúng sanh lợi căn hay độn căn (lành hay chậm) mà ứng dụng pháp tu nào để được thích hợp mới đạt lợi ích thiết thực.

若 有 中 流 之
Nhược hữu trung lưu chi

士, 未 能 頓 超, 且 於 教
sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo

法 留 心 溫 尋 貝 業, 精
pháp lưu tâm, ôn tìm bồi nghiệp, tinh

搜 義 理, 傳 唱 敷 揚, 接
sưu nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp

引 後 來 報 佛 恩 德。
dẫn hậu lai, báo Phật ân đức.

Còn các bậc trung lưu chưa có tài vượt qua các pháp môn phương tiện, phải để tâm nơi giáo pháp ôn tâm kinh điển, suy xét cho cùng nghĩa lý tinh vi, rồi truyền bá chánh pháp, tiếp dẫn người sau để báo đền ân đức Phật.

Đây là trách nhiệm và bổn phận người xuất gia làm rường cột mỗi giềng trong Phật pháp, đem giáo pháp xướng truyền sâu rộng khắp nhân quần xã hội, ngõ hầu dắt dẫn kẻ hậu học. Khi giáo pháp đi được tuyên dương sâu rộng và nhiều người học tu đạo giác ngộ của Phật, là hàng đệ tử báo đền ân đức Phật một cách xứng đáng Muốn truyền bá giáo pháp được sâu rộng, người tu phải trải qua ba giai đoạn sau đây:

1) Tu tập

2) Thực hành

3) Ứng dụng

- Giai đoạn tu tập có thể trong khoảng thời gian 10, 20, hay 50 năm tùy trình độ và căn tánh mỗi người. Nhưng việc tu tập có thể phải giữ suốt đời không gián đoạn thì ở trong Phật pháp mới được nhiều lợi lạc.

- Thực hành tức là đem áp dụng Phật pháp vào đời sống hằng ngày; chỗ nào chưa tinh thông nghĩa lý phải tìm xét tra cứu cẩn thận, hầu tránh sai lầm, thiếu sót.

- Ứng dụng: Đem giáo pháp phổ biến, truyền bá sâu rộng cho đời qua ngôn giáo, khẩu giáo (thuyết pháp), bút giáo (viết sách báo), thân giáo (sống đúng chánh pháp) hay có khi việc truyền pháp qua ý giáo, cử chỉ và hành vi nữa. Bằng ngàn ấy cách tuyên dương giáo nghĩa Phật đà, người hành đạo phải thật tâm cương quyết hành đúng giáo pháp, là người báo đền công ơn đức Phật được trọn vẹn vậy.

Người học đạo tạm được phân ra làm ba hạng: thượng lưu, trung lưu và hạ lưu cũng như các giai tầng trong xã hội. Bậc hạ lưu căn trí chậm lụt, bậc trung lưu lại còn kém hơn bậc thượng lưu. Cho nên câu trên đây nhấn mạnh: “bậc trung lưu chưa có tài vượt qua các pháp môn phương tiện” hay đúng ra họ chưa đủ khả năng và bản lĩnh nhảy vượt mức như hàng lợi căn lợi trí của bậc thượng.

Ngoài ra ở đoạn văn trên có hai chữ “bồi diệp” rất

khó hiểu đối với những ai chưa quen với danh từ Phật học. Bối điệp là tên của một loại lá cây bền chắc, giống như lá nón của ta. Ngày xưa chưa có kỹ nghệ giấy, mọi kinh sách đều được biên chép trên lá bối rất kèn càng thiếu mỹ thuật và bất tiện vô cùng. Theo như lịch sử kết tập kinh điển lần thứ nhất (ngay sau Phật nhập diệt), lần thứ hai (khoảng 100 năm sau) kinh điển chưa ghi chép thành văn tự, lần thứ ba (đời vua A Dục, 300 năm sau) và lần thứ tư (sau Phật nhập diệt 500 năm) kinh luật luận đều được ghi lại trên loại lá bối này.

Ngày nay khoa học tiến bộ, kinh luật luận được in thành bộ loại trên giấy trắng mực đen, đóng bìa cứng mạ vàng cẩn thận trông thật là mỹ thuật. Nhưng thử hỏi thánh điển hay Phật ngữ nguyên bản bằng Phạn văn, hay dịch sang Hán văn, Nhật văn... ngày nay còn có mấy người đọc hiểu? Phật pháp đang trong thời kỳ mạt pháp. Người xuất gia hành đạo đã không được mấy người; còn những kẻ trong hình tướng nhà tu thì lại lui sụt đạo tâm một cách đáng khiếp!

時	光	亦	不	虛	棄,	必	須
<i>Thời</i>	<i>quang</i>	<i>diệc</i>	<i>bất</i>	<i>hư</i>	<i>khí,</i>	<i>tất</i>	<i>tu</i>
以	此	扶	持,	住	止	威	儀,
<i>dĩ</i>	<i>thử</i>	<i>phù</i>	<i>trì,</i>	<i>trụ</i>	<i>chỉ</i>	<i>oai</i>	<i>nghi,</i>
便	是	僧	中	法	器		
<i>tiện</i>	<i>thị</i>	<i>tăng</i>	<i>trung</i>	<i>pháp</i>	<i>khí.</i>		

Đừng nên bỏ phí thì giờ, quyết lấy đây giữ gìn đi, đừng trong các phép oai nghi, như thế mới là bực pháp khí⁽³⁸⁾ trong hàng tăng sĩ.

Thì giờ là vàng bạc không nên để trôi qua một cách vô ích. Một ngày qua rồi mạng người giảm dần đưa tới cái già, cái chết. Nếu ở chùa mà cứ lần lựa cho qua ngày đoạn

tháng, lều láo không lo tu tập, tham thiên, học đạo... thì đạo hạnh yếu kém, oai nghi thiếu khuyết, không xứng đáng làm nhà tu, lạm dụng mặc pháp phục của Phật để người đời lầm cung kính. Muốn trở thành bậc chúng trung tôn (được tôn kính trong tầng giới) thay Phật truyền bá giáo pháp, người xuất gia phải tận dụng thời giờ trong mỗi ngày vào việc lợi ích tu hành để xứng đáng là đệ tử Phật.

Bổn phận người tăng sĩ không cố gắng duy trì và phát triển Phật giáo thì chánh pháp sớm diệt, cho nên cần phải quyết tâm nhất chí tận dụng không ngừng thì giờ vào việc hành đạo, là điều cần lưu tâm suy nghĩ.

豈 不 見,
Khởi bất kiến,

倚 松 之 葛, 上 聳 千 尋,
ỷ tùng chi cát, thượng tủng thiên tâm,
 附 託 勝 人, 方 能 廣 益,
phụ thác thắng nhơn, phương năng quảng ích.

Các vị há chẳng thấy dây sắn bám cây tùng lên cao ngàn tầm đớ sao, ta nương nhơn tốt mới được lợi ích rộng nhiều.

Đây lấy một thí dụ điển hình dây sắn nương bám vào cây tùng vượt lên cao chót vót, tức nói sự quảng bá chánh pháp sâu rộng cho nhiều người đều được thấm nhuần mà cái nhơn vững chắc là cây tùng. Cũng như người tu có căn bản Phật pháp là cái nhơn tốt và truyền bá tư tưởng Phật đà trong khắp mọi tầng lớp của xã hội để mọi người đều được lợi lạc.

Nhơn tốt cũng tùy thuộc vào hai yếu tố ngoại tại khác là minh sư và ích hữu. Thật vậy, minh sư dẫn dắt ta đi trên con đường sáng. Ngài Duy Sơn Nhiên thiên sư nói:

“...Sanh phùng trung quốc

Trưởng ngộ minh sư,

Chánh tín xuất gia

Đồng chơn nhập đạo...”

(Sanh nơi chánh pháp lưu truvền

Trưởng thành được gặp Thánh hiền minh sư

Tín pháp mầu khiến ưa xuất thế

Tuổi xanh chưa nhiễm uế hồng trần)

(Thích nữ Trí Hải dịch)

và bạn lành hướng thiện, chỉ bày bàn thảo với ta những điều chưa thấu đáo để cùng nhau tu tiến trên đường đạo. Đây cũng gọi là những cái nhân tốt vô cùng quan trọng trợ duyên cần thiết cho sự tu hành. Trở lại một đoạn trên như:

“Thân phụ thiện hữu giả,

Như vụ lộ trung hành.

Tuy bất thấp y

Thời thời hữu nhuận...”

(Thân cận người bạn tốt

Như đi trong sương móc

Áo tuy chẳng dính ướt

Rồi cũng thấm nhuận được...)

(T.B.L dịch)

懇	修	齋	戒,	莫	謾	虧	踰,
Khẩn	tu	trai	giới,	mạc	mạn	khuy	du,
世	世	生	生,	殊	妙	因	果,
thế	thế	sanh	sanh,	thù	diệu	nhân	quả,

Nên thành khẩn trì trai (ăn chay) giữ giới chớ khinh thường bỏ qua, có gieo nhân tốt thì đời này kiếp khác mới hưởng được quả lành.

Trì trai là ăn chay để tránh sát sanh hại vật, tăng trưởng lòng từ bi; giữ gìn các giới cấm có nhiều, song căn bản là không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu, không trang điểm xoa ướp hương thơm vào mình, không làm trò ca múa hát xướng, không ăn sau bữa ăn qui định (ăn tạp nạp phi thời, không đúng giờ giấc). Biết tiết chế ăn uống tạp nạp là người giữ giới cẩn thận. Ở đây xin đơn cử một giới nhẹ nhất là giới không ăn phi thời. Mặc dù bề ngoài mới xem qua giới thì dễ, nhưng người nào giữ được thì thật khó vô cùng. Tại sao khó? Vì ta khinh thường cho nó là không mấy quan trọng, nên người tu đời này hầu như đều phạm phải lỗi lầm khó tránh. Do chứng kiến chỗ nhược điểm này, tổ quả rằng: ấy các Ngài chớ có khinh thường không giữ giới mà lầm lớn!

Do người cẩn trọng khẩn thiết mới giữ giới, nhân giới đây sanh định và nhờ định mà phát sanh trí huệ. Giới, định, huệ là ba môn học căn bản trừ dứt phiền não như cái lược nước để có nước trong, ngọt mát. Cũng gọi ba môn học này là “tam vô lậu học” (ba cái học vô lậu) tức hết nhiễm ô do phiền não dấy khởi, để tâm sáng - huệ chiếu - hầu ra khỏi vô minh lầm lạc, được tự tại giải thoát. Ngoài ra, người tu phải tin đạo lý nhân quả chắc thật như hai nhân hai là bốn, một cộng với một là hai, không hề sai lệch một mảy may. Nếu người không tin nhân quả thì thà cởi áo tu còn hơn là tiếp tục sống ở chùa cho thêm nặng nghiệp, đọa lạc trầm luân!

* LỜI RĂN PHẢI CÓ GẮNG

不	可	等	閒	過	日,	兀	兀
<i>bát</i>	<i>khả</i>	<i>đẳng</i>	<i>nhàn</i>	<i>quá</i>	<i>nhứt,</i>	<i>ngột</i>	<i>ngột</i>
度	時	可	惜	光	陰	不	求
<i>độ</i>	<i>thời</i>	<i>khả</i>	<i>tích</i>	<i>quang</i>	<i>âm,</i>	<i>bát</i>	<i>cầu</i>
			升	進			
			<i>thăng</i>	<i>tấn.</i>			

Không nên lêu láo qua ngày đoạn tháng, phải tiếc thì giờ, có sao chẳng cầu thăng tiến!

Thì giờ như thể thoi đưa
Cứ đi đi mãi có chờ ai đâu...

Mỗi người nên tự ý thức chúng ta đang sống trong ngôi nhà lửa hùng hực cháy, nếu không gấp rút lo cứu chữa lửa đang cháy trên đầu thì dễ tan thân mất mạng như chơi. Thế giới mà chúng ta đang sống đây ọp ẹp bất an như căn nhà xiêu vẹo chưa biết ngã đổ lúc nào, lại thêm lửa bốn bề bùng bốc vây quanh lan tràn đe dọa mạng sống những người đang ở trong đó từng giờ từng phút. Nếu ta cứ lơ đãng ăn không ngời rồi, lơ lơ láo láo cho hết thì giờ thì thân xác dễ làm mồi cho thần lửa trong chốc lát. Để tránh cảnh họa tai ập đến bất thành linh, ta phải dốc lòng cần tu khổ luyện để tiến trên con đường giác ngộ.

徒	消	十	方	信	施
Đồ	tiêu	thập	phương	tín	thí,
亦	乃	孤	負	四	恩
diệc	nãi	cô	phụ	tứ	ân.

Ăn tiêu của mười phương tín thí mà chẳng chịu tu, cũng tức là có phụ bốn ân sâu nặng.

Người tu ăn tiêu của mười phương tín thí những gì?

Bốn nhu cầu cần yếu hằng ngày nhà tu thọ dụng của người thí chủ là:

- Thức ăn uống như gạo, muối, tương, rau, dầu, chè...
- Đồ mặc như quần áo, vải bông, mền chiếu, giày dép, vớ khăn v.v...
- Ngọa cụ (tọa cụ) đồ trải tọa thiền, giường nệm, bồ

đoàn, bàn ghế làm việc v.v...

- Thuốc thang khi đau ốm: Y sĩ, cấp cứu...

Thọ nhận của cúng càng nhiều mà không lo tu hành để phí thì giờ là người không xứng đáng ở trong nhà đạo. Vì thế nên nói, luống hao của tín chủ cũng là nở phụ bốn ân dày mà suốt đời mình thọ nhận. Của tín thí nặng ngàn cân, nếu không khéo tu kiếp sau trở lại mang lông đội sừng đền trả nợ kiếp trước:

“...phi mao đới giác
phụ trái hàm oan...”

(Sám Qui Mạng)

積	累	轉	深,	心	塵	易	壅,
Tích	lũy	chuyển	thâm,	tâm	trần	dị	ung,
觸	途	成	滯,	人	所	輕	欺.
xúc	đồ	thành	trệ,	nhơn	sở	khinh	khi.

Lỗi tích chừa mỗi ngày càng nhiều thì tâm dễ bị ngăn trệ; đạo lý không thông, đụng đến việc là hỏng, bị người khinh rẻ.

Tục ngữ có câu: “Có ghẻ né ruồi” là nghĩa này. Lỗi do: càng bướng không chịu tu, nguyên nhân để người đời khinh thường xem nhẹ tư cách vị thầy thiếu tác phong đạo đức. Một người làm đạo mà đạo lý lù mù thì làm sao hướng dẫn người tín đồ tu tập, cho nên gặp việc đâm ra ngờ ngác là điều hiển nhiên không tránh khỏi.

Tâm trần là tâm nhiễm ô trần cấu chưa tẩy rửa sạch những phiền não, điên đảo, vọng tưởng v.v... Người tu làm cho tâm trần lắng xuống, chân tâm hiện bày, như mặt nước lóng trong thì ánh trăng lộ hiện, bụi dơ chìm sâu không hiện lên màn ý thức nữa. Tâm trần còn khơi động là công phu tu tập chưa thuần thực, như con trâu lung, anh chăn trâu chưa đầu phục được nó trở về theo mệnh lệnh.

古 云： 彼 既 丈 夫， 我 亦
 Có vân: bí ký trượng phu, ngã diệc
 爾 不 應 自 輕 而 退 屈，
 nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thoái khuất,

Cổ nhân nói: kia là bậc trượng phu⁽³⁸⁾, ta cũng vậy, không nên tự khinh mình mà thôi chí.

Xem gương kẻ khác là bậc trí tài có khả năng thành Phật, làm Tổ, ta cũng làm được như vậy. Đó là một sự thật không ai có thể chối cãi, vì ngôi vị Phật, Tổ không phải tự dung mà có, cũng không từ trên trời cao rơi xuống, chính do tự mỗi người quyết chí đạt thành, trải qua trường kỳ phấn đấu cam go mới có được.

Đức Phật dạy ngài La Hâu La: “Các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới, mỗi niệm mỗi niệm đã chứng lên quả thiện thế (một trong mười hiệu Phật). Các Ngài (kia) là đấng trượng phu thì con nay cũng thế, chẳng nên khinh mình mà lui sụt”.

Lời dạy khuyên thực tiễn nhằm nhắc người tu hành phải cương quyết đi đến cùng mục đích mà bậc cổ nhân và đức Phật đều nhấn mạnh như thế.

若 不 如 此， 徒 在 緇 門
 nhược bất như thử, đồ tại truy môn,
 荏 苒 一 生 殊 無 所 益
 nhâm nhiêm nhất sanh thù vô sở ích.

Nếu không tu được như thế, có tu (ở chùa) cũng như không, chỉ lếu láo một đời thật không ích gì cả.

Tu như thế là thế nào? Tổ muốn khuyên rằng phải noi gương bậc Thầy Tổ mà tiến bước đừng lui sụt đạo tâm,

nhất là đối với người có chí xuất gia mạnh mẽ lúc ban đầu, phải tâm niệm nôi gót các bậc chân tu giải thoát. Nên tự nghĩ rằng việc tu hành dù khó khăn thế mấy mà đức Phật và chư Tổ đã đạt được, thì có lý nào ta không đạt được. Nghĩ như thế là giúp mình thêm phần chí tinh tấn không ngừng, đạo tâm không lui sụt, tức là thân sống ở chùa, tâm nghĩ làm việc đạo, lợi lạc quần sinh mới không luống phí một đời hành đạo.

* LỜI KHUYÊN KHẨN THIẾT

伏 望：
Phục vọng:

興	決	烈	之	志,	開	特	達
hung	quyết	liệt	chi	chí,	khai	đặc	đạt
之	懷,	舉	措	看	他	上	流.
chi	hoài,	cử	thó	khán	tha	thượng	lưu.

Mong rằng quý vị phần chí quyết liệt tu hành mở rộng tâm sáng suốt; mọi việc phải noi theo các bậc thượng lưu⁽³⁹⁾

Đoạn văn trên có hai điểm quan trọng cần nêu ra:

- Chí quyết liệt của người tu là để đi đúng trên con đường đạo giải thoát, không thả mồi bắt bóng, không nhận giả làm chân, không đứng núi này trông núi nọ... để khỏi chùn bước, trong khi đạo quả chưa thành tựu;

- Tâm mở rộng sáng suốt, tức là nhìn xa thấy rộng phân biệt đúng sai, chân giả, tà ngụy... nhờ ứng dụng Phật pháp mà có được.

Chí đã kiên cường, tâm dũng mãnh như thế là mọi động tác hợp lẽ đạo, dõi theo các bậc Thánh hiền tiến bước đi lên.

莫 擅 隨 於 庸 鄙, 今 生
 Mạc thiện tùy ư dung bỉ, kim sanh
 便 須 決 斷, 想 料 不 由
 tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do
 別 人
 biệt nhơn,

Chớ có theo bọn ngu hèn thô bỉ, đời này phải tự quyết đoán, xét tưởng định liệu do mình, chớ không phải do ai khác.

Thật là lời thành khẩn thiết tha phát xuất từ tâm lượng từ bi của bậc chân tu thoát tục, Tổ muốn cho đàn hậu học phải tự độ mình trước, độ người sau, là chân Íy muôn đời bất diệt tự ngàn xưa. Tu hành quý hồ do tự lực hơn tha lực. Người muốn cầu tha lực nhiều hơn là kẻ ươn hèn thiếu ý chí, không dứt khoát, không lập nên công trạng gì. Cho dù thân nương tựa ở chùa mà tâm không hành đạo, liệu nhà tu Phật được lợi ích gì? Điều này mong các vị xuất gia lớp sau chịu khó suy xét chớ bỏ qua, để sống một đời đạo hạnh, lợi ích cho mình và người.

息 意 亡 緣, 不 與
 tức ý vong duyên, bất dữ
 諸 塵 作 對. 心 空 境 寂
 chư trần tác đối. Tâm không cảnh tịch,
 只 為 久 滯 不 通,
 chỉ vì cửu trệ bất thông,

Trong tâm dứt bỏ ý nghĩ thì các duyên bên ngoài tự quên, không cùng đối đãi với cảnh trần; tâm vốn không, cảnh vắng lặng, chỉ vì lâu đời chân tâm bị che lấp không sáng suốt.

Ý là chủ của sáu căn, mà dứt thì các duyên không còn nữa; không còn đối đãi với trần cảnh. Tâm vốn thanh tịnh sáng suốt, nhưng bị vô minh che lấp như bụi bặm dính trên mặt gương, làm cho gương bị mờ, không thể mặt được. Tâm con người cũng vậy, lâu kiếp nhiều đời bị phiền não ô nhiễm phủ lên che lấp không còn sáng suốt được nữa. Sáu căn không duyên với sáu trần, tức là không còn đối đãi, cảnh trần tự vắng lặng.

熟	覽	斯	文,	時	時	警	策.
thục	lãm	tư	văn,	thời	thời	cảnh	sách.
强	作	主	宰,	莫	徇	人	情,
Cường	tác	chủ	tê,	mạc	tuân	nhơn	tình,

Xin đọc thuộc văn này để từng giờ từng phút nhắc nhở thân tâm, tự làm chủ lấy mình, chớ nên lao theo tình đời.

Khi ta đã ý thức được mình là chủ nhân ông của đời mình thì duyên trần không thể nào lung lạc được nữa.

Trong kinh Pháp Cú (Dhammapada) có đoạn:

Tâm phạm hay giao động

Khó chế, khó nhiếp phục

Kẻ trí khiến tâm chánh

Như thợ khéo nắm tên.

hoặc:

Tâm tinh vi khó thấy

Ái dục thường chi phối

Kẻ trí hộ trì tâm

Tâm hộ, hưởng an lạc.

(H.T. Minh Châu dịch)

Và: “Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu ta nói hay làm với tâm trong sạch thì

hạnh phúc sẽ theo ta như bóng theo hình” (Kinh Pháp Cú thí dụ)

Từ đây trở lên là những lời khuyên nhắc nhở thiết của bậc tiền bối qua kinh nghiệm tu hành, để đàn hậu bối cố gắng tiến theo noi gót người xưa hầu duy trì mạng mạch Phật giáo trong thời đại pháp nhược ma cường này. Khêu tỏ ngọn đèn chánh pháp là nghĩa vụ hàng trưởng tử của đức Phật.

10. NÊU RÕ LÝ NHÂN QUẢ

Đạo lý nhân quả rõ ràng tuy vô hình giăng bủa khắp nơi mà khó ai tránh lọt khỏi. Chớ có khinh thường cho rằng việc của mình làm không ai hay biết; ý nghĩ ta rộng mênh mông như biển cả có ai kiểm soát được hết đâu. Đây ta hãy tĩnh tâm nghe kỹ lời này:

業	果	所	牽,	誠	難	逃	避.
ngiệp	quả	sở	khiên,	thành	nan	đào	ty.
聲	和	響	順,	形	直	影	端,
Thanh	hòa	hưởng	thuận,	hình	trực	ảnh	đoan,
因	果	歷	然,	豈	無	憂	懼.
nhân	quả	lịch	nhiên,	khởi	vô	ưu	cụ.

Nghiệp quả lôi cuốn thật khó trốn tránh, tiếng có hòa thì vang mới thuận, hình có thẳng thì bóng mới ngay, nhân quả rõ ràng, đâu chẳng lo sợ sao?

Phần mở đầu bài văn đã luận về nghiệp: “phù nghiệp hệ thọ thân” (luận về nghiệp nên mới thọ thân này); ở đây gần đoạn chót lại nói tới nghiệp quả. Nghiệp hay nghiệp quả được nhắc đi nhắc lại trong Văn Cảnh Sách nhiều lần là để nhấn mạnh tới một động lực mạnh mẽ nhất, có sức cuốn hút chúng sanh vào trong luân hồi sanh

tử trăm kiếp nghìn đời, như dòng điện lực có sức mạnh vô song, đủ duyên liền hiện hình, đủ vật dụng liền lóe sáng lên trong mọi hình thể, ở mọi nơi chốn tùy người sử dụng. Điện lực vô hình, song ta không thể nói không có điện được.

Câu chuyện sau đây dẫn từ kinh Pháp Cú giúp soi sáng thêm cho ta hiểu rõ về nghiệp quả hơn:

Ngày xưa có bốn anh em dòng Phạm Chí tu theo ngoại đạo, đều chứng được năm phép thần thông. Mỗi người biết trước chỉ trong vòng bảy ngày nữa mạng sống phải kết liễu. Anh em họ bèn bàn luận với nhau rằng: Chúng ta tu hành được thần thông tự tại, lẽ nào không lánh (trôn khỏi) được cái nạn này sao?

- Người anh thứ nhất nói: “Khi quý vô thường có đến, ta nhảy vào trong biển lớn, ở ngay giữa biển, trên chẳng ra khỏi nước, dưới không tới đáy, vô thường quý dữ, đâu biết chỗ ta ở mà đến bắt”.

- Người em thứ hai nói: “Tôi cũng có kế này: Khi vô thường đến tôi sẽ vạch hòn núi Tu Di ra, chun vào giữa rồi đóng bịt lại, vô thường quý dữ đâu biết chỗ tôi ở mà đến bắt”.

- Người em thứ ba nói: Tôi cũng có một kế rất hay là chùng đó tôi lên ở trên hư không, ẩn hình không dấu tích, vô thường quý dữ đâu biết chỗ tôi ở mà đến bắt”.

- Người em thứ tư nói: Tôi có một kế tuyệt diệu khác hơn ba anh, chùng đó tôi ẩn giữa chợ đông người qua lại rầm rộ, ai cũng chẳng biết là ai, vô thường quý dữ dù đến, miễn bắt được một người thì thôi, làm gì bắt đến tôi”.

Bốn anh em đề nghị như vậy xong rồi, mạnh ai đi đến chỗ đã định. Đúng kỳ bảy ngày mạng căn đi mãi. Người ở dưới nước nổi lên, người trong núi bị ép khô, người trên hư không rớt xuống và người trong chợ cũng bị chết nằm trơ như khúc gỗ!

Lúc bấy giờ đức Phật dùng đạo nhãn xem thấy sự chết kia rốt cuộc không thể trốn lánh được, Ngài liền nói bài kệ rằng:

“Chẳng phải trên hư không
 Chẳng phải giữa biển khơi
 Chẳng phải vào núi đá
 Cũng chẳng phải chợ búa;
 Nghĩa là không một phương sở nào
 Có thể lánh khỏi được cái chết...”

Cái chết phải hiển nhiên đến, như cái quả theo liền cái nhân không thể trốn tránh đi đâu khỏi cả. Nhân quả không hề mất, cho nên nói rõ ràng hay rành rành là vậy. Nghiệp báo không làm, theo lời đức Phật dạy, người Phật tử chân chánh phải tin chắc như thế. Mắc quả báo trước mặt (hiện tiền), đâu không đáng lo sợ hay sao?

故	經	云:	假	使	百	千	劫,
Có	kinh	vân:	giả	sử	bách	thiên	kiếp,
所	作	業	不	忘,	因	緣	會
sở	tác	ngiệp	bất	vong,	nhân	duyên	hội
遇	時	果	報	還	自	受.	
ngộ	thời	quả	báo	hoàn	tự	thọ.	

*Cho nên kinh dạy rằng: cho đến trăm nghìn kiếp trước
 Nếu ta đã tạo nghiệp gì
 Thì khi nhân duyên hội ngộ
 Vì tự tác tức phải tự thọ (nhận).*

Việc tạo nghiệp nhân cũng như ta cất giữ hạt giống trong nhà, không thể mất đi đâu được, tức là gây nghiệp gì còn nguyên nghiệp ấy, không sai một hào một ly.

Nghiệp quả hay quả báo khi hợp thời tiết nhân duyên đến, quyết phải gặp ngay. Như đã nói: nghiệp báo không lằm, mình làm thì mình phải chịu, cho dù chí thân như cha mẹ, vợ con, anh em cũng không thể thay thế được.

Nhân quả khứ là trăm nghìn kiếp về trước đã tạo nghiệp, đưa đến quả báo hiện đời này phải thọ nhận (quả báo hoàn tự thọ) một cách thật công bình, không thiên lệch, chằm chước hay thêm bớt được.

		故	知	三			
		Có	tri	tam			
界	刑	罰,	縶	絆	殺	人,	努
giới	hình	phạt,	oanh	bạn	sát	nhân,	nỗ
力	勤	脩,	莫	空	過	日.	
lực	cần	tu,	mạc	không	quá	nhật.	

Vậy nên biết rằng ba cõi là hình phạt giam hãm hại người, phải nỗ lực tu hành chớ để qua ngày.

Ba cõi là hình phạt hay cũng như ngôi nhà lửa đang hùng hực cháy (ba cõi bất an, do như hỏa trạch - Kinh Pháp Hoa) mà chúng sanh mê đắm không biết cứ đông tây rong ruổi trong đó, để bị hại. Nếu biết tinh tấn hành đạo không luống phí thì giờ, thì ta sẽ thoát khỏi nhà lửa của ba cõi thẳng tiến tới Bồ Đề giải thoát.

Kinh Bát Đại Nhân Giác, điều giác ngộ thứ tư nói về việc “thường hành tinh tấn” như sau:

“Giải đãi đọa lạc
 Thường hành tinh tấn
 Phá phiền não ác
 Thôi phục tứ ma
 Xuất âm giới ngục”

dịch nghĩa:

Lười biếng đọa lạc
 Tu hành chững chạc
 Phiền não nhỏ bạt
 Ác ma trừ sạch
 Lìa xa cõi ngục...

深知過患，方乃相勸
Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến
 行持，願百劫千生，
hành trì, nguyện bách kiếp thiên sanh,
 處處同為法侶。
xứ xứ đồng vị pháp lữ.

*Vì hiểu rõ cái hại quá to lớn mới dám cùng nhau khuyên
 gắng hành trì*

*Nguyện mong trăm kiếp nghìn đời
 Sanh nơi Phật pháp cùng người kết thân*

Ngài Duy Sơn Nhiên thiền sư cũng cùng một ý này:

“Kiếp sau xin được làm người
 Sinh ra gặp pháp sống đời chân tu
 Dắt dìu nhờ bậc minh sư
 Nương vào chánh tín hạnh từ xuất gia...”

Chư Phật, chư Tổ biết rõ ba cõi nung nấu chẳng khác gì nhà lửa. Vì thế các Ngài khuyên bảo, nhắc nhở cho người biết rõ cái nhọn gây ra khổ là năm món dục lạc như thuốc độc làm hại mạng sống của người để tìm cách lánh xa, không cho lung lạc làm mê mẩn tâm thần, tức tránh khỏi lầm lạc sai quấy.

Vậy mới làm bài minh rằng:

	乃	為	銘	曰:			
	Nãi	vi	minh	viết:			
	幻	身	夢	宅,	空	中	物
	Huyễn	thân	mộng	trạch,	không	trung	vật
色,	前	際	無	窮	後	際	寧
sắc,	tiền	tế	vô	cùng,	hậu	tế	ninh
剋,	出	此	歿	彼,	升	沉	疲
khắc,	xuất	thử	một	bỉ,	thăng	trầm	bì
極,	未	免	三	輪,	何	時	休
cực,	vi	miễn	tam	luân,	hà	thời	hưu
息?	貪	戀	世	間,	陰	緣	成
tức?	Tham	luyến	thế	gian,	âm	duyên	thành
質,	從	生	至	老,	一	無	所
chất,	từg	sanh	chí	lão,	nhất	vô	sở
得,	根	本	無	明,	因	茲	被
đắc,	căn	bổn	vô	minh,	nhân	tu	bị
惑.	光	陰	可	惜,	剎	那	不
hoặc.	Quang	âm	khả	tích,	sát	na	bất
測.	今	生	空	過,	來	世	室
trắc.	Kim	sanh	không	quá,	lai	thế	thất
塞.	從	迷	至	迷,	皆	因	六
tắc.	Tùng	mê	chí	mê,	giai	nhân	lục
賊,	六	道	往	還,	三	世	匍
tặc,	lục	đạo	vãng	hoàn,	tam	giới	bô

畝. <i>bấc.</i>	早 <i>Tảo</i>	訪 <i>phỏng</i>	明 <i>minh</i>	師, <i>su,</i>	親 <i>thân</i>	近 <i>cận</i>	高 <i>cao</i>
德, <i>đức,</i>	決 <i>quyết</i>	擇 <i>trạch</i>	身 <i>thân</i>	心, <i>tâm,</i>	去 <i>khứ</i>	其 <i>kỳ</i>	荆 <i>kinh</i>
棘. <i>cúc.</i>	世 <i>Thế</i>	自 <i>tự</i>	浮 <i>phù</i>	虛, <i>hư,</i>	眾 <i>chúng</i>	緣 <i>duyên</i>	豈 <i>khởi</i>
逼, <i>bức,</i>	研 <i>nghiên</i>	窮 <i>cùng</i>	法 <i>pháp</i>	理, <i>lý,</i>	以 <i>dĩ</i>	悟 <i>ngộ</i>	為 <i>vi</i>
則, <i>tắc,</i>	心 <i>tâm</i>	境 <i>cảnh</i>	俱 <i>câu</i>	捐, <i>quyên,</i>	莫 <i>mạc</i>	記 <i>ký</i>	莫 <i>mạc</i>
憶, <i>ức,</i>	六 <i>lục</i>	根 <i>căn</i>	怡 <i>di</i>	然, <i>nhiên,</i>	行 <i>hành</i>	住 <i>trụ</i>	寂 <i>tịch</i>
默, <i>mặc,</i>	一 <i>nhứt</i>	心 <i>tâm</i>	不 <i>bất</i>	生, <i>sanh,</i>	萬 <i>vạn</i>	法 <i>pháp</i>	俱 <i>câu</i>
息. <i>tức.</i>							

瀉 山 警 策 終.
Qui Sơn Cảnh Sách chung.

Thân như trò dối
 Như nhà mộng thôi
 Cảnh sắc của đời
 Như hoa trong không
 Thuở trước của thân
 Xa đến vô cùng ⁽⁴⁰⁾
 Kiếp sau một thể

Cũng lại như thế
 Sanh tử chập chùng
 Tử sanh tiếp nối
 Thăng trầm chìm nổi
 Vất vả cực bộn
 Trong kiếp luân hồi ⁽⁴¹⁾
 Đời nào mới thôi (dứt)
 Tham đắm không rời
 Năm âm ⁽⁴²⁾ kết thành (thân)
 Mười hai duyên sanh ⁽⁴³⁾
 Giả hợp tạo nên
 Thân hình vóc dáng
 Nếu không tưởng quán
 Từ sinh tăng trưởng
 Đến quang già nua
 Một đời hơn thua
 Thật không lợi ích
 Sống cũng như chết
 Gốc bởi vô minh ⁽⁴⁴⁾
 Nhân làm đầu mối
 Làm mê hoặc người
 Không lo tu thời
 Luống phí thì giờ
 Thật là đáng tiếc.
 Khó đo thời biểu
 Vô thường khôn dò
 Nên khó biết trước
 Đời này bạc nhược
 Kiếp sau lấm lạc.
 Lắm này chưa dứt

Lại mắc lầm khác
 Đều do nhân ác
 Lục tặc ⁽⁴⁵⁾ tạo tác
 Đọa lạc luân hồi
 Chìm ngụp nổi trôi
 Vào trong lục đạo ⁽⁴⁶⁾
 Muốn tu chánh giáo
 Sớm tựa minh sư
 Gần gũi những người,
 Tài cao đức rộng.
 Quyết chí lựa chọn
 Giữ lấy điều hay
 Việc ác bỏ ngay
 Cả những gốc gai.
 Đời là cơn lốc
 Hư dối phù du
 Các duyên ⁽⁴⁷⁾ trợ lực
 Đâu phải chân thật.
 Nghiên cứu tinh mật
 Pháp lý đến cùng
 Nghĩa thú thậm thâm
 Giác ngộ tự tâm
 Để làm mục thước
 Tâm cảnh lần lượt
 Cả hai đều quên
 Chớ để ý đến
 Chẳng nhớ dùng ghi
 Như thế tức thì
 Sáu căn ⁽⁴⁸⁾ hoan hỷ
 Đứng đi cử chỉ

Hợp trong đạo lý
 Vọng tâm ⁽⁴⁹⁾ đình chỉ
 Vạn pháp đều ngưng.

Đến đây là hết phần Chánh Văn Qui Sơn Cảnh Sách.

Phần sau là bình luận và nhận xét của dịch giả.

Lời minh là lời răn nhắc kẻ hậu học phải ghi nhớ mãi trong lòng những gì mà Tổ đã ân cần trao phó và kỳ vọng ở ngày mai Phật pháp phải được chấn chỉnh xiển dương, tăng đoàn phải có kỷ cương chân tu thật học. Vậy nên phải ý thức suy niệm tới mấy vấn đề lớn của đời sống:

- Thân thể là giả dối, không thật do bốn đại hợp thành dòn bở không bền chắc, không có chủ tử. Nếu đem tách riêng từng yếu tố kia ra thì không còn là thân xác ta nữa. Thật thế:

“... Chiếu thân như tác bóng chiều
 Như chùm bọt nước bập bều ngoài khơi...”

Vạn Hạnh thiền sư (?-1025) nhận định cả về thân xác và cảnh sắc của đời sống như trò ảo hóa:

“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
 Hoạn mộc xuân vinh thu hựu khô
 Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
 Thịnh suy như lộ thảo đầu phô”

(Thân như bóng chớp chiều tà
 Cỏ cây xuân tốt, thu qua rụng rời
 Sá chi suy thịnh việc đời

Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành)

Việc đời thịnh suy như hạt sương rơi; thân vô thường như bóng chớp, tuy có cũng như nhà mộng, hoa đốm giữa hư không. Vì mê vọng đêm ta nằm chiêm bao thấy những giấc mộng đẹp lạ lùng. Khi thức giấc dậy những cảnh đẹp ấy tan biến không còn nữa. Cũng như giữa trưa trời nắng gắt, ta nhìn ngoài bầu trời thấy toàn là hoa đốm giữa hư

không, do con mắt bị nhòa không nhìn thấy rõ cảnh sắc. Thân xác con người giả dối không thật cũng giống hết như vậy.

- Đời trước không cùng, kiếp sau nối tiếp. Kể từ vô thủy kiếp về trước không biết đâu là bờ mé biên cương, cũng như đời vị lai sau này sinh ra chỗ này chết chỗ kia tiếp tục mãi không ngừng. Vì từ vô thủy kiếp về trước là khoảng thời gian không có đầu mối nên nói vô cùng, và về sau vô chung không dứt nên gọi là vô tận. Chúng sanh bị nghiệp lực dẫn dắt đi đầu thai trong sáu nẻo luân hồi không bao giờ dứt, vừa dứt thân đời này lại nương gá thân khác không cùng tột bờ mé (biên tế mà thời gian trước gọi là tiền tế, thời gian về sau gọi là hậu tế).

Vậy muốn chấm dứt vòng oan nghiệt nhân duyên thì phải bứt tung xiềng xích phá dẹp vô minh: “nhứt tâm bất sanh, vạn pháp câu tức”. (Vọng tâm không sanh thì muôn pháp đều dứt).

- Sanh ở đây chết ở kia thặng trầm thống khổ. Con người hay mọi loài chúng sanh chìm nổi trôi lăn trong bến mê sanh tử không tự chủ được mình, sanh ra ở chỗ này chết chỗ kia thống khổ biết chừng nào. Do nghiệp lực thúc đẩy chi phối nên chưa mấy ai thoát khỏi, chỉ trừ bậc có tu hành mới hoán chuyển, cải đổi được nghiệp lực thôi. Chúng sanh hầu hết bị vòng sanh tử ràng buộc bức bách thống khổ đủ điều nên kinh Bát Đại Nhân Giác nói: “Sanh tử bì lao” (sống chết mỗi mệt); trong khi ở lời minh của Tổ thì gọi là “thặng trầm bì cực” (sống chết cực khổ) – thặng đồng nghĩa sống và trầm là chìm ngụp tức là chết vậy.

- Chấm dứt vòng nhân duyên: muốn chấm dứt vòng nhân duyên phải tận diệt vô minh tức hiểu rõ vô minh, như kinh Bát Nhã có dẫn câu quan trọng này: “Vô minh, diệt vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận”

(Không có vô minh, cũng không có hết vô minh; cho đến không lão tử, cũng không hết lão tử). Cái vòng tròn

không biết chỗ nào là đầu mối mà nhân duyên thứ nhất là vô minh và nhân duyên thứ mười hai là lão tử. Vô minh không thể tự nó có được mà phải do mười một nhân duyên kia giúp trợ lực nó hiện hữu. Và tất cả những nhân duyên khác cũng như vậy, không có cái nào tự nó hình thành cả mà phải do những nhân duyên khác trợ lực. Vì vậy trong mười hai nhân duyên, không có một nhân duyên nào có tự tánh của nó. Như kinh Bát Nhã nói thì, nếu không có vô minh, cũng không có hết vô minh, cần gì phải tận diệt vô minh?

Người tu hành phải luôn luôn quán chiếu tức là luôn luôn dùng trí tuệ Bát Nhã để thấy tường tận thể tánh các pháp vốn là không. Thể không đó là không sanh không diệt. Thấy được cái không sanh không diệt đó, tức là không phải sanh diệt, nó không phải không. Cái thấy theo sanh diệt, tức thấy theo sự tướng sanh diệt, thì cái thấy đó là sanh diệt. Một người nhập cuộc vào sanh diệt hẳn thành sanh diệt, mà còn sanh diệt là còn lẩn quẩn trong vòng luân hồi. Người tu, trái lại nhập cuộc vào cái không sanh diệt thì tự nhiên không sanh không diệt, là thoát khỏi vòng sanh tử.

Đó là lẽ tất nhiên không thể nào sai khác được, cũng có nghĩa là chấm dứt vòng nhân duyên chằng chịt từ trước tới nay.

Vô minh là do tâm động, niệm khởi nên vọng chấp có cảnh giới, nhân duyên thứ nhất hay tối sơ làm gốc khổ trong đường sanh tử, tập nhiễm các pháp, tăng trưởng thành sáu pháp: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến hay ác kiến.

1) Tham: tánh mê đắm, chiếm hữu.

2) Sân: tánh giận ghét, oán thù.

3) Si: tánh mê mờ sự lý các pháp.

4) Mạn: tánh ý mình hiếp người, khinh thường kẻ khác.

5) Nghi: tánh do dự không quyết đoán các ý chân thật.

6) Ác kiến hay bất chánh kiến: tánh so đo điên đảo cố

chấp kiến giải một chiều đối với các lý chân thật. Trong bất chánh kiến còn phân thành 5 lỗi kiến chấp khác nữa: chấp ta, chấp một bên, tà kiến, chấp giữ theo lối thành kiến, giữ giới cuồng tín theo lối ngoại đạo. Mười một món như trên là các món tùy phiền não, nó dính chặt theo ta khó cởi trút bỏ, và các món phiền não khác. Các món phiền não này do tâm phát khởi nên gọi là cội gốc (căn bản phiền não).

Vì do gốc mê mờ che lấp bản tánh chân như sáng suốt, không thể tỏ biết các pháp thế gian và xuất thế gian, nên gọi là vô minh. Nếu dứt vọng niệm thì tất cả phiền não (vô minh) và sanh tử đều dứt sạch, cho nên gọi chấm dứt vòng nhân duyên là vậy.

Kinh Lăng Già nói: tâm sanh thì muôn pháp đều sanh; tâm diệt thì muôn pháp đều diệt. Hễ tâm nhích một chút thì ngàn việc khác lại khởi ra, tâm diệt đi thì muôn pháp vắng lặng. Tâm nhiễm thì lục đạo, tứ sanh (thai, trứng, loài sanh nơi ẩm thấp, loài hóa sanh) đủ hết. Tâm không thì cảnh tịch, một màu thanh tịnh.

III. BÌNH LUẬN VÀ NHẬN XÉT

1) Khái niệm:

Ngay sau khi đức Phật thành đạo, Ngài cũng thành lập giáo đoàn. Giáo đoàn đầu tiên gồm có 1250 vị Tỳ Kheo, thuần túy là thành phần xuất gia: mỗi khi Phật đến thuyết pháp tại một nơi nào, các đại đệ tử thân cận Ngài hầu như đều có mặt. Trong các kinh điển có ghi lại điều này ở phần mở đầu xác minh phương danh và đoàn thể xuất gia khi Phật còn tại thế.

Kinh A Di Đà đoạn mở đầu nêu rõ như sau: “Nur thị ngã văn nhứt thời Phật tại Xá Vệ quốc, kỳ thọ Cấp Cô Độc Viên dữ đại tỳ kheo chúng, thiên nhị bá ngũ thập nhơn cu, giai thị đại A La Hán.” (Ta nghe như thế này, một thưở nọ Phật ở nước Xá Vệ nơi vườn Kỳ Đà của ông Cấp Cô Độc, cùng với chúng đại tỳ kheo là một nghìn hai trăm năm mươi người nhóm họp, đều là bậc đại A La Hán...). Hàng chúng đệ tử xuất gia theo Phật tăng dần theo như kinh Pháp Hoa thì có một vạn hai ngàn vị tỳ kheo (12,000 người) trong tăng đoàn. Kinh Niết Bàn đoạn mở đầu cũng có nói lúc bấy giờ đoàn thể xuất gia theo Phật lên đến tám mươi ức một trăm ngàn vị đại tỳ kheo bỏ tục học đạo xuất thế. Số chúng đệ tử xuất gia của Phật mỗi ngày một tăng Họ thuộc đủ mọi thành phần trong xã hội, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, từ hàng vương tôn công tử quý phái cho đến giới bình dân hạ tiện, hễ người nào phát tâm, Phật đều thu nhận vào đoàn thể xuất gia. Tuy nhiên, ngay từ thời Phật, phần nhiều chúng đệ tử xuất gia tinh tấn tu học bao nhiêu thì cũng có một thiểu số thoái chí ngay từ đầu bấy nhiêu, họ lui sụt tâm Bồ Đề trở lại với nếp sống thế tục. Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện thứ nhất, khi các thầy tỳ kheo nghe Phật giảng pháp Phương Tiện nhất thừa màu nhiệm nghĩa lý sâu xa, đã có 5000 vị xuất gia thoái tâm xin lui về, Phật thuận cho mà không

ngăn cản họ. Ngài dạy, thà các vị hành xử như vậy mà ta được an tâm hơn. Vì sao? Vì trong giáo pháp của Phật được tinh rặc không còn tạp nhơ, như lúa giống đã được sàng sảy kỹ lưỡng những hạt lép, sâu mọt... chỉ còn thuần hạt chắc. Trong giáo đoàn, những vị không kham nổi đạo vô thượng thà xã giới hoàn tục, trở lại làm người cư sĩ thuần túy hết lòng hộ đạo, còn hơn kẻ xuất gia gần Phật, học đạo xuất thế, thân tuy sống ở chùa mà tâm đầy nhiễm ô dục vọng theo như thế tục. Xem thế, chúng ta thấy rằng giáo đoàn hay sau này thành Giáo Hội, ở thời nào người tu cũng phải giữ gìn qui tắc kỷ luật cẩn thận. Người xuất gia mà chệnh mảng lơ là đạo nghiệp, vẫn tiếp tục ở chùa, là những phần tử “ẩn dương nương Phật”, nương thân ở chùa núp bóng Phật, gây ra tác hại cho Giáo Hội. Viết trong bài luận về người xuất gia, đăng trong báo Pháp Bảo vài năm trước, chúng tôi có nhận xét:

“... Một người tu mà tư cách và tâm niệm còn xấu xa, gây ra nhiều tội lỗi, là dấu hiệu đi xuống và đưa Phật giáo vào chỗ mặt lộ (con đường cùng). Lại nữa, người tín đồ phân đông kẻ hiểu đạo thì ít mà người tin đạo lại nhiều. Người xuất gia mà nếp sống đạo đức không khác gì người tín đồ hay có khi còn tệ hơn cả người tín đồ thì rất nguy cho đạo Phật... Người tu hành làm trợ duyên cần thiết cho người Phật tử tiến bước trên đường đạo.

Xuất gia là thoát ra khỏi nhà phiền não mà những phiền não căn bản tham muốn, đua đòi, sân si còn nặng nề chưa cởi bỏ bớt được thì, thân tuy xuất gia mà tâm còn vướng trong căn nhà dục nhiễm vậy” (Xuất là ra, gia là nhà; ra khỏi nhà thì đi đâu?)

Một người càng tham muốn nhiều là càng dục nhiễm, dục nhiễm càng sâu thì cố tình che đậy cho rằng người ngoài không ai biết, kẻ khác chẳng ai hay, tìm trăm phương ngàn kế bào chữa chạy tội hầu tránh lỗi lầm. Một người tu nếu không thành thật với chính mình thì không xứng đáng mặc pháp y của Phật. Vì tự lừa thầy, dối bạn, lợi

dụng Phật pháp và tự dối ngay với chính mình. Cái nhân gieo đã bị tỳ vết không khá, thì liệu cái quả có tốt đẹp được không? Hỏi tức là tự trả lời rồi vậy. Tục ngữ có câu: “Có ghê né ruồi” hay “có tật giật mình” là trường hợp này. Nhưng tại sao người ta lại sợ và che dấu tội lỗi? Vì phần nhiều con người có tánh hèn nhát, cố chấp, ích kỷ v.v... không thấy rõ chỗ tai hại của hành vi xấu ác do mình tạo tác. Nhưng luật nhân quả không bao giờ dung thứ kẻ ác tâm, cho dù người ta có lẩn trốn vào trong hang sâu, trên núi cao hay núp ở giữa đại dương... một khi quả báo đến kỳ là phải đối đầu thọ nhận, không thể san sẻ chia sẻ cho ai được cả. Mình làm mình chịu, dù chí thân như cha mẹ, anh em, vợ chồng cũng không ai có thể thay thế cho nhau được.

2) Thành phần giáo đoàn:

Giáo đoàn mang sứ mạng cao cả trong việc hoằng pháp lợi sanh đem lại phúc lợi cho nhân sinh, xây dựng con người tốt đẹp, cải tạo xã hội thuần thiện hoàn hảo. Vai trò trọng yếu ấy người tăng sĩ qua nhiều thời đại, quốc độ phải đảm trách, có thể một phần nào có thay đổi để phù hợp với hoàn cảnh và môi trường của từng giai đoạn. Theo như thiền kiến chúng tôi, giáo đoàn Phật giáo cận và hiện đại có phần nào thay đổi theo nhu cầu thời đại mà người tăng sĩ phải nhận lãnh thêm vai trò như trong lãnh vực kinh tế, y học, xã hội, v.v... Theo như nhận định trên thì giáo đoàn Phật Giáo hiện nay có ít nhất là 10 thành phần tăng sĩ đang đảm trách nhiều vai trò trong các xã hội Âu Mỹ để quảng bá tiếng pháp âm khác nhau của Phật đà được sâu rộng hơn vào trong quảng đại quần chúng ở khắp đông tây.

Giáo đoàn

Giáo đoàn Phật giáo gồm 10 thành phần tăng sĩ:

1. Trụ trì tăng: Những vị Tăng, Ni, Tỳ Kheo chuyên trách điều hành, đôn đốc phát triển Phật sự tại một ngôi

tự viện lớn hoặc nhỏ, tức là duy trì ngôi chùa đứng vững ở cả hai mặt đối nội và đối ngoại.

2. Hoằng pháp: Tăng, Ni có khả năng giảng diễn Phật pháp, cũng như khả năng sáng tác, trước tác, dịch thuật sách báo Phật giáo, truyền bá chánh pháp. Tổ chức những lớp học Phật pháp, phụ trách những khóa tu dài hạn hay ngắn hạn cho tín đồ.

3. Giáo thọ: Thành phần Tăng, Ni chuyên trách về giáo dục tại các trung tâm đào tạo tăng tài như Phật học viện, tông lâm, hay những tự viện lớn có lớp huấn luyện tăng ni trẻ để tiếp nối sứ mạng truyền bá Phật pháp.

4. Mật hạnh tăng: Những vị tăng chuyên tu đạo hạnh, không tiếp xúc với tín đồ, chỉ ở tại một nơi kín đáo như thiền thất, thảo am hay nơi núi sâu rừng vắng, chuyên việc trau dồi đạo hạnh.

5. Tiệp thế tăng: Những vị Tăng, Ni lăn xả vào đời lo việc hành chánh phụng tự đạo, giúp ích cho đời, bằng cách đem ứng dụng Phật pháp vào môi trường xã hội; kể cả những tăng sĩ ngành tuyên úy Phật giáo.

6. Khất sĩ: Những vị tăng sĩ phái Nam truyền Phật giáo thuộc Nguyên Thủy hay Theravada trên mình luôn luôn quần bộ y vàng, đi khất thực (xin thức ăn) để nuôi pháp thân huệ mạng, làm lợi lạc hữu tình.

7. Kinh thương tăng: Những vị tăng chuyên trách về kinh tế, thương mại cho tự viện tạo nguồn tài chánh cơ bản đều đặn cho công việc điều hành Phật sự.

8. Y dược tăng: Có một số các vị tăng theo học ngành y hoặc dược học, sau khi tốt nghiệp có thể trị bệnh cho thuốc cho bệnh nhân.

9. Ứng phú đạo tràng tăng: Những vị tăng có khả năng chuyên biệt nghi lễ Phật giáo chuyên việc tán tụng, làm đám, dâng đàn chẩn tế... cũng là một cách hoằng pháp rất cần thiết và hữu ích.

10. Chấp lao tăng: Có những vị tăng phát hạnh nguyện chuyên làm công quả phục vụ đại chúng trong các công tác lao động như làm vườn, gánh nước, bửa củi... như một người làm công quả ở chùa.

3) Vị thế của tăng đoàn trong bối cảnh xã hội: Xã hội nhìn chung có nhiều phức tạp, đa diện như trong thời buổi thanh bình hoặc ở giai đoạn đất nước lâm cảnh chiến tranh giặc giã, lòng người ly tán, nhân tâm đảo lộn, nhân quyền bị cưỡng đoạt... như xã hội Việt Nam hiện tại là một điển hình cụ thể, nên ở đây xin nêu ra hai điểm:

a) Điểm lợi: Xã hội lượng định được giá trị ưu việt của nhà mộ phạm, nhất là trong hoàn cảnh đất nước nhiễu nhương tao loạn, giặc giã chiến tranh tàn tương sát. Và ngay như ở thời buổi thanh bình sau cuộc chiến của Việt Nam, xã hội vẫn còn nằm trong tình trạng hỗn loạn, nhân tâm ly tán, vì chính sách cai trị độc tài hà khắc, áp bức của giới cầm quyền Cộng Sản, thì người tăng sĩ như chiếc phao nổi cuối cùng để người tín đồ làm điểm tựa, tin tưởng vào tương lai huy hoàng của đạo pháp và dân tộc.

Nhờ thời cuộc bất an sau đệ nhị thế chiến, những vị tăng sĩ tài ba ưu tú của Nhật Bản, Trung Quốc, Tây Tạng đã đem ánh sáng đạo từ bi ban rải khắp năm châu như các Ngài Thái Hư Đại Sư (1846-1959, Trung Quốc), Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966, Nhật Bản), The Dalai Lama (Tây Tạng); và cuộc chiến tranh Nam Bắc - Việt Nam (từ năm 1954-1975) cũng giúp Giáo Hội Phật giáo rất nhiều trong việc bồi dưỡng tăng tài ở môi trường ngoại quốc. Các Hòa Thượng Thích Thiên Ân (cơ sở hoạt động tại Hoa Kỳ), Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh (hiện đặt địa bàn hoạt động tại Pháp và Âu Châu) và hầu hết những vị tăng ni du học ngoại quốc từ năm 1955 đến 1975 hiện tại đang đảm trách những vai trò trọng yếu của Giáo Hội trong các tổ chức, cơ sở Phật Giáo Việt Nam hải ngoại ở rải rác khắp năm châu trên thế giới ngày nay. Từ sau năm

1975, theo chân đoàn người tỵ nạn, một số đáng kể các vị tăng ni ra nước ngoài học hỏi những kinh nghiệm quý báu trong việc hoằng pháp tại xứ người. Họ có nhiều khả năng ưu tú trong các ngành như y khoa, dược khoa, kinh tế, thương mại v.v... Cũng giúp Giáo Hội rất nhiều trong việc đối ngoại với các quốc gia Phật giáo láng giềng.

b) Điểm bất lợi: Ngoài những lợi điểm vừa nêu trên, Giáo Hội đang gặp phải bao nhiêu điểm bất lợi sau đây: thiếu nhân sự điều hành các công tác Phật sự rộng lớn, một số khá đông những tăng ni không thích hợp môi trường đã âm thầm hoàn tục, những thay đổi phong tục tập quán, tăng ni thiếu khả năng ngoại ngữ v.v... Đó là những trở ngại chính làm cho công cuộc phát triển Phật giáo Việt Nam hiện nay không lấy gì làm lạc quan lắm. Thành phần xuất gia trẻ thừa vắng trong các tự viện là dấu hiệu đi xuống của Phật giáo Việt Nam hải ngoại trong tương lai. Mặc dù trong những năm gần đây Giáo Hội tạo dựng được rất nhiều cơ sở, đoàn thể Phật giáo..., nhưng chúng ta chỉ mới có lượng mà chưa có phẩm. Nếu người ta chỉ nhìn mặt nổi thì Phật giáo Việt Nam ngày nay quả thật đã đạt được những kỳ công trong vòng 10 năm trở lại đây trong việc xây dựng và phát triển cơ sở. Nhưng trên thực tế, rồi đây 10, 20 năm sau chùa chiền không người trông coi, không ai đóng cửa!

Điều này quả thật đáng quan tâm cho tiền đồ của đạo pháp. Tại những quốc gia mà mọi thứ tự do đều được tôn trọng tối đa, đời sống vật chất sung mãn, người tu chịu ảnh hưởng không ít bởi nếp sống vật chất này, làm cho đời sống đạo hạnh của họ có phần nào bị lỏng lẻo, lui sụt. Trong số có một phần tăng ni trẻ khi đến định cư tại các quốc gia đệ tam có đầy đủ vật chất, đã không còn giữ được chiếc áo tu hành nữa mà lại xã giới hoàn tục (việc làm này có ảnh hưởng tới đoàn thể xuất gia ra sao, trong phần sau sẽ đề cập chi tiết). Trái lại, tại những quốc gia mà mọi thứ tự do bị đe dọa, cấm đoán, nhất là tự do tôn

giáo bị áp chế thì việc tín giáo của người tín hữu của cả tăng lẫn tục lại có đà gia tăng khác thường. Đời sống vật chất tại các tăng viện càng chật vật thiếu thốn, thì nhiều người càng phát tâm vào chùa tu. Thế mới biết rằng, ở đời hễ cái gì càng bị cấm đoán, răn đe người ta lại càng tìm tới thực nghiệm; trong khi cái gì để thả lỏng dễ dãi tự do thì hầu như ít có ai thêm ngó ngang gì tới. Tự do hưởng thụ vật chất tại những xứ tư bản, làm ảnh hưởng dây chuyền vô cùng tác hại đến đạo hạnh, niềm tin tôn giáo của một số tăng ni đến từ các quốc gia nông nghiệp, chậm tiến, đói nghèo vật chất, lâm cảnh khốn cùng không lối thoát.

Trong khi người Tây Phương đang chán ngán đảo điên muốn thoát ra khỏi cảnh hưởng thụ vật chất giả tạo thì một số người, trong đó có cả tăng ni, hăm hở đang bước vào hay đã bước vào và bị cuốn hút sâu trong đó.

4) Những vị tăng ni đã, đang và sẽ hoàn tục có ảnh hưởng ra sao đối với giáo đoàn Phật giáo?

Việc hoàn tục của người xuất gia không có gì sai trái cả. Ngay từ thời Phật còn tại thế, những đệ tử thiếu căn cơ không thể tiếp tục tu hành được, Phật vẫn chấp thuận cho họ hoàn tục. Trong kinh còn gọi người tu như hoa xoài trứng cá, có nghĩa là tỷ số người sống trọn vẹn cho lý tưởng đạo thật quả hiếm hoi, không được mấy người, cũng như hoa xoài trổ một lần không biết bao nhiêu hoa mà kết nụ thành quả thì chẳng được mấy trái; người tu cũng thế, người xuất gia có thể nói nhiều vô số mà khi ra làm việc đạo lại chẳng có mấy mống!

Lý do nào những tăng ni đã sống lâu năm ở chùa, khi đến định cư tại các nước Tây phương lại hoàn tục?

Người tăng sĩ trở lại nếp sống bình thường của người đời, không tiếp tục con đường đạo hạnh nữa, có nhiều khía cạnh khá phức tạp, không có một định lý hay mẫu số chung nào qui định rõ ràng cả. Tuy nhiên, theo chỗ chúng

tôi thiếu thì việc gì cũng có nguyên nhân, nếu không lừa làm sao có khói, phải không?

Những nguyên nhân xa và gần khiến người tu phải nhập lưu trở lại dòng đời triền phược thế nhân, tiềm tàng trong mỗi tâm niệm từng người. Những nhân tố ghi ra sau đây có thể không đúng hẳn tâm trạng một số vị tăng ni đã vì một nghịch duyên nào đó mà không thể tiếp tục được nữa con đường tu, mặc dù họ đã là những bậc Thượng Tọa, Đại Đức, Ni Sư, Sư Cô v.v... đảm nhận trọng trách quan trọng trong Giáo Hội, trong các tổ chức Phật giáo tại nhiều nơi khác nhau trên thế giới.

* Nguyên nhân xa: Có ít nhất à 10 nguyên nhân khiến người tu lui sụt tâm Bồ Đề. Đó là:

- Không tìm thấy thế giới thiên đường: thế giới thiên đường hay Cực Lạc có được khi tâm con người được an lạc. Một người đi tìm sự an lạc bên ngoài là kẻ thiếu thực tế, ảo tưởng, cho nên khi tiếp xúc đời sống cơ giới bon chen bận rộn tại các xã hội mới, một số tăng ni đắm chìm với bỏ cuộc.

- Xa thầy tổ, huynh đệ, gia đình: người tu theo đúng nghĩa, xuất gia là phải xuất tục. Nhưng trên thực tế, những vị tăng, ni cũng chỉ là kẻ học nghề, trừ bậc đã chứng thánh, còn hầu hết những phàm tăng đều vướng bận những tình cảm mà có nhiều người phải bỏ dở đường tu trở về nếp sinh hoạt bình thường, như hoàn cảnh Tăng, Ni Việt Nam hiện tại.

- Không thực hiện được lời hứa: số tăng si ra đi không nhiều như số còn ở lại. Ngày ra đi để từ biệt quê hương, các vị cứ nghĩ mình sẽ làm được công kia việc nọ làm hiển vinh thầy tổ, tông môn. Vì chưa nắm rõ môi trường sinh hoạt Phật sự tại ngoại quốc, một số vị hứa trước thầy và huynh đệ, cũng như gia đình, sẽ làm nên công trạng cho Phật giáo. Trong khi đó trên thực tế những công tác hoằng pháp lợi sanh phức tạp không như họ tưởng tượng

lúc còn ở bên nhà, nên đâm ra có mặc cảm và bỏ cuộc.

- Tùy duyên bị biến thái: khi ra đi một số Tăng Ni phải cải trang như người thường, sống chung đụng với người tín đồ; đôi lúc sơ hở lỗi lầm phạm giới. Khi gặp lại người quen các vị ấy có mặc cảm tội lỗi.

- Muốn tạo dựng cơ sở nhưng không thành công: một số rất ít quý vị Tăng Ni Việt Nam hiện có mặt ở ngoại quốc đã đạt được như ước nguyện tạo dựng cơ sở thành công trong những năm về trước. Trong khi còn biết bao nhiêu vị đến sau lập nên cơ sở tạm bợ đã bị đặt trong tình trạng hoạt động trái phép, bị lỗi xóm thừa kiện v.v... phải dời đi nơi này chỗ nọ. Muốn tạo dựng một cơ sở cố định lại vượt quá khả năng tài chánh. Đây cũng là một nghịch duyên chính khiến một số vị xuất gia chán nản bỏ cuộc.

- Ý hướng hoàn tục đã có sẵn chỉ chờ cơ hội thuận tiện: có thể ở trong xứ, hoàn cảnh không thuận tiện cho những vị có tâm trạng chán nản muốn hoàn tục, khi ra nước ngoài họ như điều gặp gió, tha hồ bay bổng đi xa.

- Niềm tin đạo của người tín đồ không thuần nhất: hồi còn bên nhà, những tín đồ bốn đạo qui tụ dân trong cùng một địa phương xúm xít với nhau hộ đạo giúp chùa. Khi đến định cư tại nước người sự thuần nhất ấy đã thay đổi, biến thái rất nhiều.

- Thế hệ trẻ, kể cả người ngoại quốc khó hóa độ: trừ những trẻ em sinh ra tại Việt Nam có học hết bậc tiểu học hay trung học, khi qua xứ người là còn giữ được ngôn ngữ, nếp sống bên nhà; còn hầu hết tuổi trẻ Việt Nam không nói được tiếng mẹ đẻ. Đây là cả một vấn đề phức tạp cho tương lai của Phật giáo không riêng Việt Nam mà chung cho Phật giáo các sắc tộc khác đang chớm nở tại các xã hội Tây phương. Vấn đề hướng dẫn người ngoại quốc hiểu đạo cũng là một việc cần đòi hỏi thời gian và nhân tài mà Giáo Hội thì hầu như ít quan tâm hơn người mình.

- Các thế lực chính trị xen vào tôn giáo: có thể nói tôn giáo bị lợi dụng bởi các nhà làm chính trị. Một số tu sĩ được đem lên bàn mổ phanh phui chửi bới, bị dư luận lên án nặng nề, làm cho các vị chùn bước không dám chường mặt.

- Con đường tương lai không lối thoát: trở lên là những nguyên nhân bất thuận lợi để người xuất gia đủ lý do từ bỏ con đường lý tưởng mình đang theo đuổi lâu nay để trở lại đời sống thế tục.

* Nguyên nhân gần: Một số những ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống đạo hạnh người tu do môi trường xã hội tạo nên như:

- Phong tục, tập quán: phong tục, tập quán hoàn toàn khác nhau giữa các dân tộc. Sự khác nhau này có số người đâm ra khó chịu, nếu không nói có sự xung đột về mặt tư tưởng.

- Cơ sở, tổ chức đã thành hình: có những nơi người Phật tử tại gia vận động thành lập tổ chức, cơ sở Phật giáo, mời các vị tăng ni đến trụ trì, hoạt động Phật sự. Nếu ban Điều Hành chùa là những Phật tử thuần thành hiểu đạo, các thầy biết tế nhị và tâm lý thì không có việc gì xảy ra cả. Còn hầu hết trường hợp những ngôi chùa lập ra như vừa nói, quý vị xuất gia đều xách gói ra đi nơi khác hay hoàn tục...

- Đời sống vật chất chi phối mạnh mẽ: có thể nói đời sống tiện nghi vật chất tại các xã hội, cá nhân hưởng thụ Tây phương có sức lôi cuốn, thu hút con người mạnh mẽ như chất nam châm. Đó là nguyên nhân chính làm cho một số tăng ni sa ngã, chạy theo danh lợi vật chất.

- Món nợ vượt biên: khi ra đi có thể có số tăng ni phải vay nợ số tiền hay vàng ngọc có thời gian phải hoàn trả. Ở chùa không làm gì ra tiền trả nợ nên phải cởi áo tu ra đời làm việc để thanh toán món nợ vượt biên này.

- Giúp đỡ gia đình còn kẹt lại Việt Nam: trường hợp có

cha mẹ già yếu, anh em còn nhỏ không ai nuôi dưỡng, mặc dù là người tu, vì hiếu phải hy sinh đời tu sĩ, hoàn tục đi làm việc để có tiền chi cấp gia đình mỗi tháng.

- Đảm nhận công việc không phù hợp khả năng: ở bên nhà có nhiều tăng sĩ, người này không thích hợp việc này, người khác có thể gánh vác thay thế. Trong khi tại hải ngoại do thiếu nhân sự, một tăng sĩ thay vì có khả năng diễn giảng lại phải lo công việc hành chánh, trụ trì... tức gây thêm khó khăn cho việc hành đạo nên rất dễ chán nản.

- Bất mãn nếp sống tăng viện: công việc chùa quá bận rộn, như phần trên vừa nói số tăng ni hiện tại thuộc các cộng đồng sắc tộc không đủ để đảm trách công việc hoằng dương Phật pháp, nhiều lúc một số tăng sĩ phải làm nhiều việc khác nhau. Thì giờ của họ thật quá eo hẹp, không có giờ rảnh rỗi nên rất vất vả trong công việc Phật sự. Thí dụ: ngôi chùa chỉ có một vị tăng nhiều việc phải làm như: lễ lộc cầu an, cầu siêu, tiếp dẫn linh, tiếp khách, điện thoại, quét dọn, lo việc cơm nước, sổ sách, giấy tờ, văn thơ v.v... Nói khác hơn, cũng từng ấy công việc cần ít ra hai người lo mới chu đáo thì thực tế hiện nay ở các chùa Việt hải ngoại chỉ một người trông coi. Đây cũng lại là nguyên nhân quan trọng khác khiến có số tăng ni không kham nổi, phải chùn bước bỏ cuộc. Hoặc họ bị thầy bạn xử tệ đâm ra bất mãn bỏ chùa.

- Khả năng ngoại ngữ: đọc hiểu, nói được các ngôn ngữ như tiếng Anh, hay Pháp là điều cần thiết đối với nhà tu trong hoàn cảnh của xã hội tân tiến đòi hỏi. Nếu thiếu khả năng ngoại ngữ, công việc làm đạo bị trở ngại khó khăn. Có những vị tăng ni, tới các quốc gia định cư cảm thấy mình yếu kém về sinh ngữ cũng dễ chán nản trước thực tế cuộc sống.

- Thiếu nguồn an ủi cần thiết: Tục ngữ nói: “ăn cơm có canh, tu hành có bạn”, bạn ở đây là bạn đạo, là tình huynh

đệ pháp hữu âm cúng đông đảo như nếp sống tăng viện trước đây, nay không còn nữa. Các vị cảm thấy trợ trợ và xa lạ trong môi trường và hoàn cảnh của xã hội mới nhất là trong lúc ốm đau, vị tăng thiếu người săn sóc, tâm sự.

- Mặc cảm thua kém: đây là nguyên nhân dễ làm người tăng sĩ chán nản không muốn tiếp tục cuộc sống tu hành nữa, khi cảm thấy mình thua kém mọi mặt trong xã hội. Trong khi tuổi mỗi ngày một lớn, nhìn lui lại quá khứ chưa làm được một thành tích gì, còn nhìn tới hướng tương lai thì không có gì bảo đảm cả, nên các vị y đâm thất vọng và hối tiếc quãng đường đã chọn theo ý tưởng bấy lâu.

Trong khi một số tăng ni khác nhận thấy những yếu kém của mình vẫn không đủ can đảm cởi áo, từ bỏ nếp sống tu hành mà vẫn tiếp tục sống ở chùa và đảm trách công tác Phật sự, thì không tránh khỏi bê tha giải đãi. Đạo hạnh kém, Phật pháp còn nông cạn, người tăng sĩ có ra làm đạo cũng chỉ gượng ép như trái chưa già bị ép chín. Vì thế, lời Văn Cảnh Sách, ở thời nào mà tăng ni còn bê tha, vẫn còn hiệu dụng hơn bao giờ hết. Ở lãnh vực của đời sống thế thường hay đời sống đạo hạnh thì không sao tránh khỏi những kẽ hở mà kẽ yếu kém đạo đức thường lợi dụng những kẽ hở đó chun qua để gây ra những lỗi lầm sai quấy. Những nhà tu hành là người biết qui luật không những của đời sống phàm tình mà còn biết luật nhân quả hơn ai hết. Tại sao đã biết luật họ vẫn gây ra lỗi lầm, xấu ác?

Ở đây tôi nhận xét riêng những vị tu xuất (hoàn tục) về mấy điểm này:

Những người tu xuất đối với chùa chiền và Giáo Hội: 50 phần trăm từ già không lui tới chùa nữa, dù là những dịp lễ lớn. Vì đa phần trong số họ đã mất niềm tin nên có tư tưởng chống đối chùa hoặc Giáo Hội công khai hay âm thầm; 40 phần trăm nhiệt tâm ủng hộ trong các công

việc Phật sự, vì họ còn nhớ ơn Thầy Tổ, nghĩ tới nợ áo cơm của thí chủ, kiếp này phải dốc lòng lo đền trả cho xong; 10 phần trăm số còn lại thỉnh thoảng có trở lại chùa, nhưng tiêu cực không muốn làm gì cả, hoặc giả họ có giúp chùa cũng làm chiếu lệ, làm cho có, kết quả ra sao không cần biết. So ra, thành phần thứ ba có phần nào đỡ hơn thành phần thứ nhất. Vì dù sao họ vẫn còn một chút liên hệ tới nếp sống đạo.

Người xuất gia phải là người hảo tâm có lựa chọn mới được. Thế nào là người hảo tâm xuất gia?

Người hảo tâm xuất gia là người có cân nhắc kỹ lưỡng giữa hai lối sống: đời - đạo; trước khi vào chùa tu, phải hội đủ những điều sau:

- Không bị thế lực vua ép buộc.
- Chẳng vị tham cầu mạng sống.
- Chẳng phải đi lánh nạn mà vào chùa tu.
- Chẳng phải do mắc nợ người bỏ đi tu.
- Không vì bệnh hoạn, thất tình mà tu.
- Vì mong cầu chánh pháp.
- Phát tâm chánh tín mà vào đạo.
- Vì muốn thoát ly sanh tử luân hồi.
- Cầu dốc lòng giữ gìn đạo hạnh theo lời Phật dạy.
- Giới là phao nổi đưa người qua biển khổ (chuỗi ngọc trang nghiêm pháp thân) nên phải tuân giữ cẩn thận.

Ngoài ra, người xuất gia phải nương tựa thầy sáng bạn hiền như trong phần luận trên đây nhiều lần nhắc nhở. Trong sách “Xã Duyên” có đoạn nhận định rằng: “Thầy tà, bạn ác sợ như cọp sói; bạn lành thầy hay gần như cha mẹ”. Trong kinh “Nhân Quả” nói rằng, bạn lành giúp ta ba việc:

- 1) Thấy ta có lỗi, liền can gián.
- 2) Thấy ta có việc tốt bèn sanh lòng hoan hỷ.

3) Lúc ta mắc nạn khổ, bạn không bỏ rơi ta.

Bạn lành là một trợ duyên cần thiết cho ta trong việc tu niệm. Thầy sáng hay minh sư là hoa tiêu dẫn đường đi đúng hướng không đi lệch, sai đích mà đến được nơi chốn bình an. Có thể nói thầy và bạn là hai trụ cột giúp ta đắc lực từ đời sống tu hành đến đạo hạnh. Ân sư và thiện hữu là một ân đức lớn mà người tu phải nhớ nghĩ đền đáp xứng đáng.

Muốn báo đền ân đức, không những chỉ ân thầy bạn mà người tu còn mang ân nặng khác là ân cha mẹ, ân chúng sanh và ân Tam Bảo, chỉ có cách là nhẫn nại tu hành, cho xứng đáng là con của Phật, là trưởng tử của Như Lai. Một người xuất gia học đạo xuất thế phải quyết tâm thực hành được ba đức tánh này:

1) Thành thật: thành thật là đức tánh quan trọng hàng đầu mà người tu hành mô phạm không thể bỏ qua. Thành thật với chính mình và thành thật với mọi người. Xưa nay chúng ta chỉ nghe nói thành thật với người khác mà có thể chưa nghe tới thành thật với chính mình. Đức tánh thành thật với tha nhân đã khó mà thành thật với chính mình lại còn khó hơn. Có nhiều khi do tự hào, ỷ thế, nương vào quyền uy, chức vị, nên người ta tự dối mình. Cái nhân không thành thật là ngòi nguyên tử tác hại vô cùng to lớn, không những giết chết một thế hệ hiện tại mà còn tàn sát luôn cả nhiều thế hệ mai sau. Tại sao, người ta thiếu thành thật? Do tham lam, ích kỷ và có thể vì sợ hãi... khiến cho ta thành kẻ hung thủ gian dối - thiếu thành thật - thì không xứng đáng làm người ở đời. Là bậc thầy lãnh đạo, người Tăng sĩ phải làm gương mẫu để mọi người noi theo về tác phong đạo đức mà trong đó có đức tánh thành thật. “Người tu có thành thật với chính mình mới xứng đáng là người có tác phong lãnh đạo tinh thần cho người Phật tử. Giới lãnh đạo Phật giáo nói chung, đặc biệt là tăng sĩ, những người phải biết sửa đổi sai lầm để cầu tiến tu, gạt

bỏ những ý niệm bất thiện để kiểm soát hành vi, tư tưởng. Khi gặp sự chống đối, người tăng sĩ cần phải khắc phục mọi nghịch cảnh khó khăn, tìm ra nguyên nhân, cách giải quyết tốt đẹp khéo léo trong tinh thần từ bi rộng lượng. Không nên chán nản, co rút lại, lui về nơi hẻo lánh ẩn tu để tránh quần chúng, trong sự im lặng phó mặc...”

(Những đóng góp của Hội PGVN/NSW: 1979 - 1989, tr. 229, Pháp Bảo xb. 1989 T. Bảo Lạc).

2) Tha thứ: tha thứ là một đức tánh bao dung độ lượng khác. Trái lại đức tánh vừa nêu trên, ta chỉ nên tha thứ người, chớ nên tự tha thứ cho mình. Tại sao? Vì tự tha thứ cho mình là giúp thêm dao mác cho giặc sát hại mình nhanh hơn, làm tăng trưởng niệm ác trong sự cố ý bao che lỗi lầm xấu ác.

“Thế gian thời lông tìm vết này chỉ muốn trưng bày khuyết điểm và lỗi lầm của ta. Còn bao nhiêu tánh tốt thì dấu nhẹm...”

“... Mỗi khi bị hiểu lầm và bị người ta vô tình hay cố ý, truyền rao một cách bất công, ta nên sáng suốt suy nghĩ, hay nói như Epic-tetus đã khuyên: “May quá, người ta không quen mình nhiều, và chỉ biết mình sơ sài, nên chỉ nói xấu mình bấy nhiêu. Nếu người ta biết mình nhiều hơn, chắc mình còn bị chỉ trích nhiều hơn nữa”.

“... Không cần phung phí thì giờ vô ích để sửa sai những lời đồn đãi sai lạc, nếu hoàn cảnh không bắt buộc ta phải làm sáng tỏ vấn đề. Kẻ thù nghịch sẽ lấy làm thỏa thích mà thấy ta bực bội vì lời nói của họ. Đó chính là điều mà họ mong muốn. Nếu ta nhẫn nại, lời vu oan sẽ tan biến vào quên lãng”.

“... Để thấy lỗi lầm của người khác, ta phải làm như người mù. Để nghe lời chỉ trích người khác, ta phải làm như người điếc. Để nói xấu người khác, ta phải làm như người câm.

Không thể chấm dứt những lời buộc tội, những lời tường thuật hay đồn đãi sai lầm.

Thế gian đầy chông gai và đá nhọn. Ta không thể dẹp sạch gai và đá. Nhưng nếu phải đi trên đó bất kể những trở ngại thì, thay vì dòi gai và đá - chuyện mà ta không thể làm - tốt hơn ta nên mang một đôi giày và thận trọng đi từng bước. Chúng ta sẽ được an toàn”.

(Những bước thăng trầm (Eight Worldly Conditions của Nārada Maha Thera), Phạm Kim Khánh dịch, các trang 14, 15, 16, Pháp Bảo ấn tống 1983).

3) Thương yêu hay lòng từ bi cứu giúp người và vật là đức tánh vô cùng cao thượng mà người xuất gia không thể nào thiếu được. Một người tu thiếu lòng thương yêu bao dung rộng lượng đối với mọi người, mọi vật thì không thể thực hiện được hạnh nguyện lợi tha theo tinh thần vị tha của Phật giáo.

“... Một khi ánh sáng Phật pháp giúp ta nhận thức mọi vấn đề nguyên ủy của đời người rồi, thì động cơ hoạt động của ta đều xuất phát từ tình thương chân thật, từ sự hiểu biết chín chắn khách quan, cởi mở, vị tha và hòa đồng. Từ bản vị hòa đồng đó, tình thương vượt thoát càng vươn cao, triển khai và lan rộng” (T.T. Thích Tịnh Từ, Một Hội Phật Giáo Việt Nam hải ngoại, 1983)

Thương yêu hay tình thương là nguồn an ủi vô biên của chúng sanh đang đau khổ cần đến, là nước cam lồ mát rượi để những người đang bị lửa trần gian thiêu đốt, gội nhuần, tắm mát.

“... Song phải là tình thương hoàn toàn vị tha, không một chút vị kỷ. Nếu là tình thương vị kỷ, chẳng những không làm vơi được nỗi khổ của chúng sanh, trái lại còn chìm sâu họ chìm trong biển khổ. Tình thương vị tha vô biên không giới hạn, tràn ngập mọi loài, chan hòa trong muôn loại. Người mang tình thương này chan rải cho chúng sanh, quả là một từ mẫu đang săn sóc bầy con dại. Bao

nhiều khổ đau, mọi điều ách nạn vừa gặp tình thương này, đều tan biến...”

“... Muốn phát tâm từ bi, chúng ta phải tập cảm thông với mọi người. Thấy người khổ, cảm như mình bị khổ, nỗi khổ của người xem như nỗi khổ của chính mình. Dùng mọi khả năng sẵn có để giúp khổ cho người, cũng như tiêu diệt khổ của chính bản thân mình. Người hết khổ là chúng ta hết khổ, không cần một đòi hỏi nào, ngoài sự hết khổ của người. Đã xem cái khổ của người như của mình, nên nhiệt tình, sốt sắng cứu giúp mà không có điều kiện. Người khỏi khổ là mình an vui, không có một hậu ý nào đối với người mình cứu giúp. Nếu có hậu ý là chỉ mong đem lại cho họ sự an vui vĩnh cửu. Thấy người vui cũng như chính mình được vui. Những cái vui của mình sẵn sàng chia sẻ với người, bằng cách giải bày, chia sẻ, bằng cách mong mỏi chia sẻ với nhau cùng chung vui mới thật hạnh phúc chân thật tràn gian. Chúng ta phải thấy cái vui của mình là cái vui của mọi người. Cùng khổ, cùng vui mới là tình thương chan hòa tràn ngập. Chỉ biết cái vui khổ riêng mình là tự đóng khung trong một nhà giam chật hẹp, kẻ ấy suốt đời không bao giờ biết vui. Chúng ta phải trải lòng mình hòa nhịp với mọi con tim, chứa chan tình thương không bến hạn. Bởi cảm thông nhau trên nỗi khổ vui, chúng ta mới có nhiệt tình tích cực cùng sốt khổ chia vui. Mọi bức tường ngăn cách giữa bản ngã con người, chúng ta mạnh dạn đập đổ cho sự cảm thông không bị hạn cuộc. Thông cảm được sự khổ vui của mọi người, chúng ta phát tâm từ bi...” (Mới vào cổng chùa, các trang 68, 69, 70. Chùa Khánh Anh - Pháp, ấn tống năm 1983?, T.T. Thích Thanh Từ).

IV. KẾT LUẬN:

Người xuất gia chân chính không dễ bị chi phối bởi những đợt sóng bủa giăng của thế gian như sống - chết, yêu - ghét, buồn - vui, giàu - nghèo, đẹp - xấu, mạnh khỏe - ốm đau, quyền uy - cô thế, khen - chê, bạn - thù, có học - thất học... để nhờ đó đời sống nội tâm được dồi dào phong phú. Chúng ta những người tầm thường là những phàm ngã ưa tranh chấp: lợi - hại, hơn - thua, được - mất, danh dự - gièm pha, thắng - bại, nể phục - khinh khi... nên lúc nào ta cũng cố tranh đấu để vun bồi cái NGÃ trở nên vĩ đại, bề thế; cho đến một ngày kia, khó có người nào búng nổi góc rãnh đã bám sâu trong vùng đất tâm thức. Một người lúc sống chẳng chịu lo tu, không chịu săn sóc đời sống tinh thần thì dù thân xác còn mà như cái xác không hồn, ích gì? Không thể để cho việc ác xảy ra mới hối hận, sửa sai, như thế cũng chẳng khác nào đợi cháy nhà mới lo cứu chữa, thì gia tài, của cải, nói chung là sự sản đã trở thành tro bụi theo mây khói. Phải ngăn chặn điều ác trước khi chúng phát sinh (chư ác mạc tác) hay như pháp “Tứ chánh cần” dạy: điều ác chưa sanh, đừng cho sanh, việc ác đã sanh khiến tiêu diệt; điều thiện chưa sanh khiến phát sanh, điều thiện đã sanh, làm cho phát triển.

Người xuất gia không nên chạy theo những ảo ảnh của đời sống trong hơn - thua, thắng - bại để không bị điêu đứng, khổ sở. Người xuất gia còn vướng mắc bận tâm lo nghĩ tới khía cạnh vật chất trong vòng đời dài như người thế tục, thì thời giờ đâu lo cho đời sống tâm linh?

Đức Phật là một bậc đại lương y, ứng bệnh cho thuốc khắp hết mọi loài chúng sanh. Vì thấy được chỗ ưa đắm của chúng đệ tử xuất gia, Ngài khuyên các vị tỳ kheo mười điều nên tránh:

- 1) Không được trao đổi, buôn bán.
- 2) Không nên chứa giữ ruộng vườn.
- 3) Không nuôi đầy tớ, người giúp việc, loài súc sanh.

- 4) Không trồng trọt cây cối.
- 5) Phải xa lánh của báu.
- 6) Không được đốn chặt cây cỏ.
- 7) Chớ đào bới đất đai, khai thông cống rãnh.
- 8) Đừng có pha chế thuốc thang.
- 9) Đừng xem thiên văn, địa lý hay xem sao hạn, tốt xấu v.v...
- 10) Không tiên đoán (prophecy) việc thanh suy, coi quẻ tốt xấu, độn bảm số tử vi v.v...

Tại sao người tu không làm (Kinh Di Giáo) mười việc đó? Vì đó là những cách kiếm sống của người đời, không phải của người xuất gia học đạo xuất thế. Người tu sống bằng cách nào? Họ có mười lời sống giản dị như:

- 1) Tiết chế việc ăn uống và phải đúng thời khắc.
- 2) Sống một đời đạm bạc, không tham đắm.
- 3) Không tham dự đua chen vào việc đời như đi sứ, thông tin v.v...
- 4) Không luyện bùa, niệm chú, bào chế thuốc tiên.
- 5) Không giao thiệp người giàu có, kẻ thế lực và tránh xa những bạn bè lả lơi.
- 6) Nhiếp tâm chánh niệm cầu giải thoát.
- 7) Không được che dấu tội lỗi.
- 8) Không nên khoe tài thuật lạ làm mê hoặc người.
- 9) Nhận sự cúng dường phải biết vừa đủ.
- 10) Không chứa giữ của cải nhiều.

Người tu sống thanh đạm giản dị như thế, cộng thêm những đức tánh thành thật, tha thứ, thương yêu, không tham tiền của, không mê sắc đẹp... là đã tiến xa trên đường giác ngộ. Chính mình làm gương kẻ khác, chứ không để người cầm gương mình soi sáng. Được như thế tức là tự răn nhắc mình, mà không cần lời Văn Cảnh Sách nào khác nữa.

Tóm lại, người xuất gia giữ tròn đạo hạnh, là giữ gìn giới luật cẩn thận đừng để trái phạm, ấy là bước thứ nhất. Khắc phục mọi khó khăn nghịch cảnh để tiến lên là bước thứ hai. Nuôi dưỡng những đức tính khiêm cung hòa nhã với mọi người trong tinh thần lục hòa là bước thứ ba. Và tận lực tu học, phụng sự đạo không để luống phí thì giờ là đền trả trọn vẹn bốn ân sâu nặng, xứng đáng mặc chiếc áo nhà tu, làm rường cột trong ngôi nhà Phật giáo.

Viết xong ngày 4/6/91 (22 tháng 4 Tân Mùi)

Thích Bảo Lạc

CHÚ THÍCH:

(1) *Tỳ kheo*: Người nam tử xuất gia thọ 250 giới, còn gọi là *cụ túc giới* (giới đầy đủ), tuổi đời phải đủ 20. Tiếng Phạn là *Bhikṣu*, người từ bỏ gia đình sống hòa hợp theo tăng đoàn để truyền bá Phật pháp.

(2) *Tam thường*: Ba việc thường ngày không thể thiếu được. Đó là việc ăn uống, quần áo và ngủ nghỉ.

(3) *Ưu Bà Tắc*: Người nam Phật tử đã phát nguyện quy y Tam Bảo và thọ giữ năm giới cấm.

(4) *Ưu Bà Di*: Người nữ Phật tử đã phát nguyện quy y Tam Bảo và thọ giữ năm giới cấm.

(5) *Năm món dục lạc*: Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ kéo lôi con người đắm say không rời bỏ.

(6) *Tín chủ*: Người tín đồ đem vật thực tức là đồ ăn, thức mặc, vật dụng cần thiết cúng vào chùa để tạo phước lành.

(7) *Ba cõi*: *Cõi dục*: Cõi chúng ta đang sống, con người phần nhiều tham đắm dục lạc; *cõi sắc*: cõi của tiên nơn, ở đó phần đông người đều có tướng tốt đẹp khác thường; *cõi vô sắc*: cõi trời, tuy hưởng phước dồi dào, nhưng các chúng sanh ở đây, vẫn bị đọa lạc một khi hết phước báu.

(8) *Ba nghìn oai nghi*: Căn cứ vào 250 giới. Trong 4 oai nghi mỗi một cách có 250 oai nghi vi tế, cộng chung lại của cả bốn thành 1,000 oai nghi. Số một nghìn này đem nhân cho ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai thành 3,000 oai nghi. Đem 3,000 oai nghi nhân lên bảy chi tội (tức 3 nghiệp của thân, 4 nghiệp của miệng): $3,000 \times 7 = 21,000$. Đem 21,000 oai nghi nhân cho 4 món phiền não (tham, sân, si, đảng phân): $21,000 \times 4 = 84,000$ tế hạnh.

(9) Tám vạn bốn nghìn trần lao phiền não: Lấy 3 món tham, sân, si và đặng phần. Trong bốn món này mỗi một món có đủ $21,000 \times 4 = 84,000$ trần lao phiền não.

Đức Phật thuyết 84,000 pháp môn để đối trị với 84,000 trần lao phiền não như trong Kinh điển đã dẫn.

(10) Giáo lý: Những lời Đức Phật dạy bao gồm trong 12 bộ hay 12 phần giáo sau đây:

1. Trường hàng: Những đoạn kinh thuộc văn xuôi diễn tả mạch lạc, rành rẽ mọi sự việc của Phật nói ra cho người nghe.

2. Trùng tụng: Những bài văn vần “kệ, tụng”, lập lại ý nói của văn xuôi trên.

3. Cô khởi: Những bài kệ, tụng độc lập, riêng ý, không lập lại ý của đoạn văn xuôi trên.

4. Thọ ký: Trao quyền cho bằng ấn chứng, tâm niệm. Đệ tử nào đã đủ khả năng giác ngộ, tỏ được Phật tánh, thì được Đức Phật tuyên cho tâm ấn để thành Phật trong tương lai.

5. Tự thuyết: Kinh không người thưa hỏi, Đức Phật tự thuyết ra như Kinh Pháp Hoa, Kinh Di Đà...

6. Nhân duyên: Nói về nhân duyên chư Phật giáng trần, thuyết pháp, độ sanh, cõi nước, chúng hội v.v...

7. Thí dụ: Phật dùng những thí dụ cụ thể dẫn dắt chúng sanh vào Phật trí, như nhà lửa để chỉ các cõi nung nấu như đang thiêu đốt mọi loài chết ngộp trong đó, bọt nước, lặn chớp, giọt sương... chỉ sự vô thường của mọi vật

8. Bốn sự: Nói việc thế giới, từ kiếp quá khứ của các Đức Phật, như Kinh Pháp Hoa, về cõi nước của Phật Đại Thông Trí Thắng...

9. Bốn sanh: Nói về sự tích thọ sanh kiếp trước của các bậc Thánh xuất thế.

10. Phương quảng: Nói nghĩa trung đạo như Kinh Pháp

Hoa để chỉ bày thật tướng của pháp trung đạo.

11. *Vị tăng hữu: Chưa từng có (nói). Pháp ly kỳ nhưt, Phật thị hiện sự lạ lùng nhưt, khiến chúng hội lấy làm lạ kỳ như chưa từng có.*

12. *Luận nghị: Phật vấn đáp với các đệ tử bằng những lời đáp tường tận về những lời Phật dạy.*

(11) *Thúc liễm: Bó buộc hay thắt cột chặt lại, chỉ người tu giữ gìn giới luật tinh tấn.*

(12) *Bà la môn: Là người thế tục, một trong bốn giai cấp của Ấn Độ thời xưa và ngay cả bây giờ. Người Bà la môn chỉ luận tuổi cao, chớ không trọng đức hạnh, nên không tỏ lòng cung kính các bậc: Thượng, Trung, Hạ tọa, mà hễ ai đến trước thì ngồi trước. Ai đến sau ngồi sau, chẳng kể tôn ti trật tự chi cả. Bởi vì họ không thúc liễm thân tâm (những nhà tu lều láo) nên giống hệt bọn Bà la môn kia không khác.*

(13) *Hành trì: Thực hành rồi ứng dụng vào trong đời sống mỗi ngày những lời Phật dạy để được lợi lạc bây giờ và về sau. Ở đây phải nói cho đủ là thực hành giáo pháp của Phật dạy từ thấp đến cao, tùy theo tâm niệm căn cơ mỗi người mà áp dụng sao cho thích hợp mới có sự thoải mái an lạc.*

(14) *Thô tháo: Thiếu tế nhị, lượm thượm lăn xăn, vón vác như khi, ngựa để chỉ tâm tánh thô lỗ của người tu không lấy giới luật răn dè, nên tâm trần dễ khởi, không việc ác nào chẳng mắc, không một niệm xấu nào chẳng nhiễm.*

Phụ:

Sơn tăng: Lời tự xưng của kẻ cao ngạo tự cho rằng ta đây ở chùa to, chỉ biết một chuyện làm lớn, đâu có chịu dòm tới những việc oai nghi tế hạnh trong Kinh luật. Chử Sơn tăng cũng còn có nghĩa là thầy tu kỳ, ưa ở chỗ vắng vẻ, xa lánh nơi ồn ào. Người đời nên dè dặt cẩn thận chớ để bị làm.

(15) *Điển chương*: Kinh, luật hay nói chung là giới pháp Phật dạy.

(16) *Hậu sinh*: Kẻ sinh ra đời sau, lớp đàn em đến sau mình. Tục ngữ có câu: hậu sinh khả úy (kẻ sinh sau đáng sợ) tức là những lớp đàn em mà có nhiều tài năng lỗi lạc, xuất chúng đáng làm rạng mặt bậc cha ông, lớp đàn anh.

(17) *Nghiệp*: Hành vi tạo tác có thiện có ác, do con người tạo trong kiếp trước. Kiếp này có người giàu sang vinh hiển, kẻ nghèo khó bán chạt, thiếu thốn đủ điều; có người tướng tốt đoan trang, kẻ xấu xí què quặt, thân thể không vẹn toàn. Thấy đó chúng ta cho là kẻ kém may mắn, người mạng vận rủi. Thật ra, tất cả đều do ba nghiệp: thân, miệng, ý chính mình tạo ra cả.

(18) *Vô thường (Impermanent)*: Là trạng thái biến đổi không ngừng ở hai mặt tâm, sinh lý; tinh thần và vật chất, sinh động vật, không gian và thời gian như sáng, trưa, chiều, tối trong một ngày hay một đời người từ bé, xuân, già, chết.

Trong thế gian này, tất cả pháp hữu vi đều bị định luật vô thường chi phối.

“... Nhứt thiết hữu vi pháp
 Như mộng huyễn, bào ảnh...”
 (Tất cả các pháp hữu vi
 Như mộng, huyễn, như bọt, bóng...)

a) *Sát na vô thường*: Phút chốc biến đổi qua bốn giai đoạn sanh, tử, dị, diệt hay thành, trụ, hoại, không, biến hóa mãi mãi.

b) *Tương tục vô thường*: Trong một kỳ hạn như thời tiết bốn mùa, ngày tháng, năm hay một đời người bốn trạng thái trên nối tiếp nhau biến hiện mãi mãi (xem chú thích đã dẫn trước).

(19) Niệm niệm: Mỗi niệm, mỗi niệm, cứ tiếp nối nhau mãi không bao giờ dứt hay dừng nghỉ. Vì thế người tu phải tập tĩnh tâm để quán chiếu tự nội cho những mối duyên trói buộc này dứt, tức được rãnh nghiệp không bám víu, trù mến vào vật chất nhiều để tâm tư nhẹ nhàng giải thoát.

(20) Ba cõi (đã giải thích): Ở đây dịch chữ tam hữu: ba cõi có chúng sanh nương ở. Nhân và thiên trong ba cõi mà không nói cõi sắc ở giữa ta phải hiểu như thế. Vì cả ba đều còn trong vòng sanh tử và bị nghiệp lực dẫn dắt đi đâu thai sau khi xả báo thân ở đời.

(21) Kiếp: Chữ kiếp thường dùng để chỉ kiếp sống con người, tức khoảng thời gian lâu dài chúng ta không biết được đích xác là bao nhiêu năm. Nhưng theo sự đo lường của khoa học hiện đại đã cho một con số rõ ràng về kiếp như sau: thế giới thành hình và hoại diệt luôn luôn xoay chuyển không ngừng. Mỗi một thế giới đều trải qua bốn thời kỳ: thành, trụ, hoại, không hay thành hình, tồn tại trong một thời gian, thay đổi và tiêu diệt. Mỗi thời kỳ đều có 20 tiểu kiếp. Mỗi tiểu kiếp là 16.000.000 năm. Chữ kiếp, tiếng Phạn là Calpa (Kiếp pa), Tàu dịch là thời phân tức việc phân chia ranh giới thời gian. Về ranh giới của thời gian có hai trường hợp: đại thời và trường thời. Kiếp thành là thời kỳ thế giới thành lập. Kiếp trụ là sau khi thế giới đã thành hình và có các loài hữu tình chung sống lẫn lộn ở đó. Kiếp hoại là giai đoạn hủy diệt và kiếp không là thời kỳ bị tiêu diệt hoàn toàn không còn lại gì cả.

Con số 16 triệu năm chỉ là một tiểu kiếp. Một đại kiếp gồm có 4 thời kỳ tức là bốn trung kiếp mà mỗi thời kỳ có 20 tiểu kiếp.

Trong Kinh thường dùng từ “hằng hà sa số kiếp” là kiếp số không thể tính đếm hết được.

(22) *Tượng pháp: Pháp tương tự như thời chánh pháp lúc Đức Phật còn tại thế và sau khi Phật diệt độ 500 năm. Giáo pháp suy kém dần do sự hiểu biết sai lệch, người tu tập khó chứng đắc như thời kỳ có Phật.*

(23) *Giải đãi: Biếng trễ, trì trệ không chịu làm việc mà cứ để dây dưa kéo dài mãi. Chỉ sự lười mỏi, biếng nhác của người thiếu kiên chí bền tâm. Trái nghĩa của từ giải đãi là tinh tấn; người xuất gia học hạnh của Phật phải luôn luôn tinh tấn tức phấn đấu với con ma giải đãi mới tiến vững trên đường đạo được.*

(24) *Thiên kiến: Kiến thức hay sự hiểu biết thô thiên, hạn hẹp. Người biết nhiều, hiểu rộng mà khiêm nhường tự cho kiến thức mình còn thô thiên; kiến thức hẹp hòi lại khoe tài, khen mình hay giỏi là người mà mọi người nên dè dặt, lánh xa.*

Xưa nay, những bậc đại trí thường để người đời ca tụng, còn kẻ quê mùa ít học lại ưa võ ngược tự xưng. Ở đời có những việc nghịch thường như vậy mới có lắm chuyện phiền phức xảy ra. Nếu ai cũng có tâm tu sửa cho ngay chính lấy mình thì nền hòa bình của nhân loại chắc chắn được duy trì bảo đảm, vì tất cả mọi người biết thương nhau và ai nấy biết kính trên nhường dưới thì cảnh binh đao huyết hận không còn xảy ra cho nhân loại nữa.

(25) *Thô tháo: Cử chỉ xúc xích lượm thượm không đàng hoàng.*

(26) *Tín thí: Người tín tâm trong Phật pháp đem của cải cúng dường vào chùa tạo phước. Tín thí hay còn gọi là thí chủ, đàn na hoặc đàn việt nghĩa giống nhau, chỉ người có đạo tâm lo phụng sự Phật pháp.*

(27) *Lếu láo: Thiếu lễ độ, tư cách và thiếu lễ phép, như thái độ lếu láo, ăn nói lếu láo v.v...*

(28) Áo tu: Chiếc áo nhà tu, còn gọi là áo nâu sòng hay chiếc áo hoại sắc mà người xuất gia mặc.

(29) Pháp lục hòa: Sáu phép hòa kính trong tăng đoàn hòa mình sống chung cùng một nơi. Đó là:

- 1) Thân hòa cùng ở chung.
- 2) Miệng hòa không tranh cãi.
- 3) Ý hòa cùng vui.
- 4) Chỗ hiểu biết cùng chia sẻ với nhau.
- 5) Cùng nhau giữ giới luật tu hành.
- 6) Lợi lộc cùng chia đều cho nhau.

(30) Tri kiến: Sự hiểu biết hay lý giải mọi sự việc.

(31) Đọa lạc: Rơi rụng, chìm lặn (đắm) trong luân hồi sanh tử.

(32) Dấu tích ẩn danh hay mai danh ẩn tích: Người tu không muốn tiếp xúc mọi người, không chung chạ những nơi ồn ào; ẩn thân tu kín một chỗ thanh vắng như trong hang sâu, trên núi cao chẳng hạn.

(33) Pháp phương tiện: Bày ra cách dẫn dụ người theo con đường thiện, việc lành. Phật nói pháp phương tiện để đưa chúng sanh vượt qua bờ giác.

(34) Hữu lậu: Còn sót lại, rơi rớt, chảy rỉ... chỉ pháp thế gian còn lại phiền não ô nhiễm làm cho con người mê đắm cảnh trần gian không rời bỏ.

(35) Chấp đoạn, chấp thường: Hai lỗi kiến chấp sai lầm đều gây tai hại như cho rằng con người chết là mất hẳn hoặc sau khi chết con người vẫn trở lại làm người (chấp thường). Cả hai loại kiến chấp này đều bị thiệt thòi không thể nào giúp người tu tìm cầu giải thoát được.

(36) Pháp tánh: Bản tánh các pháp hay cái thật thể của chúng sanh và mọi sự mọi vật. Bản tánh các pháp vốn là

không - không tịch - chẳng thật có. Chẳng qua các pháp cái này giống cái kia, cái này tiếp nối cái kia, kẻ phàm phu tưởng lầm là có, chư Phật, Bồ Tát thấy là không, không tịch. Pháp tánh là bản tánh tự nhiên của các pháp hữu vi hay vô vi, tức là bản thể hay chân như vậy.

(37) Pháp khí: Có hai nghĩa: Đồ pháp cụ hành đạo như bình bát, nhạc cụ cúng dường Phật và căn khí đạo đức, chỉ người có khả năng, đạo đức tinh anh, làm nên Phật pháp.

(38) Trượng phu: Người có chí khí, tâm quảng đại từ bi như được không kiêu, bại không thối chí nản lòng, tâm luôn luôn an nhiên tự tại, vui hòa với mọi người.

(39) Thượng lưu: Tầng lớp cao sang trong xã hội. Có thể tạm chia thành ba hạng người như thượng lưu, trung lưu và hạ lưu. Hạng người có quyền ưu thế hơn những thành phần khác trong xã hội.

(40) Tiên tế, hậu tế (thử trước, vô cùng): Đời quá khứ về trước và kiếp vị lai về sau này.

(41) Luân hồi: Bánh xe quay tròn không ngừng, chỉ cho chúng sanh lăn lộn trong sáu đường lên xuống vào ra như bánh xe quay không dứt.

(42) Năm ấm hay ngũ uẩn: Là năm món kết hợp lại thành tâm pháp và sắc pháp, là sắc đẹp, thọ nhận, tưởng nghĩ, hành vi, ý thức hay sự quyết đoán đúng sai, lợi hại...

(43) Duyên sanh: Có duyên sanh cái này, cái kia đối với các pháp nên gọi là pháp duyên sanh. Hễ cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia cũng diệt; nghĩa là các pháp tồn tại được là nhờ mối liên hệ dây chuyền này.

(44) Vô minh: Không sáng suốt, u tối hay ngu tối, không biết xét đoán phải trái, bị lôi kéo bởi nghiệp lực nên chúng sanh tương tục đầu thai trong sanh tử không bao giờ dứt.

(45) *Lục tặc*: Sáu tên giặc chuyên môn làm hại người tu hành. Đó là sáu căn trong người: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tiếp xúc sáu trần cảnh là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp gây nên tác hại không lường, nếu người tu hành không nhiếp phục 6 căn bằng việc giữ gìn giới luật.

(46) *Lục đạo*: Sáu đường hay sáu nẻo luân hồi mà chúng sanh đọa sa trong đó không có kỳ ra khỏi là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiên, nhân, a tu la.

(47) *Các duyên*: Là những nhân duyên ràng buộc với nhau không rời tạo nên con người, chúng sanh hay sơn hà, đại địa v.v... như thời tiết bốn mùa, ngày đêm, trăng sao... là các duyên giúp con người và muôn vật sanh trưởng.

(48) *Sáu căn*: Tức lục căn là sáu nơi phát tiết ra sự nhận biết của cơ thể như:

- Mắt thấy
- Tai nghe
- Mũi hửi
- Lưỡi nếm
- Thân sờ mó, đụng chạm
- Ý suy xét, nghĩ ngợi.

(49) *Vọng tâm*: Tâm vọng tưởng, nghĩ bậy hay tâm loạn động do những tạp loạn của đời sống thiếu nhiếp niệm mà có. Đối trị vọng tâm là chân tâm, tánh giác hay chân như vậy.

Kinh sách Pháp Bảo mới tái bản

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------|
| - Kinh Vô Cấu Xưng | <i>Thích Bảo Lạc dịch</i> |
| - Vô Niệm Viên Thông | <i>Thích Minh Thiền</i> |
| - Chinh Phục Sinh Tử | <i>Thích Thanh Từ</i> |
| - Ánh Sáng Á Châu | <i>Đoàn Trung Còn</i> |
| - Qui Sơn Cảnh Sách | <i>Thích Bảo Lạc</i> |
| | <i>dịch giải và bình luận</i> |
| - Lịch Sử Ngũ Hành Sơn | <i>Thích Hương Sơn</i> |
| - Như Dòng Ý Thức | <i>Sông Thu</i> |
| | <i>(Viên Giác t.b.)</i> |
| - Kiến Thức Căn Bản Phật Giáo | <i>Thích Bảo Lạc</i> |
| | <i>(Khánh Anh t.b.)</i> |

Muốn thỉnh những cuốn trên xin liên lạc về:

Chùa Pháp Bảo

148-154 Edensor Road,
St. Johns Park NSW 2176, Australia